THIỆN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TOÁN 4

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHẠM VĂN HOÀN (Chủ biên)
ĐÀO NÃI - ĐỖ TRUNG HIỆU - ĐỖ ĐÌNH HOAN
HOÀNG THỊ PHƯỚC HẢO - ĐỖ NGỌC DỤNG

TOÁN
4

ruongxua.vn

(In lần thứ 11 - chỉnh lí năm 1994)

TỦ SÁCH GIA ĐÌNH
MAN THIỆN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1995

DẤU HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

Nội dung của một tiết học	●
Lí thuyết	■
Bài tập thực hành	▲

thuongmaitr

Biên soạn : PHẠM VĂN HOÀN *(Chủ biên)*
ĐỖ TRUNG HIỆU – ĐỖ ĐÌNH HOAN
HOÀNG THỊ PHƯỚC HẢO – ĐỖ NGỌC DỤNG
Chỉnh lí : ĐÀO NÃI *(chủ biên)*
ĐỖ TRUNG HIỆU – ĐỖ ĐÌNH HOAN
Biên tập : VŨ MAI HƯƠNG
Biên tập kĩ thuật : BÙI CHÍ HIẾU
Trình bày bìa : VÕ TÁ HÙNG
Sửa bản in : HOÀNG DIỄM

Toán 4 / Phạm Văn Hoàn (chủ biên), Đào Nãi, Đỗ Trung Hiệu, Đỗ Đình Hoan. – In lần thứ 11. – H. : Giáo dục, 1995. – 220tr. ; 20,5cm.

Mã số : 1H413 t5 51(075)

Chương một

ÔN TẬP BỐN PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 1000

● Phép cộng

■

a) 302 + 425 = ?

Đặt tính — *Cộng theo thứ tự từ phải sang trái :*

$$\begin{array}{r} 302 \\ +\ 425 \\ \hline 727 \end{array}$$

302 ← số hạng
425 ← số hạng
727 ← tổng

* 2 cộng 5 bằng 7, viết 7
* 0 cộng 2 bằng 2, viết 2
* 3 cộng 4 bằng 7, viết 7.

truongxua.vn

b) 378 + 425 = ?

Đặt tính — *Cộng theo thứ tự từ phải sang trái :*

$$\begin{array}{r} 378 \\ +\ 425 \\ \hline 803 \end{array}$$

* 8 cộng 5 bằng 13, viết 3, *nhớ* 1
* 7 cộng 2 bằng 9, *thêm* 1 bằng 10, viết 0 *nhớ* 1
* 3 cộng 4 bằng 7, *thêm* 1 bằng 8, viết 8.

c) 308 + 406 = ?

Đặt tính — *Cộng theo thứ tự từ phải sang trái :*

$$\begin{array}{r} 308 \\ +\ 406 \\ \hline 714 \end{array}$$

* 8 cộng 6 bằng 14, viết 4, *nhớ* 1.
* 0 cộng 0 bằng 0, *thêm* 1 bằng 1, viết 1
* 3 cộng 4 bằng 7, viết 7.

▲ 1. $\begin{array}{r} 25 \\ +\ 32 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 48 \\ +\ 39 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 325 \\ +\ 432 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 248 \\ +\ 539 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 320 \\ +\ 78 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 208 \\ +\ 99 \\ \hline \end{array}$

2. 412 + 247 247 + 412 547 + 386 386 + 547

3.

Số hạng	326	407	548	468	606	298
Số hạng	253	32	329	357	354	702
Tổng						

4. Dân số ở một làng có 497 nam và có số nữ nhiều hơn số nam là 14 người. Hỏi làng đó có bao nhiêu nữ ?

Bài giải : Làng đó có số nữ là : 497 + 14 = 511 (người)

Đáp số : 511 người.

5. Xóm Trại năm ngoái có 278 hộ, năm nay có thêm 23 hộ. Hỏi năm nay xóm Trại có bao nhiêu hộ ?

6. Một trại gà bán đi 535 con và còn lại 457 con. Hỏi trước khi bán, trại đó có bao nhiêu con gà ?

thuongmait

● Phép trừ

■ a) 514 – 310 = ?

Đặt tính — *Trừ theo thứ tự từ phải sang trái :*

514 (số bị trừ) — ∗ 4 trừ 0 bằng 4, viết 4

– 310 (số trừ) — ∗ 1 trừ 1 bằng 0, viết 0

204 (hiệu) — ∗ 5 trừ 3 bằng 2, viết 2.

b) 527 – 349 = ?

Đặt tính — *Trừ theo thứ tự từ phải sang trái :*

527 — ∗ 17 trừ 9 bằng 8, viết 8, *nhớ* 1 vào 4

– 349 — ∗ 4 *thêm* 1 bằng 5, 12 trừ 5 bằng 7, viết 7, *nhớ* 1 vào 3

178 — ∗ 3 *thêm* 1 bằng 4, 5 trừ 4 bằng 1, viết 1.

▲ **1.**

57	97	757	797	398	307
− 32	− 39	− 432	− 539	− 320	− 107

2.

Số bị trừ	358	547	534	540	405	1000
Số trừ	246	304	281	316	256	706
Hiệu						

3. Một trường học có 497 học sinh trai và có số học sinh gái ít hơn số học sinh trai là 38 em. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh gái ?

4. Số dân ở một làng là 987 người, trong đó có 507 nữ. Hỏi làng đó có bao nhiêu nam ?

5. Một trại gà có 992 con gà. Sau khi bán gà, trại còn lại 457 con. Hỏi trại đó đã bán bao nhiêu con gà ?

truongxua.vn

6. Tìm số có hai chữ số, biết rằng hai chữ số của số đó có tổng là 7 và hiệu cũng là 7.

● Phép nhân

a) $201 \times 4 = ?$

Đặt tính		*Nhân theo thứ tự từ phải sang trái :*
201	thừa số	* 4 nhân 1 bằng 4, viết 4
× 4	thừa số	* 4 nhân 0 bằng 0, viết 0
804	tích	* 4 nhân 2 bằng 8, viết 8.

b) $235 \times 4 = ?$

Đặt tính — *Nhân theo thứ tự từ phải sang trái :*

```
 235
×  4
 ---
 940
```

* 4 nhân 5 bằng 20, viết 0, *nhớ* 2
* 4 nhân 3 bằng 12, *thêm* 2 là 14, viết 4, *nhớ* 1
* 4 nhân 2 bằng 8, *thêm* 1 là 9, viết 9.

▲ **1.** 21×3 ; 26×3 ; 321×3 ; 326×3 ; 230×4 ; 206×4

2.

Thừa số	312	123	123	125	209	250
Thừa số	3	4	6	8	4	4
Tích						

3. Một trại gà có 234 gà đẻ và có số gà con gấp 4 lần số gà đẻ. Hỏi trại đó có bao nhiêu con gà con ?

4. Người ta rót dầu ở một thùng vào 9 can như nhau, mỗi can được 19 lít. Hỏi số lít dầu ở thùng ?

5. Trưởng lớp chỉ huy các bạn xếp hàng 4 và xếp được 12 hàng. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn trong lớp ?

● Phép chia

■ a) $693 : 3 = ?$

Đặt tính — *Chia theo thứ tự từ trái sang phải :*

```
Số bị chia > 693 | 3   < Số chia
              09 | 231 < Thương
              03
Số dư >        0
```

$693 : 3 = 231$

* 6 chia cho 3 được 2, 2 nhân 3 bằng 6, 6 trừ 6 bằng 0, viết **2** ở thương
* Hạ 9, 9 chia cho 3 được 3, 3 nhân 3 bằng 9, 9 trừ 9 bằng 0, viết **3** ở thương
* Hạ 3, 3 chia cho 3 được 1, 1 nhân 3 bằng 3, 3 trừ 3 bằng 0, viết **1** ở thương.

thuongmaitr

b) 740 : 3 = ?

Đặt tính

```
740 | 3
14  |246
 20
  2
```

740 : 3 = 246 (*dư* 2)

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

* 7 chia cho 3 được 2 ; 2 nhân 3 bằng 6, 7 trừ 6 bằng 1, viết 1 dưới 7, viết **2** ở thương

* Hạ 4, 14 chia cho 3 được 4, 4 nhân 3 bằng 12, 14 trừ 12 bằng 2, viết 2 dưới 14, viết **4** ở thương

* Hạ 0, 20 chia cho 3 được 6, 6 nhân 3 bằng 18, 20 trừ 18 bằng 2, viết 2 dưới 20, viết **6** ở thương.

▲ **1.** 63 : 3 324 : 4 920 : 4 102 : 4

78 : 3 344 : 4 824 : 4 408 : 4

2.

Số bị chia	936	960	872	872	840	621
Số chia	3	3	4	8	8	3
Thương						

ruongxua.vn

3. Lớp có 48 học sinh, xếp hàng mỗi hàng 4 người. Hỏi lớp xếp được bao nhiêu hàng ?

4. Một cửa hàng bán được 270 kg gạo tẻ và một số kilôgam gạo nếp kém số kilôgam gạo tẻ là 6 lần. Hỏi số kilôgam gạo nếp bán được là bao nhiêu ?

5. Tìm số có hai chữ số biết tổng hai chữ số bằng 12 và chữ số hàng đơn vị gấp đôi chữ số hàng chục.

● Biểu thức có chứa một chữ

■ *Ví dụ :* Lan có 3 quyển vở. Mẹ cho Lan thêm .... quyển vở. Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở ?

Số quyển vở Lan có, có thể như sau :

Số vở Lan có	Số vở mẹ cho thêm	Lan có tất cả
3	1	3 + 1
3	2	3 + 2
3	0	3 + 0
3	a	3 + a

3 + a là biểu thức có chứa một chữ, đó là chữ *a*.

- Nếu *a* = 1 thì 3 + *a* = 3 + 1 = 4 ; 4 là một *giá trị số* của biểu thức 3 + *a*.

- Nếu *a* = 2 thì 3 + *a* = 3 + 2 = 5 ; 5 là một *giá trị số* của biểu thức 3 + *a*.

- Nếu *a* = 0 thì 3 + *a* = 3 + 0 = 3 ; 3 là một *giá trị số* của biểu thức 3 + *a*.

thuongmaitr

Mỗi lần *thay chữ bằng số*, ta *tính được một giá trị số của biểu thức 3 + a*.

Một số ví dụ về biểu thức chứa một chữ và cách đọc biểu thức đó :

3 + a đọc là tổng của 3 và a.

68 – b đọc là hiệu của 68 và b.

9 × n đọc là tích của 9 và n.

y : 5 đọc là thương của y và 5.

▲ **1.** Tính giá trị số của biểu thức 35 + m với :

m = 12 ; m = 37 ; m = 0 ; m = 35.

Mẫu : Với m = 12 thì 35 + m = 35 + 12 = 47.

2. Tính giá trị số của biểu thức :

a)

x	x + 125
35	35 + 125 = ...
87	
105	

b)

y	415 – y
48	415 – 48 = ...
246	
379	

c)

a	125 × a
0	
2	
3	

d)

s	s : 6
0	
600	
636	

3. Viết biểu thức rồi tính giá trị số của biểu thức :

ruongxua.vn

a) Tổng của 75 và k với k = 1 ; k = 15 ; k = 25 ;

b) Hiệu của 68 và n với n = 34 ; n = 29 ;

c) Tích của x và 3 với x = 16 ; x = 42 ;

d) Thương của y và 5 với y = 25 ; y = 620.

Mẫu :

Tổng của 75 và k viết là 75 + k ; k = 25 thì 75 + k = 75 + 25 = 100.

4. Tính giá trị số của các biểu thức :

a)

x	25	75	0
135 + x	160		
135 – x	110		

b)

m	3	5	1
135 × m	405		
135 : m	45		

● Tìm thành phần chưa biết của phép tính

■ a) Lấy tổng của hai số hạng trừ đi số hạng này, ta được số hạng kia.

Ví dụ : Tìm x : $x + 48 = 100$

$x = 100 - 48$

$x = 52$

b) Lấy tích của hai thừa số chia cho thừa số này, ta được thừa số kia.

Ví dụ : Tìm x : $x \times 8 = 1000$

$x = 1000 : 8$

$x = 125$

c) Lấy hiệu cộng với số trừ, ta được số bị trừ.

Ví dụ : Tìm x : $x - 247 = 526$

$x = 526 + 247$

$x = 773$

d) Lấy thương nhân với số chia, ta được số bị chia.

Ví dụ : Tìm x : $x : 3 = 253$

$x = 253 \times 3$

$x = 759$

e) Lấy số bị trừ, trừ đi hiệu, ta được số trừ.

Ví dụ : Tìm x : $224 - x = 4$

$x = 224 - 4$

$x = 220$

g) Lấy số bị chia, chia cho thương, ta được số chia.

Ví dụ : Tìm x : $224 : x = 4$

$x = 224 : 4$

$x = 56$

▲ **1.** Tìm x :

$487 + x = 1000$ $\qquad$ $x \times 3 = 702$

$x + 513 = 1000$ $\qquad$ $4 \times x = 728$

thuongmaitr

2. Tìm y :

y – 487 = 513   y : 7 = 126

y – 243 = 467   y : 8 = 125

3. Tìm b :

895 – b = 798   832 : b = 4

773 – b = 247   940 : b = 5

4. Điền chữ số thích hợp vào dấu * :

$$\begin{array}{r} 129 \\ + \; *** \\ \hline 999 \end{array} \qquad \begin{array}{r} *** \\ \times \; 4 \\ \hline 888 \end{array}$$

5. Điền chữ số thích hợp vào dấu * :

$$\begin{array}{r} *** \\ - \; 129 \\ \hline 555 \end{array} \qquad \begin{array}{r|l} *** & 2 \\ \cline{2-2} ** & 333 \\ ** & \\ 0 & \end{array}$$

ruongxua.vn

● Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức

■ *a) Nếu trong biểu thức không có dấu ngoặc đơn () và chỉ có phép cộng, phép trừ hoặc chỉ có phép nhân, phép chia thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.*

Ví dụ : $\underbrace{30 - 5} + 2 = 25 + 2 = 27$ $\underbrace{30 : 5} \times 2 = 6 \times 2 = 12$

b) Nếu trong biểu thức không có dấu ngoặc đơn () và có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện trước các phép tính nhân, chia rồi sau đó thực hiện các phép tính cộng, trừ.

Ví dụ : $65 + \underbrace{21 : 3} =$ $\quad\quad$ $\underbrace{27 : 3} - \underbrace{4 \times 2} =$

$= 65 + \quad 7$ $\quad\quad$ $= \quad 9 \quad - \quad 8$

$= \quad 72$ $\quad\quad$ $= \quad 1$

c) Nếu trong biểu thức có dấu ngoặc đơn () thì ta thực hiện trước các phép tính trong dấu ngoặc đơn đó.

Ví dụ : $30 - \underbrace{(5 + 2)} =$ $\quad\quad$ $72 : \underbrace{(10 - 7 + 5)} =$

$= 30 - \quad 7$ $\quad\quad$ $= 72 : \quad 8$

$= 23$ $\quad\quad$ $= 9$

▲ **1.** Tính giá trị của biểu thức :

273 – 125 – 78 $\quad\quad$ 392 : 8 × 9

542 + 123 – 79 $\quad\quad$ 482 × 2 : 4

2. Tính giá trị của biểu thức :

252 : 4 + 196 × 4 $\quad\quad$ (639 – 453) : 3

485 : 5 – 205 : 5 $\quad\quad$ 639 – 453 : 3

thuongmaitr

3. Tính giá trị của biểu thức :

64 : 8 : 2 $\quad\quad$ 75 – 15 – 8 $\quad\quad$ 64 : 4 × 2

64 : (8 : 2) $\quad\quad$ 75 – (15 – 8) $\quad\quad$ 64 : (4 × 2)

4. Tính giá trị của biểu thức như sau là đúng hay sai ?

a) 60 : 5 × 2 = 60 : 10 = 6 ;
b) 60 – 5 + 2 = 60 – 7 = 53 ;
c) 20 × 2 + 3 = 40 + 3 = 43 ;
d) 20 × 2 + 3 = 20 × 5 = 100.

● Giải các bài toán hợp

■ *Bài toán :* Một cửa hàng bán được 237 kg gạo nếp và một số kilôgam gạo tẻ gấp 3 lần số kilôgam gạo nếp. Hỏi cửa hàng đó đã bán được tất cả bao nhiêu kilôgam gạo nếp và tẻ ?

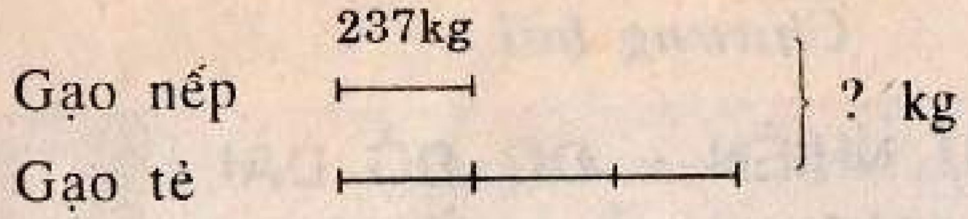

Bài giải

Số kilôgam gạo tẻ đã bán là :

$$237 \times 3 = 711 \text{ (kg)}$$

Số kilôgam gạo nếp và tẻ đã bán là :

$$237 + 711 = 948 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 948 kg.

(Học sinh tự tìm thêm một cách giải khác).

▲ **1.** Một trại nuôi được 596 con vịt và một số gà kém số vịt 4 lần. Hỏi trại đó nuôi được tất cả bao nhiêu con gà, vịt ? (Giải bằng 2 cách).

ruongxua.vn

2. Một gia đình thu hoạch được 960 kg thóc, đã bán đi $\frac{1}{6}$ số thóc để chi về học hành, $\frac{1}{8}$ số thóc để chi về may mặc. Hỏi gia đình đó đã bán đi tất cả bao nhiêu kilôgam thóc ?

3. Trong kho, mỗi thùng dầu đều có số lít dầu như nhau. Nếu lấy 3 thùng thì được 594*l* dầu. Hỏi lấy 5 thùng thì được bao nhiêu lít dầu ?

4. Ở phòng họp mỗi dãy ghế đều có cùng một số ghế. Nếu có 54 người họp thì phải kê 6 dãy ghế. Hỏi có 162 người họp thì phải kê bao nhiêu dãy ghế.

5. Đan mỗi áo len hết 6 cuộn len trắng và 2 cuộn len đỏ. Hỏi đan 12 áo len như thế thì hết tất cả bao nhiêu cuộn len ? (Giải bằng 2 cách).

Chương hai

SỐ TỰ NHIÊN – ĐO ĐỘ DÀI, KHỐI LƯỢNG VÀ THỜI GIAN

1. SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

● Nghìn – Chục nghìn (vạn) – Trăm nghìn

■ a) Đơn vị – Chục – Trăm

9 + 1 = 10

99 + 1 = 100

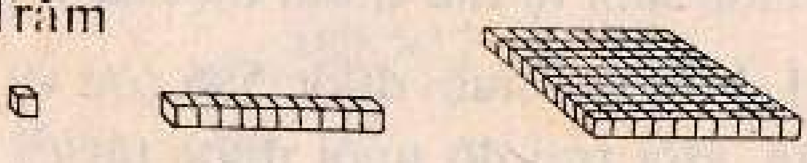

1   1 chục   1 trăm

b) Nghìn – Chục nghìn (vạn) – Trăm nghìn

thuongmaitr

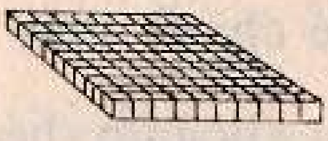

100

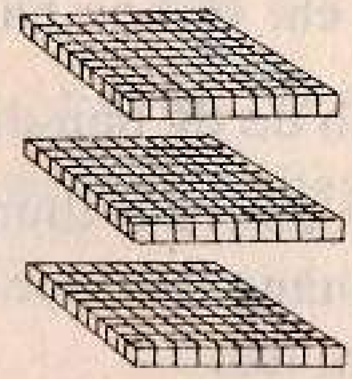

300

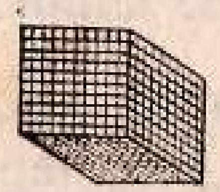

10 trăm
= 1 nghìn

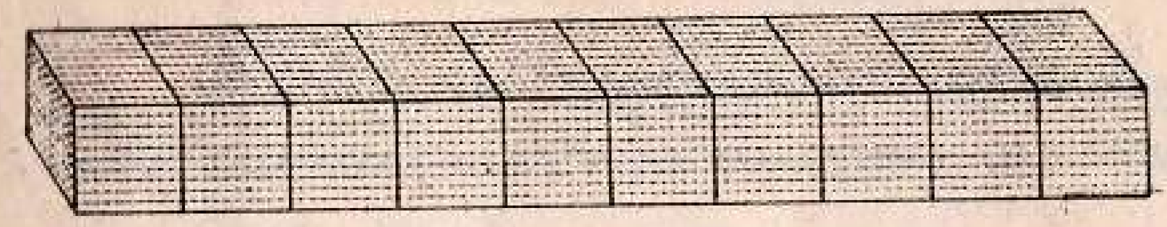

10 nghìn
= 1 chục nghìn
(1 vạn)
10 000

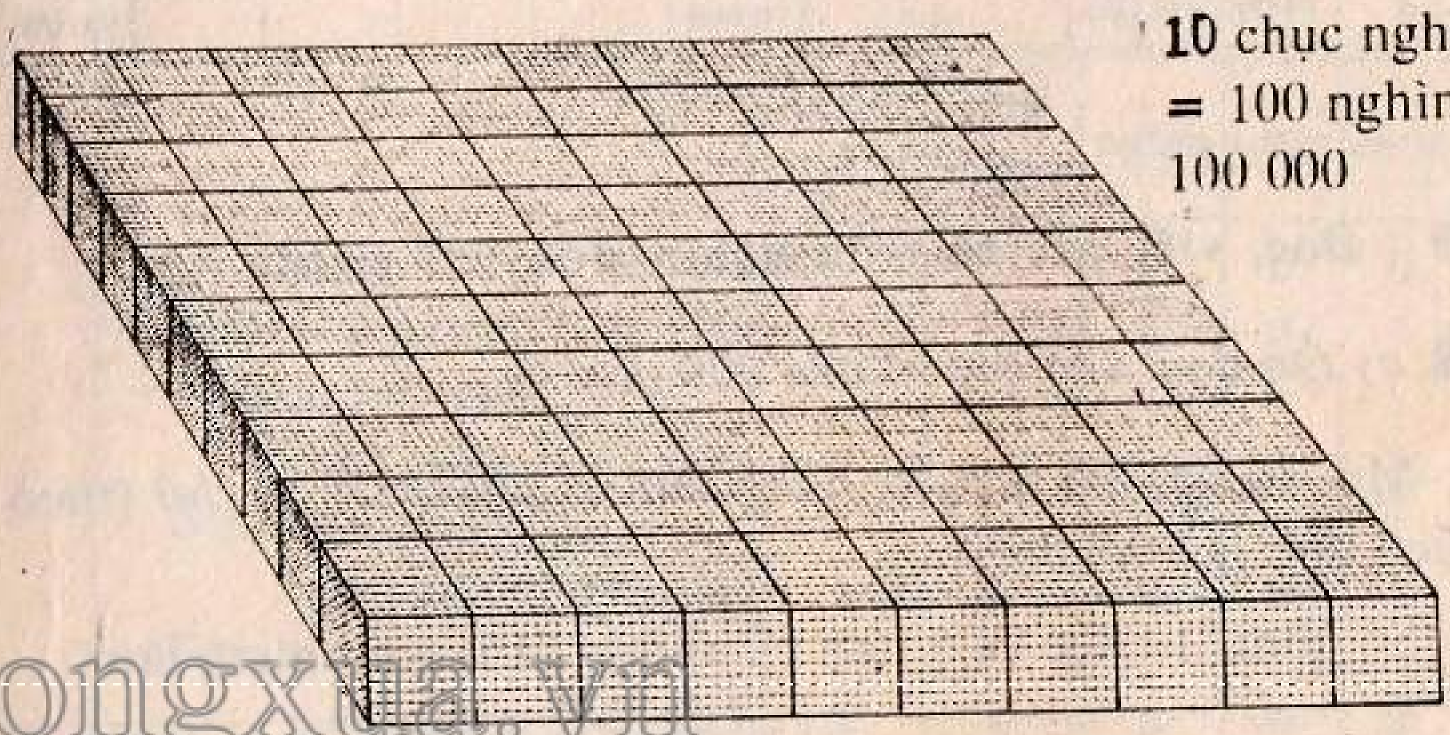

10 chục nghìn
= 100 nghìn
100 000

ruongxua.vn

▲ **1.** Đếm thêm nghìn, từ 1 nghìn đến 10 nghìn (1 vạn). Đếm bớt nghìn, từ 10 nghìn đến 1 nghìn.

2. Đọc các số tròn nghìn trên tia số sau :

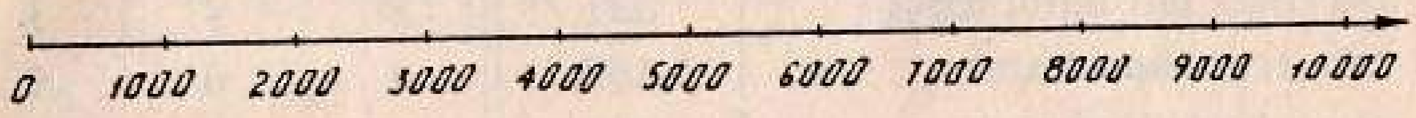

3. Điền các số tròn nghìn theo thứ tự từ bé đến lớn :

0	1000				5000					10000

4. Đếm thêm chục nghìn (vạn), từ 1 chục nghìn đến 10 chục nghìn (10 vạn). Đếm bớt chục nghìn, từ 1 trăm nghìn đến 1 chục nghìn.

5. Đọc các số tròn chục nghìn (tròn vạn) trên tia số sau :

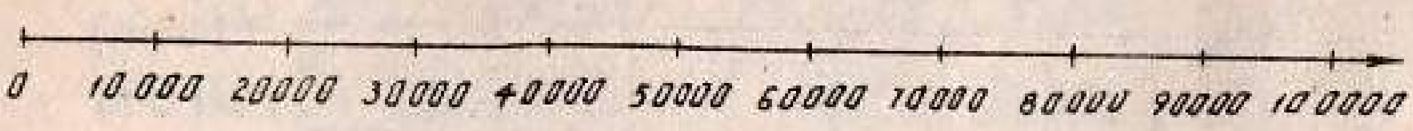

6. Điền các số tròn vạn theo thứ tự từ bé đến lớn :

0	10 000	20 000			50 000					100 000

● Đọc, viết các số tròn nghìn đến 999 nghìn

■ *a) Ôn đọc, viết các số đến 999 đơn vị*

Mỗi số đều có thể *viết bằng chữ số* hoặc *viết cả chữ* (theo cách đọc số). Ví dụ :

Số gồm "1 chục và 5 đơn vị" viết là "15" hay "mười lăm".

thuongmaitr

Đọc số	Viết số	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
Chín	9			9
Mười lăm	15		1	5
Ba trăm hai mươi mốt	321	3	2	1
Bốn trăm sáu mươi	460	4	6	0
Năm trăm linh năm	505	5	0	5
Chín trăm	900	9	0	0

Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đã viết.

Trong số 999 : chữ số 9 ở hàng đơn vị biểu thị 9 đơn vị,
chữ số 9 ở hàng chục biểu thị 90 đơn vị,
chữ số 9 ở hàng trăm biểu thị 900 đơn vị.

b) Đọc, viết các số tròn nghìn

Ba chữ số cuối của các số tròn nghìn đều là ba chữ số 0 (ở hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị). Ví dụ :

1 **000** ; 3 **000** ; ... ; 9 **000** ; 10 **000** ; ...

Đọc số	Viết số	Hàng					
		trăm nghìn	chục nghìn	nghìn	trăm	chục	đơn vị
– Chín nghìn	9 000			9	0	0	0
– Mười lăm nghìn	15 000		1	5	0	0	0
– Ba trăm hai mươi mốt nghìn	321 000	3	2	1	0	0	0
– Bốn trăm sáu mươi nghìn	460 000	4	6	0	0	0	0
– Năm trăm linh năm nghìn	505 000	5	0	5	0	0	0
– Chín trăm nghìn	900 000	9	0	0	0	0	0

ruongxua.vn

Số 999 000 (chín trăm chín mươi chín nghìn) gồm : 9 trăm nghìn, 9 chục nghìn và 9 nghìn.

▲ **1.** Đọc các số sau :

123 000 ; 320 000 ; 900 000 ; 909 000.

2. Viết các số sau :

Hai trăm mười ba nghìn ;

Hai trăm ba mươi nghìn ;

Hai trăm linh ba nghìn.

3. Điền chữ hoặc số vào chỗ chấm :

Đọc số	Viết số	Hàng		
		trăm	chục	đơn vị
Năm trăm bốn mươi ba	...	....	....	....
....	435	.....	.....	.....
Chín trăm chín mươi	...	.....	.....	.....
....	...	9	8	7
Tám trăm linh bảy	...	....	....	....
....	709	...	...	...

4. Điền chữ hoặc số vào chỗ chấm :

Đọc số	Viết số	Hàng					
		trăm nghìn	chục nghìn	nghìn	trăm	chục	đơn vị
– Hai mươi mốt nghìn	...	...	...	...	0	0	0
– .... nghìn	345 000	...	...	...	0	0	0
– Năm trăm năm mươi nghìn	...	...	...	...	0	0	0
– Bảy trăm linh tám nghìn	...	...	...	...	0	0	0
–	...	8	0	0	0	0	0

thuongmaitr

5. Viết các số sau :

Năm học 1992–1993 giáo dục tiểu học nước ta có :

– Hai trăm sáu mươi lăm nghìn giáo viên ;

– Hai mươi tám vạn lớp ;

– Mười ba nghìn trường.

● Hàng và lớp. Đọc, viết các số có 6 chữ số

■ a)

Số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
321				3	2	1
654 000	6	5	4	0	0	0
654 321	6	5	4	3	2	1

Hàng đơn vị, hàng chục (đơn vị), hàng trăm (đơn vị) hợp thành *lớp đơn vị*.

Hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn hợp thành *lớp nghìn*.

b)

ruongxua.vn

Đọc số	Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
		Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
– Sáu trăm năm mươi tư nghìn ba trăm hai mươi mốt	654 321	6	5	4	3	2	1
– Năm trăm ba mươi nghìn hai trăm linh ba	530 203	5	3	0	2	0	3
– Chín trăm linh tám nghìn bảy trăm mười	908 710	9	0	8	7	1	0
– Chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín	999 999	9	9	9	9	9	9

▲ **1.** Đọc các số sau và nêu rõ mỗi chữ số thuộc hàng nào, lớp nào :
46 307 ; 56 032 ; 40 102 ; 125 317 ; 305 804 ; 960 780.

2. Viết các số sau :
Một trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm bốn mươi bảy ;
Ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm linh chín ;
Tám trăm linh sáu nghìn chín trăm bảy mươi.

3. Viết mỗi số sau thành tổng :

37 542 ; 98 730 ; 612 534 ; 956 705.

Theo mẫu : 37 542 = 30 000 + 7 000 + 500 + 40 + 2

4. Viết số bé nhất có 6 chữ số ;
Viết số lớn nhất có 6 chữ số.

5. Cho các chữ số 0, 1, 2, 3, 4, 5.
a) Viết số lớn nhất có sáu chữ số đó ;
b) Viết số bé nhất có sáu chữ số đó.

thuongmaitr

● Luyện tập

▲ **1.** Điền chữ hoặc chữ số vào chỗ chấm :

Đọc số	Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
		Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
–	54 312	...	...	...	...	...	...
– Bốn mươi lăm nghìn hai trăm mười ba	...	...	...	...	...	...	...
–	54 302	...	...	...	...	...	...
–	...	6	5	4	3	0	0
– Chín trăm mười hai nghìn tám trăm	...	...	...	...	...	...	...
–	...	9	0	2	8	0	3

2. Viết các số sau :

Sáu trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi bảy ;
Năm trăm mười bảy nghìn chín trăm năm mươi ;
Chín trăm nghìn bảy trăm mười sáu ;
Bảy trăm linh hai nghìn bốn trăm ;
Bốn trăm mười lăm nghìn không trăm bảy mươi mốt.

3. Ghi giá trị của chữ số 7 trong mỗi số ở bảng sau :

Số	3 785	74 265	146 741	786 245
Giá trị của chữ số 7	700			

4. Viết mỗi số sau thành tổng :

503 060 ; 52 314 ; 83 760 ; 905 700 ; 170 091.

Theo mẫu : 503 060 = 5 trăm nghìn + 3 nghìn + 6 chục

5. Viết số, biết số đó gồm :

a) 5 trăm nghìn, 7 trăm, 3 chục và 5 đơn vị ;
b) 2 trăm nghìn, 8 trăm và 2 đơn vị ;
c) 5 vạn, 7 nghìn, 9 trăm, 6 chục và 5 đơn vị ;
d) 4 chục vạn, 7 nghìn, 6 chục và 5 đơn vị.

6. Viết số thích hợp vào ô trống :

	Có 3 chữ số	Có 4 chữ số	Có 5 chữ số	Có 6 chữ số
Số bé nhất	100			
Số lớn nhất	999			

● **Triệu và lớp triệu**

a) Số lớn nhất có 6 chữ số là 999 999.

Thêm 1 đơn vị vào số đó sẽ được số bé nhất có 7 chữ số là 1 000 000 và đọc là "*một triệu*".

truongxua.vn

b) Đếm thêm "trăm nghìn" từ 1 trăm nghìn đến 10 trăm nghìn :

100 000	200 000	300 000	400 000	500 000	600 000	700 000	800 000	900 000	1 000 000

10 trăm nghìn = 1 triệu ;

1 triệu = 10 trăm nghìn = 1000 nghìn = 1 **000 000**

Đếm thêm triệu từ 1 triệu đến 10 triệu (1 chục triệu) :

1 triệu	2 triệu	3 triệu	...	9 triệu	10 triệu
1000 000	**2 000 000**	**3 000 000**	**...**	**9 000 000**	**10 000 000**

Đếm thêm chục triệu từ 1 chục triệu đến 10 chục triệu (1 trăm triệu) :

1 chục triệu	2 chục triệu	3 chục triệu	...	9 chục triệu	10 chục triệu
10 000 000	20 000 000	30 000 000	...	90 000 000	100 000 000

Hàng triệu, hàng chục triệu và hàng trăm triệu hợp thành *lớp triệu*

thuongmaitr

c) Đọc, viết các số tròn triệu đến 999 triệu

Sáu chữ số cuối của các số tròn triệu đều là sáu chữ số 0 (từ hàng đơn vị đến hàng trăm nghìn)

Ví dụ : 1 triệu : 1 **000 000** ; 123 triệu : 123 **000 000**.

Đọc số	*Viết số*	*Lớp triệu*			*Lớp nghìn*			*Lớp đơn vị*		
		Hàng trăm triệu	*Hàng chục triệu*	*Hàng triệu*	*Hàng trăm nghìn*	*Hàng chục nghìn*	*Hàng nghìn*	*Hàng trăm*	*Hàng chục*	*Hàng đơn vị*
– Chín triệu	9 000 000			9	0	0	0	0	0	0
– Mười lăm triệu	15 000 000		1	5	0	0	0	0	0	0
– Ba trăm hai mươi mốt triệu	321 000 000	3	2	1	0	0	0	0	0	0
– Năm trăm linh năm triệu	505 000 000	5	0	5	0	0	0	0	0	0
– Chín trăm triệu	900 000 000	9	0	0	0	0	0	0	0	0

Số 999 000 000 (chín trăm chín mươi chín triệu) gồm : 9 trăm triệu, 9 chục triệu và 9 triệu.

▲ 1. Đọc các số sau :

123 000 000 ; 320 000 000 ; 500 000 000 ; 909 000 000.

2. Viết các số sau :

Hai trăm mười ba triệu ; Hai trăm ba mươi triệu ;

Hai trăm linh ba triệu.

3. Điền chữ hoặc số vào chỗ chấm :

Đọc số	Viết số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
		Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
– Ba trăm mười hai triệu	...	...	...	...	0	0	0	0	0	0
–	415 000 000	...	...	...	0	0	0	0	0	0
– Chín trăm chín mươi triệu	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
– Bảy trăm linh tám triệu	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
–	...	5	0	0	0	0	0	0	0	0

truongxua.vn

4. Viết các số sau : Tính đến năm 1993

. Dân số nước ta là *bảy mươi triệu*.

. Số học sinh phổ thông nước ta là *mười ba triệu*.

. Số dân thành phố Hồ Chí Minh là *bốn triệu*.

5. Viết số bé nhất có 7 chữ số ; số bé nhất có 8 chữ số ; số bé nhất có 9 chữ số.

● Đọc, viết các số có nhiều chữ số

■ a) Số 987 654 321 đọc là "chín trăm tám mươi bảy *triệu* sáu trăm năm mươi bốn *nghìn* ba trăm hai mươi mốt".

– *Khi viết số,* mỗi chữ số thuộc vào một hàng ; giá trị của mỗi chữ số tùy theo nó thuộc hàng nào trong số đó.

Cứ 10 đơn vị ở hàng thấp lập thành 1 đơn vị ở hàng cao liền nó.

– *Khi đọc số* có nhiều chữ số, ta tách số đó thành từng lớp từ lớp đơn vị đến lớp nghìn rồi lớp triệu, mỗi lớp có 3 hàng, dựa vào cách đọc số có tới 3 chữ số thuộc mỗi lớp, để đọc.

b)

Đọc số	*Viết số*	*Lớp triệu*			*Lớp nghìn*			*Lớp đơn vị*		
		Hàng trăm triệu	*Hàng chục triệu*	*Hàng triệu*	*Hàng trăm nghìn*	*Hàng chục nghìn*	*Hàng nghìn*	*Hàng trăm*	*Hàng chục*	*Hàng đơn vị*
– Ba trăm mười lăm triệu bảy trăm nghìn tám trăm linh sáu	315 700 806	3	1	5	7	0	0	8	0	6
– Tám trăm năm mươi triệu ba trăm linh bốn nghìn chín trăm	850 304 900	8	5	0	3	0	4	9	0	0
– Bốn trăm linh ba triệu hai trăm mười nghìn bảy trăm mười lăm	403 210 715	4	0	3	2	1	0	7	1	5

thuongmaitr

▲ **1.** Đọc các số sau và nêu rõ mỗi chữ số thuộc hàng nào, lớp nào :

32 640 507 ;   703 500 860 ;   830 402 900.

2. Viết các số sau :

Một trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm linh năm nghìn tám trăm ;

Năm trăm mười triệu bảy trăm nghìn chín trăm năm mươi ;

Chín trăm linh bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn năm trăm.

3. Viết mỗi số sau thành tổng (theo 2 cách) :

3 715 465 ; 9 237 514 ; 8 439 150.

Theo mẫu : a) $3\ 678 = 3\ 000 + 600 + 70 + 8$

b) $3\ 678 = 3 \times 1\ 000 + 6 \times 100 + 7 \times 10 + 8$

4. Viết : số lớn nhất có 7 chữ số ; số lớn nhất có 8 chữ số ; số lớn nhất có 9 chữ số.

5. Cho bảy chữ số : 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6.

a) Viết số bé nhất có bảy chữ số đó ;

b) Viết số lớn nhất có bảy chữ số đó.

ruongxua.vn

● **Luyện tập**

▲ 1. Đọc các số sau :

230 105 672 ; 105 672 230 ; 672 230 105.

2. Viết các số sau :

Chín trăm mười hai triệu tám trăm linh ba nghìn năm trăm ;

Ba trăm linh bảy triệu bốn trăm nghìn sáu trăm năm mươi ;

Tám trăm mười triệu không trăm hai mươi nghìn bảy trăm.

3. Ghi giá trị của chữ số 9 trong mỗi số ở bảng sau :

Số	952 431 678	319 425 786	193 524 867
Giá trị của chữ số 9			

4. Viết số, biết số đó gồm :

a) 5 trăm triệu, 7 chục nghìn và 9 đơn vị ;

b) 9 chục triệu, 5 trăm nghìn, 6 trăm và 8 đơn vị ;

c) 4 triệu, 5 vạn, 6 nghìn, 3 trăm, 1 chục và 2 đơn vị.

5. Viết số thích hợp vào ô trống :

99 995	99 996				100 000

999 995	999 996				1000 000

thuongmaitr

Số liền trước	Số ở giữa	Số liền sau
8	9	10
	31 500	
16 399		

Số tròn trăm liền trước	Số đã cho	Số tròn trăm liền sau
600	675	700
	16 399	
	135 600	

6. Viết số thích hợp vào ô trống :

	Có 7 chữ số	Có 8 chữ số	Có 9 chữ số
Số bé nhất			
Số lớn nhất			

● Luyện tập chung

▲1. Viết số, biết rằng số đó có thể viết thành tổng như sau :

a) 5 000 + 600 + 70 + 8 ;

b) 90 000 + 4 000 + 300 + 20 + 1 ;

c) 600 000 + 80 000 + 5 000 + 300 + 40 + 9 ;

Theo mẫu : 7 000 + 500 + 90 + 3 = 7 593.

2. a) Viết năm số đứng liên tiếp sau số 999 ;

b) Viết năm số đứng liên tiếp trước số 1 000 000.

3. Tìm x là số tự nhiên biết :

a) $x < 3$; b) $32 < x < 36$; c) $9\,932 < x < 9\,936$.

4. $<$, $=$, $>$?

9 + 1 ☐ 10	1 000 – 1 ☐ 999
100 – 1 ☐ 99	9 999 ☐ 10 000
999 ☐ 1000	1 000 000 ☐ 999 999

5. Tính giá trị của biểu thức :

200 – 100 : 4	(200 – 100) : 4
312 + 88 × 2	(312 + 88) × 2
376 – 76 × 3	(376 – 76) × 3

6. Thay các chữ a, b ở phép tính bên bằng các chữ số thích hợp (a và b là các chữ số khác nhau).

$$\begin{array}{r} \text{a b 8} \\ +\quad \text{a b} \\ \hline \text{a 5 8} \end{array} \qquad \begin{array}{r} \text{a b 4} \\ -\quad \text{a b} \\ \hline \text{a 4 8} \end{array}$$

truongxua.vn

7*. *Một nghìn triệu gọi là 1 tỉ.*

Đọc các số sau :

1 000 000 000 : "một nghìn triệu" hay "một tỉ"

5 000 000 000 : "năm nghìn triệu" hay ".... tỉ"

15 000 000 000 : "mười lăm nghìn triệu" hay ".... tỉ"

315 678 000 000 : "ba trăm mười lăm nghìn sáu trăm bảy mươi tám triệu" hay "... tỉ .... triệu".

2. SỐ TỰ NHIÊN

● Dãy số tự nhiên

■ a) Các số 0, 1, 2, 3, 4, ... , 9, 10, 11, 12, ... là *các số tự nhiên*.

Có thể biểu diễn các số tự nhiên trên tia số, chẳng hạn :

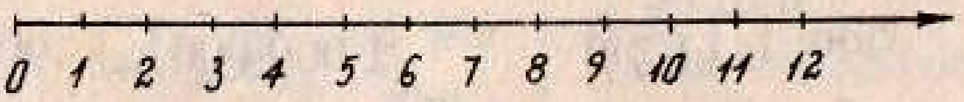

– Mỗi số tự nhiên ứng với một điểm trên tia số.
Số 0 ứng với điểm gốc của tia.

– Từ điểm gốc, kéo dài mãi tia số, ta được các điểm biểu thị các số càng lớn.

b) * Thêm 1 vào bất kì số tự nhiên nào, ta cũng được số tự nhiên liền sau số đó.

Thêm 1 vào 1 000 000 được số 1 000 001 liền sau 1 000 000.

Không có số tự nhiên lớn nhất.

* Bớt 1 ở bất kì số tự nhiên nào (khác số 0), ta cũng được số tự nhiên liền trước số đó.

thuongmaitr

Bớt 1 ở 1 được số 0 liền trước số 1.

Số 0 là số tự nhiên bé nhất ; không có số tự nhiên nào đứng trước số 0.

* Hai số tự nhiên liên tiếp nhau thì hơn hoặc kém nhau 1 đơn vị.

c)

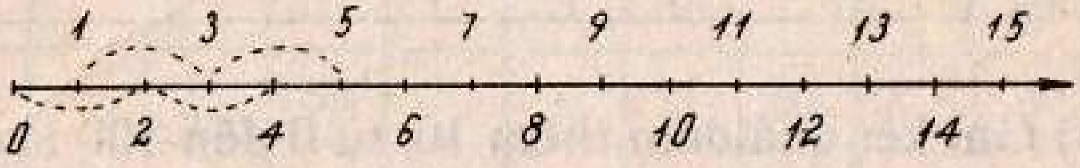

Các số 0, 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, ... là các *số chẵn*.

Các số chẵn là các số chia hết cho 2.

Các số 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, 15, ... là các *số lẻ*.

Các số lẻ là các số không chia hết cho 2.

ruongxua.vn

Hai số chẵn (hoặc lẻ) liên tiếp nhau thì hơn hoặc kém nhau 2 đơn vị.

▲ **1.** Viết số tự nhiên liền sau số :

6 ; 16 ; 166 ; 9 ; 99 ; 999 ; 10 ; 100 ; 1000.

2. Viết số tự nhiên liền trước số :

6 ; 16 ; 166 ; 10 ; 100 ; 1 000 ; 11 ; 101 ; 1001.

3. Viết vào chỗ chấm để được ba số tự nhiên liên tiếp :

6, 7,..... ....., 76, 77 896, ..., 898

8, 9, ..., 99, 100 998, ... , 1 000

4. a) Ghi kết quả đếm thêm 2, từ 0 đến 20 :

0	2				10					20

b) Ghi kết quả đếm thêm 2, từ 1 đến 21 :

1	3				11					21

5. a) Ghi kết quả đếm thêm 5, từ 0 đến 50 :

0	5				25					50

b) Ghi kết quả đếm thêm 10, từ 0 đến 100 :

0	10				50					100

● Hệ thập phân – Biểu diễn số tự nhiên trong hệ thập phân

thuongmaitr

■ a) Ta gọi là *hệ thập phân* vì cứ mười đơn vị ở một hàng hợp thành một đơn vị ở hàng trên liền nó.

10 đơn vị = 1 chục

10 chục = 1 trăm

10 trăm = 1 nghìn....

b) Trong hệ thập phân, ta dùng *mười chữ số* để viết số là :

0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

Ví dụ : Số "Ba trăm hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi nghìn tám trăm linh năm" viết là 327 160 805.

c) Các số tự nhiên đã học được biểu diễn trong hệ thập phân.

▲ **1.** a) Điền số vào ô trống :

0	1	2			5			8	9
10			13			16			
20				24				28	
30		32			35				
40						46			49
50			53				57		
60	61							68	
70					75				79
80				84			87		
90		92				96			

b) – Số tự nhiên bé nhất là số nào ?

uongxua.vn

– Số bé nhất có hai chữ số là số nào ?

– Số lớn nhất có hai chữ số là số nào ?

– Có bao nhiêu số có một chữ số ?

– Có bao nhiêu số có hai chữ số ?

2.

Số gồm có	Viết số	Đọc số
5 trăm 3 chục 6 đơn vị		
1 nghìn 3 trăm 7 chục		
7 nghìn 2 chục 1 đơn vị		
5 triệu 5 trăm 5 đơn vị		

3. Ghi giá trị của chữ số 5 trong mỗi số ở bảng sau :

Số	35	53	530	5 300	53 000
Giá trị của chữ số 5	5				

4. Viết mỗi số sau thành tổng :

536 ; 563 ; 356 ; 365 ; 653 ; 635.

Theo mẫu : 123 = 100 + 20 + 3.

● So sánh và xếp thứ tự các số tự nhiên

■

Bé hơn "<"	Bằng "="	Lớn hơn ">"
505 < 550	50 + 5 = 55	505 > 55

thuongmaitr

a) Căn cứ vào vị trí của số trong dãy số tự nhiên :

– Số đứng trước bé hơn số đứng sau : 6 < 7

– Số đứng sau lớn hơn số đứng trước : 8 > 6

b) Căn cứ vào vị trí của số trên tia số :

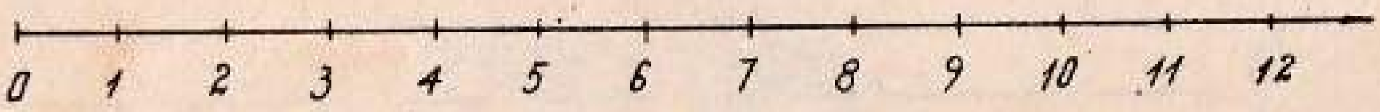

– Số ở xa gốc 0 hơn là số lớn hơn.

– Số ở gần gốc 0 hơn là số bé hơn.

– Hai số cùng được biểu thị bởi một điểm của tia số là hai số bằng nhau.

c) Căn cứ vào các chữ số viết nên các số tự nhiên :

– Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn : 100 > 99

Số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn : 999 < 1000

– Nếu hai số có số chữ số bằng nhau thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng, từ trái sang phải :

28 975 30 164	Ở hàng vạn có 2 < 3 Vậy : 28 975 < 30 164
28 975 26 999	Hàng vạn cùng là 2. Ở hàng nghìn có 8 > 6. Vậy : 28 975 > 26 999

– Nếu hai số có tất cả các cặp chữ số ở từng hàng đều bằng nhau thì hai số đó bằng nhau

▲ 1. So sánh số ở giữa với mỗi số ở xung quanh :

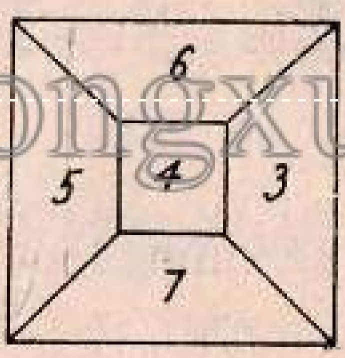

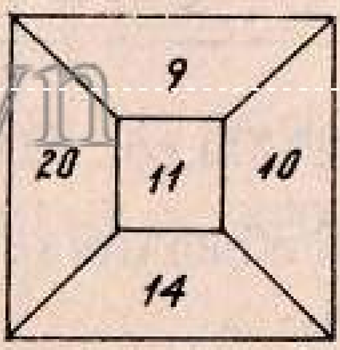

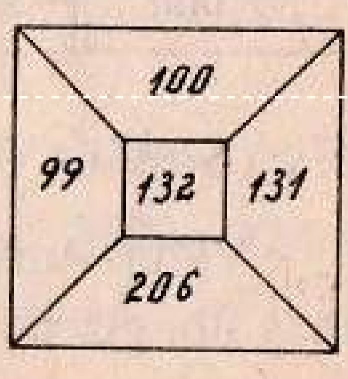

ruongxua.vn

2.
=
> ?

7 360	☐	736	85 026	☐	95 026
51 145	☐	511 450	45 603	☐	45 306
287 603	☐	28 760	126 390	☐	126 390

3. Xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn :

a) 5 424 ; 4 524 ; 5 442.

b) 7 861 ; 7 816 ; 7 860.

c) 954 124 ; 945 421 ; 954 421.

4. Điền số vào ô trống :

7 < □ <9 89 < □ <91 998 < □ <1 000

● **Thêm hoặc bớt chữ số 0 ở bên phải số tự nhiên**

■

Số	Hàng			Hàng			Giá trị của số
	trăm nghìn	chục nghìn	nghìn	trăm	chục	đơn vị	
321				3	2	1	321 đơn vị
0321			0	3	2	1	321 đơn vị
3210			3	2	1	0	321 chục
32100		3	2	1	0	0	321 trăm
321000	3	2	1	0	0	0	321 nghìn

thuongmaitr

a) So sánh 321 với 0321. Ta có : 321 = 0321.

– Viết thêm chữ số 0 vào bên trái số tự nhiên sẽ không làm thay đổi giá trị của số đó.

b) 321**0** = 321 × 10 (321 chục gấp 10 lần 321 đơn vị)

– Viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số tự nhiên là ta đã nhân số đó với 10.

321**00** = 321 × 100 (321 trăm gấp 100 lần 321 đơn vị)

– Viết thêm hai chữ số 0 vào bên phải số tự nhiên là ta đã nhân số đó với 100.

321**000** = 321 × 1000 (321 nghìn gấp 1000 lần 321 đơn vị) Viết thêm ba chữ số 0 vào bên phải số tự nhiên là ta đã nhân số đó với 1000.

Muốn có tích của một số với 10, 100, 1000, ... ta chỉ việc viết thêm 1, 2, 3, ... chữ số 0 vào bên phải số đó.

c) Ngược lại, khi xóa 1, 2, 3, .. chữ số 0 ở tận cùng bên phải của số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... là ta đã giảm số đó đi 10, 100, 1000, ... lần.

Muốn có thương của số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... chia cho 10, 100, 1000, ... ta xóa 1, 2, 3, ... chữ số 0 ở bên phải số đó.

3210 : 10 = 321 ; 32 100 : 100 = 321.

▲ 1. Nhân nhẩm :

27 × 10	218 × 10	72 × 100	5 × 1000
7 × 8 × 10	9 × 9 × 10	5 × 4 × 100	2 × 5 × 1000

2. Chia nhẩm :

uongxua.vn

470 : 10	2100 : 10	7200 : 100	5 000 : 1 000
80 : 8 : 10	210 : 10 : 3	4200 : 100 : 6	8000 : 1000 : 4

3. Tính nhanh :

27 × 3 + 27 × 7   72 × 45 + 72 × 55   54 × 55 + 54 × 45

● **Luyện tập**

▲ 1. Điền chữ số thích hợp vào dấu chấm :

72. 377 < 721 377	210 701 > . 70 110
3. 4 827 > 389 765	908 908 < 908 90.

2. Tìm x, biết $x < 5$ và :

a) x là số tự nhiên ;   c) x là số lẻ.

b) x là số chẵn ;

Có thể giải như sau :

Các số tự nhiên từ 0 đến 5 là 0, 1, 2, 3, 4, 5.

Vậy : a) Các số tự nhiên *x* bé hơn 5 là 0, 1, 2, 3, 4.

3. Tìm *x*, biết 87 < *x* < 92 và :

a) *x* là số chẵn ;

b) *x* là số lẻ ;

c) *x* là số tròn chục.

4. Tìm *x*, biết 198 < *x* < 203 và :

a) *x* là số lẻ ;

b) *x* là số chẵn ;

c) *x* là số tròn trăm.

5. Tìm số có 3 chữ số, biết số đó lớn hơn 500 và có chữ số hàng chục gấp đôi chữ số hàng đơn vị, chữ số hàng trăm bé hơn chữ số hàng chục là 2.

Có thể giải như sau :

Chữ số hàng chục phải nhỏ hơn 9, nên ta cho chữ số hàng đơn vị các giá trị 1, 2, 3, 4, rồi căn cứ vào đầu bài ta tính các giá trị của các chữ số hàng chục, hàng trăm. Ta lập bảng sau :

Hàng đơn vị	Hàng chục	Hàng trăm	Số có 3 chữ số
1	2	0	Không có chữ số hàng trăm
2	4	2	2 4 2 < 500
3	6	4	4 6 3 < 500
4	8	6	6 8 4 > 500

Vậy số phải tìm là : 684.

6. Tìm số có 3 chữ số biết số đó là số lẻ và có chữ số hàng chục gấp đôi chữ số hàng đơn vị, chữ số hàng trăm lớn hơn chữ số hàng chục là 2.

thuongmaitu

● Giới thiệu chữ số La Mã và cách ghi số La Mã

■ a) Có những mặt đồng hồ ghi bằng chữ số La Mã ; Các số La Mã đó biểu thị các số ghi trong ngoặc như sau :

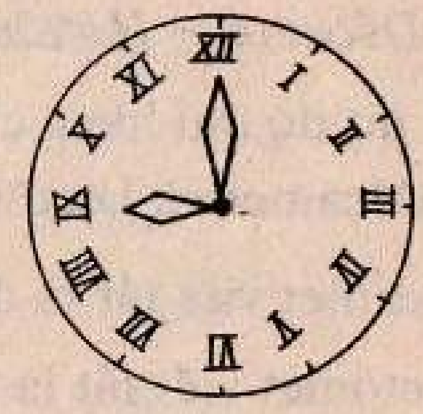

I (1)	II (2)	III (3)
IV (4)	V (5)	VI (6)
VII (7)	VIII (8)	IX (9)
X (10)	XI (11)	XII (12)

b) Trong hệ ghi số La Mã :

– Mỗi chữ số như I (1), X (10), ... được *lặp lại tới 3 lần*.

Ví dụ : II (2) ; III (3) ; XX (20).

– Chữ số I viết ở bên trái V hay X để biểu thị "*trừ đi 1*" : IV (5 – 1 = 4) ; IX (10 – 1 = 9).

– Giá trị của số bằng tổng giá trị của các thành phần.

Ví dụ : XIII (10 + 3 = 13) ; XIV (10 + 4 = 14) ;

XV (10 + 5 = 15) ; XIX (10 + 9 = 19).

c) Phần đọc thêm

– Trong hệ ghi số La Mã, giá trị mỗi chữ số không thay đổi theo vị trí như trong cách viết số ta đã học :

111 = 100 + 10 + 1 ; còn III chỉ là 3.

– Người La Mã dùng 7 chữ số để viết số :

I(1)	X(10)	C (100)	M (1000)
V(5)	L (50)	D (500)	

truongxua.vn

3. ĐO LƯỜNG

● Bảng đơn vị đo độ dài

■ *a) Đêcamet – Hectômet*

Để đo độ dài hàng chục mét, hàng trăm mét người ta còn dùng đêcamet và hectômet.

Đêcamet viết tắt là dam.

Hectômet viết tắt là hm.

1 dam = 10m
1hm = 10 dam = 100m

b) Bảng đơn vị đo độ dài

Lớn hơn mét			Mét	Nhỏ hơn mét		
km	hm	dam	m	dm	cm	mm
1km = 10 hm	1hm = 10dam = $\frac{1}{10}$km	1dam = 10m = $\frac{1}{10}$hm	1m = 10dm = $\frac{1}{10}$ dam	1dm = 10cm = $\frac{1}{10}$ m	1cm = 10mm = $\frac{1}{10}$ dm	1mm = $\frac{1}{10}$ cm

• Hai đơn vị đo độ dài liền nhau thì gấp (hoặc kém) nhau 10 lần.

• Trong số đo độ dài, mỗi chữ số ứng với một hàng đơn vị độ dài.

Ví dụ : 765 mm = *7dm 6 cm 5mm*

▲ **1.** a) 1km = ... m 1km gấp mấy lần 1m ?

1hm = ... m 1hm gấp mấy lần 1m ?

1dam= ...m 1dam gấp mấy lần 1m ?

b) 1dm = ...m 1dm bằng một phần mấy của mét ?

1cm = ...m 1cm bằng một phần mấy của mét ?

1mm = ...m 1mm bằng một phần mấy của mét ?

2. a) 2dam = ...m

2dam 4m = ...m

190dam = ... m

190dam 5m = ... m

b) 50m = ...dam

54m = ... dam ... m

250m = ... dam

2 405m = ... dam ... m

c) 7hm = ... m

7hm 50m = ...m

7hm 5m = ...m

17hm 5m = ... m

d) 500m = ... hm

530m = ... hm ... m

905m = ... hm ... m

950m = ... hm ... m

3. a) 5km = ... m

5km 320m = ... m

5km 32m = ... m

53km 20m = ... m

b) 10 000m = ... km

13 520m = ... km ... m

13 050m = ... km ... m

15 005m = ... km ... m

c) 25m = ... cm

25m 32cm = ... cm

20m 5cm = ... cm

200m 5cm = ... cm

d) 3 200cm = ... m

5 325cm = ... m .... cm

5 005cm = ... m ... cm

505cm = ... m ... cm

4. 672hm + 318hm

625dam − 346dam

(672km + 318km) × 10 = ... km

(364hm − 286hm) × 10 = ... hm

(526km + 395km) × 100 = ... km

ruongxua.vn

(128km + 392km) : 10 = ... km

(634dam + 266dam) : 100 = ... dam

5. Một chiếc cầu dài 400m có biển cấm ô tô chạy quá 10 km một giờ. Một người lái xe đã cho ô tô chạy qua cầu đó hết 4 phút. Hỏi người đó có tôn trọng luật giao thông không ?

● Đo khối lượng – Yến, tạ, tấn

■ Để đo khối lượng các vật nặng hơn 1kg, người ta còn dùng những đơn vị yến, tạ, tấn.

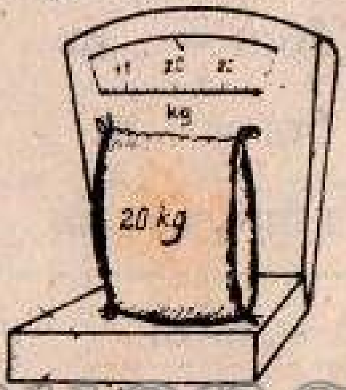

1 yến = 10kg
1 tạ = 10 yến = 100kg
1 tấn = 10 tạ = 1000kg

▲ **1.** – Mua 2 yến gạo tức là mua bao nhiêu kilôgam gạo ?

– Ôtô chở 3 tấn gạo tức là chở bao nhiêu kilôgam gạo ?

– Mỗi bao xi măng đựng 50kg ; 2 bao đựng bao nhiêu kilôgam ximăng ?

100 bao đựng bao nhiêu kilôgam xi măng ? Bao nhiêu tấn xi măng ?

2. a) 6 yến = ... kg 50 yến = ... tạ

6 yến 5kg = ... kg 65 yến = ... tạ ... yến

b) 5 tạ = ... kg 2500 kg = ... tạ

5 tạ 34kg = ... kg 435kg = ... tạ ... kg

5 tạ 60kg = ... kg 250kg = ... tạ ... kg

5 tạ 6kg = ... kg 205kg = ... tạ ... kg

c) 3 tấn = ... kg   15 000kg = ... tấn

3 tấn 5 tạ = ... kg   119 500kg = ... tấn ... tạ

3. Con trâu nặng hơn con bò. Con bò nặng hơn con lợn (heo).

Vậy con trâu và con lợn, con nào nặng hơn ?

4.

< = > ?			
	5 tấn ☐ 15 tạ		10 tạ ☐ 1 tấn
	3 tấn 7 tạ ☐ 40 tạ		75kg ☐ 5 yến7 kg
	6 tấn 3 tạ ☐ 6 300kg		350kg ☐ 3 tạ rưỡi

5. Một xe ôtô chở 35 tạ muối. Chuyến sau xe đó chở hơn chuyến trước 3 tạ. Hỏi cả hai chuyến xe đó chở được bao nhiêu kilôgam muối ?

● Bảng đơn vị đo khối lượng

truongxua.vn

a) Đêcagam–Hectôgam

Để đo khối lượng các vật nặng hơn 1g nhưng nhẹ hơn 1kg, người ta còn dùng đêcagam và hectôgam.

Đêcagam viết tắt là dag.

Hectôgam viết tắt là hg.

1dag = 10g
1hg = 10dag = 100g

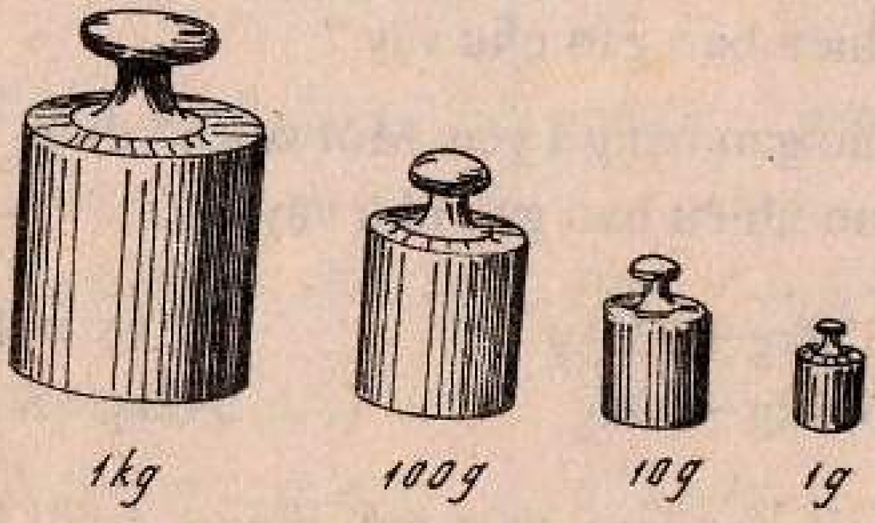

b) Bảng đơn vị đo khối lượng

Lớn hơn kilôgam			Kilôgam	Nhỏ hơn kilôgam		
tấn	tạ	yến	kg	hg	dag	g
1 tấn =10tạ	1 tạ =10 yến $=\frac{1}{10}$ tấn	1 yến =10kg $=\frac{1}{10}$ tạ	1kg =10hg $=\frac{1}{10}$ yến	1hg =10dag $=\frac{1}{10}$ kg	1dag =10g $=\frac{1}{10}$ hg	1g $=\frac{1}{10}$ dag

– Hai đơn vị đo khối lượng liền nhau thì gấp (hoặc kém) nhau 10 lần.

– Trong số đo khối lượng, mỗi chữ số cũng ứng với một hàng đơn vị khối lượng.

Ví dụ : 4 321kg = 4 *tấn* 3 *tạ* 2 *yến* 1*kg*

thuongmaitr

▲ **1.** a) 5dag = ... g
3hg = ... g
3hg 5g = ... g
4kg = ... g
4kg 5 g = ... g

b) 80g = ... dag
400g = ... hg
405g = ... hg ... g
9 000g = ...kg
9 500g = ... kg ... g.

2. a) Mỗi bao gạo nặng 1 tạ. Một ôtô chở 5 tấn gạo thì chở được bao nhiêu bao gạo như vậy ?

b) Mỗi bao gạo nặng 1 yến. Một xe chở được 300kg gạo thì chở được bao nhiêu bao gạo như vậy ?

3. 378kg + 235kg
657kg – 59kg
135kg × 4 + 460kg
512kg : 8 + 36kg

4. Có 5 gói kẹo loại 200g mỗi gói và 4 gói kẹo loại 250g mỗi gói. Hỏi có tất cả mấy kilôgam kẹo ?

5. $\boxed{\begin{matrix} < \\ = \\ > \end{matrix}}$?

3 tấn □ 30 tạ　　　2 tạ 7 yến □ 3 tấn

5 tấn □ 4900kg　　　1 tạ 2 yến □ 120kg

10 tấn □ 9900kg　　　3 tạ 5 yến □ 375kg

6. Một bác cấp dưỡng cần nấu 10 suất cơm, mỗi suất 250g gạo. Trong kho còn đúng 13 kg gạo và chỉ có 1 cân đĩa (loại cân có hai đĩa) với 1 quả cân 1 kg. Làm thế nào chỉ sau hai lần cân là lấy đủ số gạo cần nấu ?

● Đo thời gian – Giây, thế kỉ

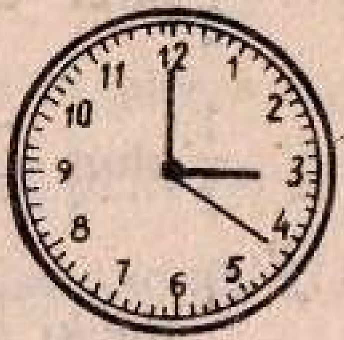

■ 1 giờ = 60 phút

1 phút = 60 giây

1 thế kỉ = 100 năm

- Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ thứ nhất (thế kỉ I)
- Từ năm 101 đến năm 200 là thế kỉ thứ hai (thế kỉ II)
- Từ năm 201 đến năm 300 là thế kỉ thứ ba (thế kỉ III)

uongxua.vn

Từ năm 1901 đến năm 2000 là thế kỉ hai mươi (thế kỉ XX)
Từ năm 2001 đến năm 2100 là thế kỉ hai mươi mốt (thế kỉ XXI)

▲ **1.** a) 1 phút = ... giây　　$\frac{1}{2}$ phút = ... giây

5 phút = ... giây　　$\frac{1}{3}$ phút = ... giây

10 phút = ... giây　　$\frac{1}{10}$ phút = ... giây

b) 1 phút 5 giây = ... giây　　72 giây = 1 phút 12 giây

2 phút 12 giây = ... giây　　132 giây = ... phút ... giây

2 phút 30 giây = ... giây　　140 giây = ... phút ... giây

c) 1 thế kỉ = ... năm $\qquad \frac{1}{2}$ thế kỉ = ... năm

10 thế kỉ = ... năm $\qquad \frac{1}{4}$ thế kỉ = ... năm

20 thế kỉ = ... năm $\qquad \frac{1}{10}$ thế kỉ = ... năm

2. $\frac{1}{2}$ phút □ 30 giây $\qquad \frac{1}{10}$ phút □ 10 giây

<, =, > ? $\quad \frac{1}{2}$ phút □ $\frac{1}{3}$ phút $\qquad \frac{1}{4}$ phút □ $\frac{1}{5}$ phút

$\frac{1}{2}$ thế kỉ □ 50 năm $\qquad \frac{1}{5}$ thế kỉ □ 15 năm

$\frac{1}{4}$ thế kỉ □ 25 năm $\qquad \frac{1}{10}$ thế kỉ □ 10 năm

thuongmaitr

3. Một người đi xe máy trong $\frac{1}{6}$ phút đi được 120m. Hỏi trong 1 giây người ấy đi được bao nhiêu mét ?

4. a) Bác Hồ sinh năm 1890. Bác sinh vào thế kỉ thứ mấy ?

Bác ra đi tìm đường cứu nước vào năm 1911. Năm đó thuộc thế kỉ thứ mấy ?

b) Thủ đô Hà Nội thành lập từ năm 1010. Năm đó thuộc thế kỉ thứ mấy ? Tính đến nay đã được bao nhiêu năm ?

5. a) Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 939. Năm đó thuộc thế kỉ thứ mấy ?

b) Năm 1284 Trần Hưng Đạo đã đánh tan 50 vạn giặc Nguyên. Năm đó thuộc thế kỉ thứ mấy ?

● **Luyện tập**

▲ **1.** Một năm thường có bao nhiêu ngày ?

Năm có 366 ngày gọi là năm gì ?

Kể tên những tháng có 30 ngày, 31 ngày, 28 ngày (hoặc 29 ngày).

2. 4 ngày = ... giờ | 6 phút = ... giây

9 ngày = ... giờ | 4 phút 10 giây = ... giây

1 ngày 3 giờ = ... giờ | 3 giờ 20 phút = ... phút

3. Ông Lênin sinh năm 1870. Ông sinh vào thế kỉ thứ mấy. Từ năm đó đến nay đã được bao nhiêu năm ?

4. Nhà du hành vũ trụ đầu tiên Gagarin đã thực hiện chuyến bay 108 phút quanh trái đất. Gagarin đã bay mấy giờ và mấy phút ?

ruongxua.vn

5. Dưới đây là bảng ghi tuổi của một số cây cổ thụ :

Cây tùng sống 35 thế kỉ ;

Cây sồi sống 10 thế kỉ ;

Cây chò chỉ ở rừng Cúc Phương sống 10 thế kỉ ;

Cây thông sống 3 thế kỉ rưỡi.

Em hãy tính xem mỗi cây đó sống bao nhiêu năm ?

6. Cường nói với Điệp : "Năm nay tôi lên 9, bố tôi 37 tuổi. Không biết đến khi tôi bao nhiêu tuổi thì lúc đó tuổi bố tôi sẽ gấp 3 lần tuổi tôi ?"

Em hãy cùng các bạn đó tìm câu trả lời đúng.

4. BIỂU ĐỒ

Trong đời sống cũng như trong khoa học, người ta dùng biểu đồ để nêu và so sánh các giá trị và mối quan hệ giữa hai đại lượng.

● Biểu đồ hình đoạn thẳng

■ Bên đây là biểu đồ về thành tích trồng cây của một trường phổ thông cơ sở ở miền núi từ năm 1976 đến năm 1980 (1cm thay cho 500 cây).

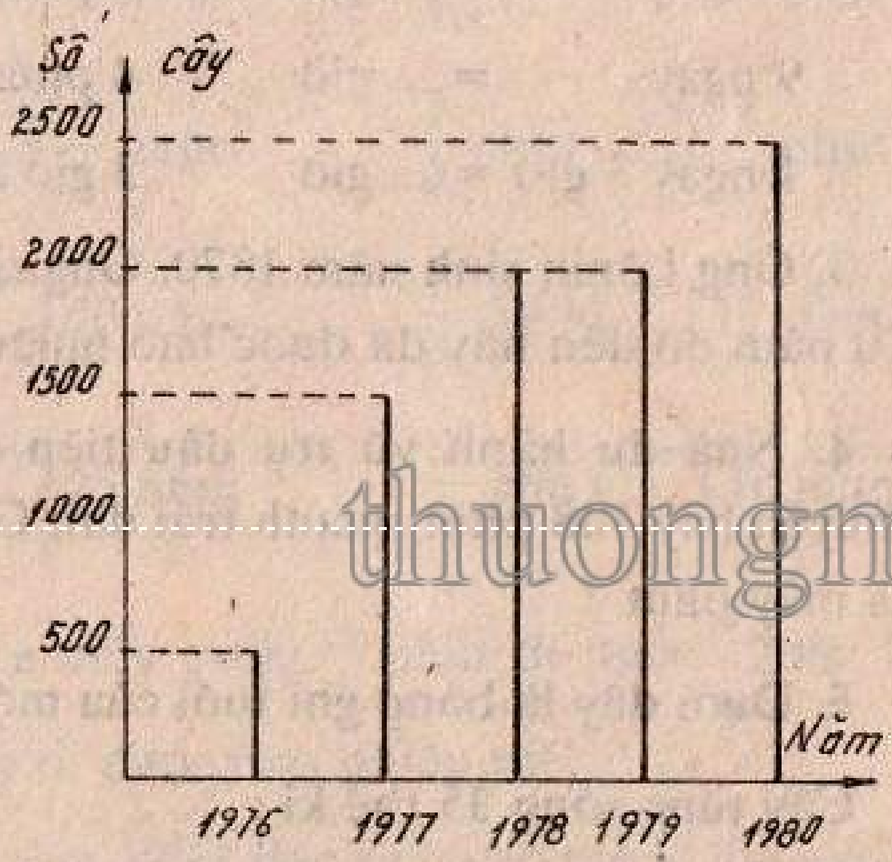

Nhìn vào biểu đồ ta biết :

– Số cây trồng được trong mỗi năm :

Năm 1976 trồng 500 cây ; năm 1977 trồng 1500 cây ; ...

– So sánh số cây trồng được trong các năm :

Năm 1976 trồng được số cây ít nhất (500 cây) ;

Năm 1980 trồng được số cây nhiều nhất (2500 cây) ;

Năm 1978 và năm 1979 trồng được số cây bằng nhau (2000 cây).

thuongmaitr

▲ **1.** Bên đây là biểu đồ về số gà nuôi được của từng xóm trong một xã (1cm thay cho 100 con gà).

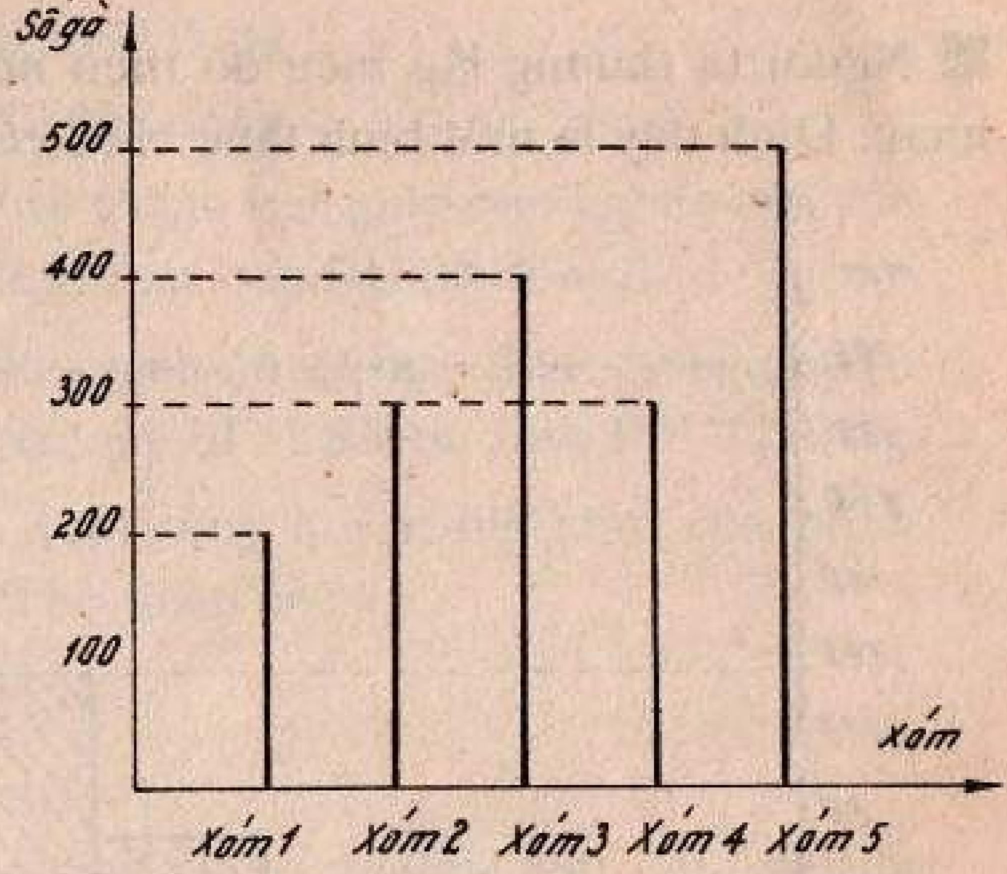

a) Ghi số gà nuôi được của từng xóm.

b) Xóm nào nuôi được nhiều gà nhất và nuôi bao nhiêu con ?

c) Xóm nào nuôi được ít gà nhất và nuôi bao nhiêu con ?

d) Những xóm nào nuôi được số gà bằng nhau ? Mỗi xóm đó nuôi bao nhiêu con ?

2. Lập biểu đồ về số học sinh cấp I của nước ta trong 5 năm theo bảng dưới đây (1mm thay cho 100 000 học sinh) :

Năm	1985	1986	1987	1988	1989
Số HS cấp I	8 300 000	8 500 000	8 700 000	8 600 000	8 500 000

3. Lập biểu đồ về số điểm tốt mà các tổ ở một lớp đã đạt được trong đợt thi đua chào mừng ngày 3–2 :

Tổ Một : 20 ; Tổ Hai : 25 ; Tổ Ba : 10 ; Tổ Bốn : 15 ; Tổ Năm : 20 (1cm thay cho 5 điểm tốt).

uongxua.vn

● **Biểu đồ hình cột**

■ Người ta thường lập biểu đồ theo nhiều hình thức khác nhau. Dưới đây là một hình thức khác của biểu đồ.

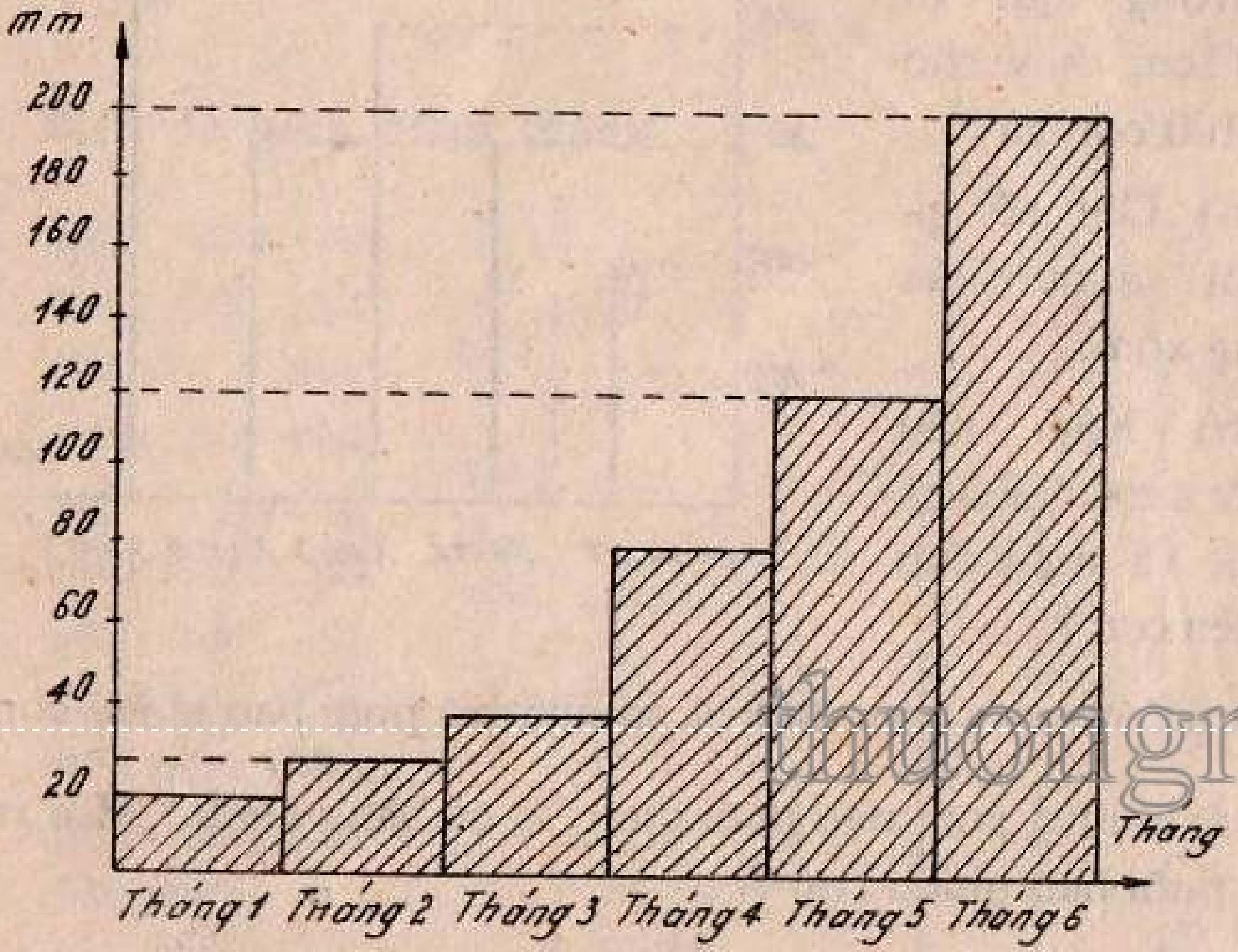

Biểu đồ về lượng mưa mỗi tháng (tính theo mm) trong 6 tháng đầu năm 1983 của thành phố Hà Nội (1cm thay cho 20 mm).

▲ 1. Đọc lượng mưa ở Hà Nội trong mỗi tháng ghi trên biểu đồ.

Tháng nào mưa nhiều nhất ? Bao nhiêu mm ? Tháng nào mưa ít nhất ? Bao nhiêu mm ?

2. Trong đợt tiết kiệm giúp bạn nghèo, một trường tiểu học đã thu được của :

- Khối lớp Một : 90 000 đồng
- Khối lớp Hai : 120 000 đồng

– Khối lớp Ba : 135 000 đồng

– Khối lớp Bốn : 150 000 đồng

– Khối lớp Năm : 150 000 đồng

Lập biểu đồ hình cột về thành tích giúp bạn nghèo của các khối lớp ở trường đó (1cm thay cho 30 000 đồng).

3. Một phân xưởng may quần áo đã may được trong quý I : 2 000 bộ ; quý II : 2 500 bộ ; quý III : 2 800 bộ ; quý IV : 3 200 bộ.

Lập biểu đồ về sản xuất từng quý trong năm của phân xưởng đó (1cm thay 500 bộ quần áo).

● Luyện tập

▲ **1.** Một trường phổ thông đã trồng dâu nuôi tằm và thu hoạch lá dâu được như sau :

Năm thứ nhất : 700kg lá

Năm thứ hai : 800kg lá

Năm thứ ba : 900kg lá

Năm thứ tư : 1 000kg lá

Năm thứ năm : 1 050kg lá

Hãy vẽ biểu đồ về sản lượng lá dâu thu được qua từng năm (lấy 1cm thay cho 100 kg lá dâu).

2. Bên đây là biểu đồ số dân (tính theo nghìn người) của Thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh (số liệu cuối năm 1991) :

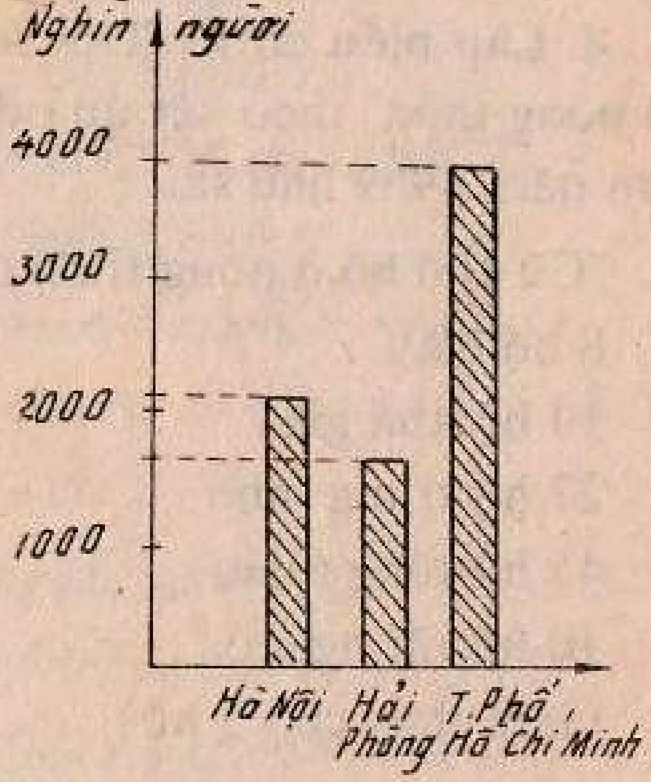

tuongxua.vn

Qua biểu đồ, em thấy :

a) Thành phố nào đông dân nhất ? ít dân nhất ?

b) So với Hà Nội thì thành phố nào nhiều dân hơn ? Thành phố nào ít dân hơn ?

3. Đây là biểu đồ về mật độ dân số (là số người dân sống trên mỗi khu đất hình vuông cạnh 1km) của 3 thành phố lớn (số liệu cuối năm 1991). Cứ 1cm thay cho 250 người.

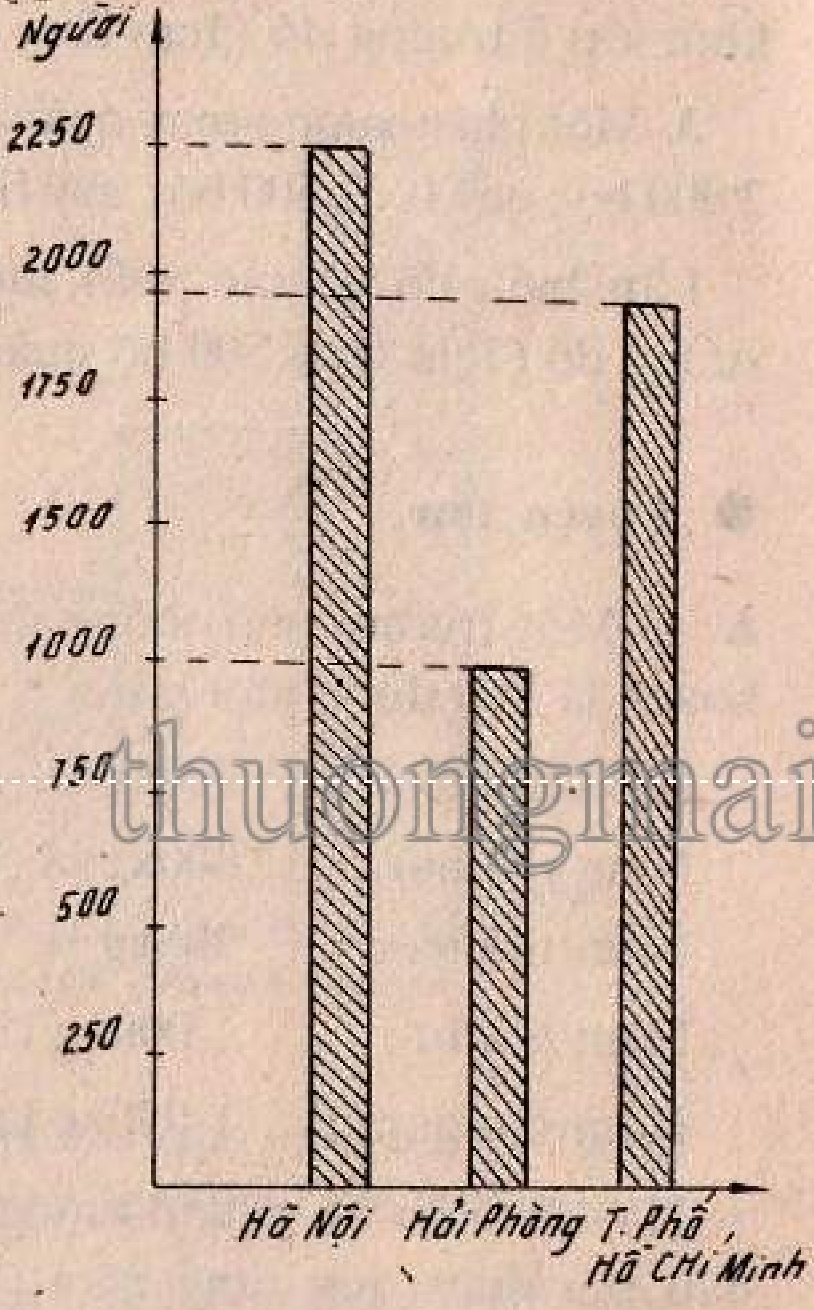

Qua biểu đồ trên em thấy :

a) Thành phố nào có mật độ dân dày đặc nhất ?

b) Mật độ dân ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh dày đặc gấp khoảng mấy lần mật độ dân ở Hải Phòng ?

4. Lập biểu đồ về "Đời sống ở nông thôn" theo kết quả điều tra năm 1989 như sau :

"Cứ 100 hộ ở nông thôn có :
8 hộ giàu
10 hộ khá giả
27 hộ trung bình
45 hộ túng thiếu
10 hộ rất nghèo."
(1cm thay cho 5 hộ)

Chương ba

BỐN PHÉP TÍNH VỚI CÁC SỐ TỰ NHIÊN – HÌNH HỌC

1. PHÉP CỘNG

● Cộng hai số có nhiều chữ số

■ a) 3 412 + 5 247 = ?

Cộng theo thứ tự từ phải sang trái :

$$\begin{array}{r} 3412 \\ +\ 5247 \\ \hline 8659 \end{array}$$

* 2 cộng 7 bằng 9, viết 9
* 1 cộng 4 bằng 5, viết 5
* 4 cộng 2 bằng 6, viết 6
* 3 cộng 5 bằng 8, viết 8.

uongxua.vn

b) 32 457 + 25 836 = ?

Cộng theo thứ tự từ phải sang trái :

$$\begin{array}{r} 32457 \\ +\ 25836 \\ \hline 58293 \end{array}$$

* 7 cộng 6 bằng 13, viết 3 *nhớ* 1
* 5 cộng 3 bằng 8, *thêm* 1 bằng 9, viết 9
* 4 cộng 8 bằng 12, viết 2 *nhớ* 1
* 2 cộng 5 bằng 7, *thêm* 1 bằng 8, viết 8
* 3 cộng 2 bằng 5, viết 5.

c) 832 457 + 125 836 = ?

Cộng theo thứ tự từ phải sang trái :

$$\begin{array}{r} 832457 \\ +\ 125836 \\ \hline 958293 \end{array}$$

* 7 cộng 6 bằng 13, viết 3 *nhớ* 1
* 5 cộng 3 bằng 8, *thêm* 1 bằng 9, viết 9
* 4 cộng 8 bằng 12, viết 2 *nhớ* 1

* 2 cộng 5 bằng 7, *thêm* 1 bằng 8, viết 8
* 3 cộng 2 bằng 5, viết 5
* 8 cộng 1 bằng 9, viết 9.

▲ **1.** a) 2 351 + 5 247 b) 3 568 + 6 247

4 637 + 2 102 2 429 + 5 983

2. a) 53 726 + 24 583 b) 245 936 + 187 454

48 954 + 32 476 582 698 + 14 325

43 567 + 879 632 886 + 5 435

3.

Số hạng	45 638	56 315	145 638	300 590
Số hạng	27 376	8 598	27 376	648 009
Tổng				

thuongmaitr

4. Tính giá trị của biểu thức :

312 × 2 + 5 167 ; 245 × 3 + 3 018 ; 2 417 + 211 × 4

5. Huyện Mê Linh trồng 120 164 cây lấy gỗ, 44 325 cây ăn quả. Hỏi huyện đó đã trồng tất cả bao nhiêu cây ?

● **Luyện tập**

▲ **1.** a) 2 751 + 4 863 b) 43 975 + 6 854

975 + 2 082 38 509 + 7 989

62 + 1 576 290 071 + 3 560

2. 5 617 + 312 × 2 ; 245 × 3 + 3 018 ; 2 199 + 18 × 4

3. Một phân xưởng lắp xe đạp, sáu tháng đầu năm lắp được 12 500 xe đạp, sáu tháng cuối năm lắp được nhiều hơn

sáu tháng đầu năm 2800 xe đạp. Hỏi cả năm phân xưởng lắp được bao nhiêu xe đạp ?

4.
 =
 > ?

2 giờ 15 phút ☐ 75 phút $\frac{1}{2}$ giờ ☐ 40 phút

24 giờ ☐ 1440 phút $\frac{1}{3}$ giờ ☐ 10 phút

5. Hãy ghi tên các hình tam giác có ở hình vẽ bên.

6. Tính tổng của số lớn nhất có 3 chữ số và số bé nhất có 4 chữ số.

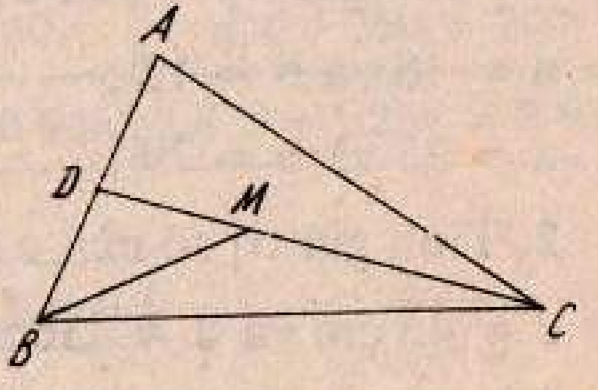

● Biểu thức có chứa hai chữ

uongxua.vn

■ *Ví dụ* : Hai anh em đi câu cá. Anh câu được ... con. Em câu được... con. Cả hai anh em câu được... con cá.

Số cá câu được có thể như sau :

Số cá của anh	Số cá của em	Số cá của hai anh em
3	2	3 + 2
4	0	4 + 0
0	1	0 + 1
a	b	a + b

a + b là biểu thức có chứa hai chữ.

Nếu a = 3 và b = 2 thì a + b = 3 + 2 = 5 ; 5 là một *giá trị số của biểu thức a + b*.

Nếu a = 4 và b = 0 thì a + b = 4 + 0 = 4 ; 4 là một giá trị số của biểu thức a + b.

Nếu a = 0 và b = 1 thì a + b = 0 + 1 = 1 ; 1 là một giá trị số của biểu thức a + b.

Mỗi lần thay chữ bằng số ta tính được một giá trị số của biểu thức a + b.

▲ **1.** Tính giá trị số của a + b nếu :

a = 18 và b = 12 ; a = 312 và b = 479 ;

a = 35 và b = 79 ; a = 587 và b = 255.

2. Tính giá trị số của c + d nếu :

c = 45 cm và d = 75cm ; c = 137cm và d = 485cm.

3. a) a – b là biểu thức có chứa hai chữ ;

b) Tính giá trị số của a – b nếu :

a = 16 và b = 10 ; a = 25 và b = 16 ; a = 100 và b = 50.

thuongmaitr

4. a) a × b là biểu thức có chứa hai chữ ;

b) Tính giá trị số của a × b nếu :

a = 8 và b = 5 ; a = 9 và b = 2 ; a = 4 và b = 0.

5. a) a : b là biểu thức có chứa hai chữ ;

b) Tính giá trị số của a : b nếu

a = 10 và b = 2 ; a = 15 và b = 3 ; a = 0 và b = 10.

6. Điền giá trị số thích hợp vào ô trống :

a	5 000	4 200	52 307	40 028
b	3 528	1 796	28 069	36 792
a + b				
b + a				

● **Tính chất giao hoán của phép cộng**

■ a) So sánh giá trị số của các biểu thức a + b và b + a trong bảng sau :

a	b	a + b	b + a
3 000	4 000	3 000 + 4 000 = 7 000	4 000 + 3 000 = 7 000
250	450	250 + 450 = 700	450 + 250 = 700
1 257	2 678	1 257 + 2 678 = 3 935	2 678 + 1 257 = 3 935

$$a + b = b + a$$

b) Tính chất : ***Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.***

uongxua.vn

▲ 1. Thực hiện phép cộng rồi dùng tính chất giao hoán để thử lại :

a) 987 + 345 ; 2 405 + 998

b) 4 277 + 84 ; 5 603 + 2 798

2. Một cơ sở nuôi ong đã thu được a kg mật ong, sau đó lại thu được b kg mật ong nữa. Hỏi cả hai lần thu được bao nhiêu kilôgam mật ong, biết a = 645 kg, b = 795 kg ?

3.

m	n	m + n	n + m
5000	3000		
3576	785		
6932	68		

4. $\begin{array}{|c|}< \\ = \\ >\end{array}$?

3 km7 hm	☐	3km 700 m	5m5dm	☐	5m 05cm
8 kg650 g	☐	7kg 930g	4m	☐	5995 mm

5. Chọn trong các số từ 15 đến 20 những số thích hợp để khi thay vào chữ y thì có 32 + y < 50.

6. Tính tổng của số lớn nhất có 4 chữ số và số lớn nhất có 3 chữ số.

● Biểu thức có chứa ba chữ

■ *Ví dụ :* An, Bình và Cầm đi câu cá. An câu được ... con, Bình câu được ... con, Cầm câu được ... con. Hỏi cả ba người câu được bao nhiêu con cá ?

Số cá câu được có thể như sau :

Số cá của An	Số cá của Bình	Số cá của Cầm	Số cá của cả ba người
3	4	2	3 + 4 + 2
5	1	0	5 + 1 + 0
0	2	0	0 + 2 + 0
a	b	c	a + b + c

a + b + c là biểu thức có chứa ba chữ.

Nếu a = 3, b = 4 và c = 2 thì a + b + c = 3 + 4 + 2 = 9 ; 9 là một giá trị số của biểu thức a + b + c.

Nếu a = 5, b = 1 và c = 0 thì a + b + c = 5 + 1 + 0 = 6 ; 6 là một giá trị số của biểu thức a + b + c.

Nếu a = 0, b = 2 và c = 0 thì a + b + c = 0 + 2 + 0 = 2 ; 2 là một giá trị số của biểu thức a + b + c.

▲ **1.** Tính giá trị số của a + b + c nếu :

a = 7, b = 8, c = 2 ; a = 10, b = 12, c = 16.

2. Tính giá trị số của các biểu thức :

a	b	c	a + b + c	a + (b + c)
8	9	1	8 + 9 + 1 = 17 + 1 = 18	8 + (9 + 1) = 8 + 10 = 18
17	3	9		
19	8	2		
6	21	9		

3. a) a × b × c là biểu thức có chứa ba chữ.

Nếu a = 4, b = 2 và c = 3 thì giá trị số của biểu thức a × b × c là 4 × 2 × 3 = 24.

b) Tính giá trị số của a × b × c nếu :

a = 5, b = 6, c = 1 ; a = 9, b = 0, c = 8.

uongxua.vn

4.

a	b	c	a + b + c	a × b × c
4	2	6		
9	1	3		
2	2	2		

5. Với m = 8, n = 5, p = 2, tính giá trị số của các biểu thức :

m + n + p ; m × n × p ; m − n + p ;

m − n − p ; (m + n) × p.

● Tính chất kết hợp của phép cộng

■ a) So sánh giá trị số của các biểu thức (a + b) + c và a + (b + c) trong bảng sau :

a	b	c	(a + b) + c	a + (b + c)
20	50	10	(20 + 50) + 10 = 70 + 10 = 80	20 + (50 + 10) =20 + 60 = 80
12	26	14	(12 + 26) + 14 = 38 + 14 = 52	12 + (26 + 14) = 12 + 40 = 52
36	11	89	(36 + 11) + 89 = 47 + 89 = 136	36 + (11 + 89) = 36 + 100 = 136

$$(a + b) + c = a + (b + c)$$

b) Tính chất : ***Muốn cộng một tổng hai số với một số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.***

thuongmait

▲ **1.** Tìm kết quả của tổng bằng cách thuận tiện nhất :

1 145 + 536 + 155　　　5 700 + 3 248 + 152

904 + 98 + 9 616

2. 33 + 338 + 1 247　　　3 254 + 196 + 1 273

315 + 999 + 1 211　　　4 510 + 301 + 199

3. Một quỹ tiết kiệm ngày đầu nhận được 15 500 000 đồng, ngày thứ hai nhận được 6 950 000 đồng, ngày thứ ba nhận được 4 500 000 đồng. Hỏi cả ba ngày quỹ đó nhận được bao nhiêu tiền ?

4. Ở gần chiếc cầu có biển báo 13T có nghĩa là xe nặng hơn 13T không được qua cầu này.

Một xe tải chở 6 000 kg bêtông và 1 000 kg sắt thép. Chiếc xe này có được phép qua cầu không, biết rằng bản thân xe nặng 5 tấn ?

5. Điền số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm :

a) $a + 5 = ... + a$

$a + 0 = ... + a = ...$

b) $(a + 14) + 6 = a + (... + 6) = a + ...$

● Luyện tập

▲ **1.** Thực hiện phép cộng :

63 572 + 17 899 ; 917 + 36 175 ;

357 670 + 180 805 ; 8 196 + 351 804.

uongxua.vn

2. Tìm tổng bằng cách thuận tiện nhất :

a) 96 + 55 + 4

87 + 79 + 21

508 + 65 + 92

b) 999 + 165 + 135

438 + 694 + 62

355 + 256 + 145

3. Tìm x :

$x - 306 = 404$; $x - 125 = 521$.

4. Một xã có 4 256 người. Sau một năm số dân tăng thêm 85 người. Sau một năm nữa số dân lại tăng thêm 65 người. Hỏi :

a) Sau hai năm số dân của xã đó tăng thêm bao nhiêu người ?

b) Tính số dân của xã đó sau hai năm ?

5. $\boxed{\begin{matrix} < \\ = \\ > \end{matrix}}$?

5 tấn 250 kg ☐ 5 250 kg

2 giờ 10 phút ☐ 125 phút

$\frac{1}{2}$ giờ ☐ $\frac{1}{3}$ giờ

6. Trên hình vẽ bên :

a) Đoạn thẳng BC là cạnh của những hình tam giác nào ?

b) Điểm B là đỉnh của những hình tam giác nào ?

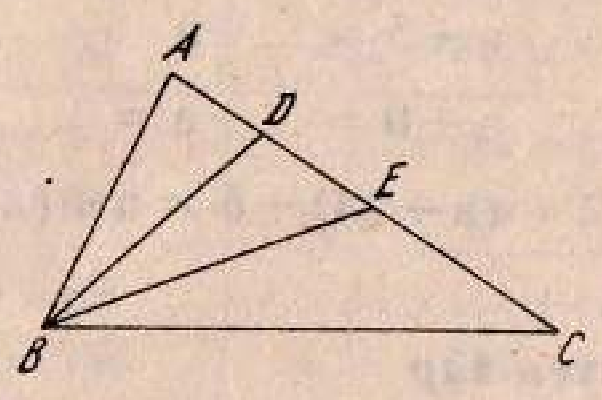

● Tổng của nhiều số

■ a) 3 234 + 1 375 + 4 003 = ?

Tương tự như khi cộng hai số, ta đặt tính rồi *cộng theo thứ tự từ phải sang trái :*

$$\begin{array}{r} 3\,234 \\ +\ 1\,375 \\ 4\,003 \\ \hline 8\,612 \end{array}$$

* 4 cộng 5 bằng 9, 9 cộng 3 bằng 12, viết 2 *nhớ* 1
* 3 cộng 7 bằng 10, 10 cộng 0 bằng 10, *thêm* 1 bằng 11, viết 1 *nhớ* 1
* 2 cộng 3 bằng 5, 5 cộng 0 bằng 5, *thêm* 1 bằng 6, viết 6
* 3 cộng 1 bằng 4, 4 cộng 4 bằng 8, viết 8.

b) 15 126 + 31 549 + 2 581 + 470 = ?

```
   15 126
   31 549
+   2 581
      470
   ------
   49 726
```

Cộng theo thứ tự từ phải sang trái :

* 6 cộng 9 bằng 15, 15 cộng 1 bằng 16, 16 cộng 0 bằng 16, viết 6 *nhớ* 1
* 2 cộng 4 bằng 6, 6 cộng 8 bằng 14, 14 cộng 7 bằng 21, *thêm* 1 bằng 22, viết 2 *nhớ* 2
* 1 cộng 5 bằng 6, 6 cộng 5 bằng 11, 11 cộng 4 bằng 15, *thêm* 2 bằng 17, viết 7 *nhớ* 1
* 5 cộng 1 bằng 6, 6 cộng 2 bằng 8, *thêm* 1 bằng 9, viết 9
* 1 cộng 3 bằng 4, viết 4.

▲ **1.** 2 379 + 4 182 + 1 039 ; 231 467 + 12 563 + 20 074 ;
51463 + 5 247 + 598 ; 54 321 + 987 + 4 237.

2. Tìm tổng các số sau :

a) 2 588 ; 4 752 và 567.

uongxua.vn

b) 3 764 ; 8 275 ; 2 167 và 34 571.

3. Xí nghiệp A có 4 567 công nhân, xí nghiệp B có 3985 công nhân, xí nghiệp C có 4 358 công nhân. Hỏi cả ba xí nghiệp có bao nhiêu công nhân ?

4. Xí nghiệp giày đã sản xuất được 2340 đôi giày nam, 3 600 đôi giày nữ, 2 870 đôi giày trẻ em và 850 đôi giày thể thao. Hỏi xí nghiệp đã sản xuất được tất cả bao nhiêu đôi giày ?

5. Hãy so sánh các tổng sau đây với nhau :

a) (3 981 + 4 079) + 1 840 và 3 981 + (4 079 + 1 840) ;

b) (4 278 + 1 574) + 3 526 và 4 278 + (1 574 + 3 526).

6. Không thực hiện phép tính, hãy so sánh các tổng sau :

10 + 32 + 54 + 76 + 98 ;

54 + 90 + 36 + 12 + 78 ;

74 + 18 + 92 + 30 + 56.

● Luyện tập

▲ **1.**

3 3 527	2 075	26 954	283 547
+ 4 932	+ 46 827	+ 4 832	+ 12 681
1 605	356	98	9 985

2. 4 275 + 3 694 + 8 756 ; 24 867 + 5 413 + 965

24 563 + 46 875 + 32 457 ; 2 437 + 45 318 + 95

3. Một nhà hát tổ chức biểu diễn ba buổi, buổi đầu bán được 3265 vé, buổi sau bán được 3 473 vé, buổi cuối bán được 4052 vé. Hỏi tổng số vé bán được cả ba buổi là bao nhiêu ?

4.

x	0	1	2	3	4	5	6
$x + 10$							

Điền số thích hợp vào ô trống rồi tìm giá trị của x để có $10 + x < 15$.

5. Hãy so sánh các kết quả với nhau :

a) (5 816 + 3 184) + 2 009 và 5 816 + (3 184 + 2 009)

b) (2 750 + 3 128) + 1 272 và 2 750 + (3 128 + 1 272)

● Tìm số trung bình cộng

■ *a) Bài toán :* Trong 2 ngày Lan đã đọc xong một quyển truyện : Ngày thứ nhất đọc được 20 trang, ngày thứ hai đọc

được 40 trang. Hỏi nếu mỗi ngày Lan đọc được *số trang sách đều như nhau* thì mỗi ngày sẽ đọc được bao nhiêu trang ?

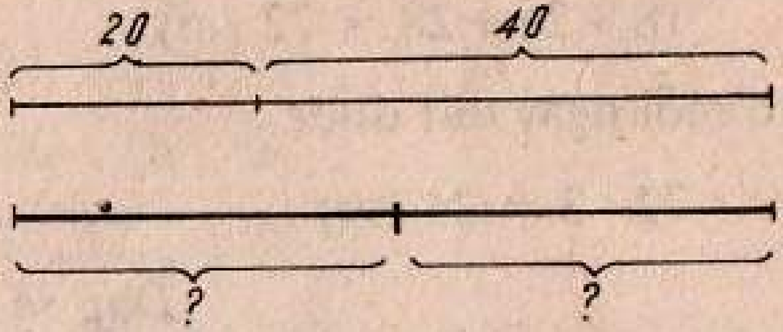

Bài giải

Số trang sách Lan đọc được trong hai ngày :

20 + 40 = 60 (trang)

Số trang sách Lan đọc được đều như nhau trong mỗi ngày :

60 : 2 = 30 (trang)

Đáp số : 30 trang.

ruongxua.vn

Chú ý : Ngày thứ nhất Lan đọc được 20 trang, ngày thứ hai Lan đọc được 40 trang. Ta nói rằng : *trung bình* mỗi ngày Lan đọc được 30 trang.

Số 30 là *số trung bình cộng* của hai số 20 và 40.

(20 + 40) : 2 = 30

b) Bài toán : Một đội công nhân đặt ống dẫn nước, ngày thứ nhất đặt được 18m ống, ngày thứ hai đặt được 26m ống, ngày thứ ba đặt được 28m ống. Hỏi trung bình mỗi ngày đặt được bao nhiêu mét ống dẫn nước ?

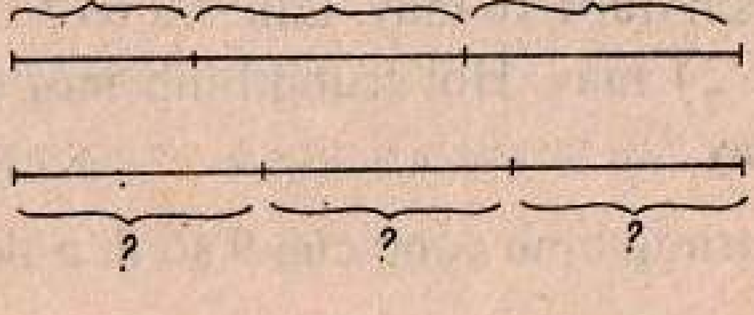

Bài giải

Tổng số mét ống dẫn nước đặt được trong ba ngày :

$$18 + 26 + 28 = 72 \text{ (m)}$$

Trung bình mỗi ngày đặt được :

$$72 : 3 = 24 \text{ (m)}$$

Đáp số : 24m.

Chú ý : Số 24 là số trung bình cộng của ba số 18, 26, 28.

$$\boxed{(18 + 26 + 28) : 3 = 24}$$

Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng của các số đó, rồi chia tổng đó cho số các số hạng.

▲ **1.** Tìm số trung bình cộng của các số sau :

35 và 45 ; 37, 42 và 56 ; 20, 32, 24 và 36.

2. Tính giá trị biểu thức :

$$(72 + 81 + 96) : 3$$

$$(33 + 35 + 42 + 54) : 4$$

$$(25 + 37 + 30 + 75 + 63) : 5$$

3. Một tổ sản xuất muối thu hoạch trong năm đợt như sau : 45 tạ, 60 tạ, 75 tạ, 72 tạ, 98 tạ. Hỏi trung bình mỗi đợt thu hoạch bao nhiêu tạ muối ?

4. Một cửa hàng chuyển máy bằng ôtô. Lần đầu có 3 ôtô, mỗi ôtô chuyển được 16 máy. Lần sau có 5 ôtô khác, mỗi ôtô chuyển được 24 máy. Hỏi trung bình mỗi ôtô chuyển được bao nhiêu máy ?

5. Tìm số trung bình cộng của 9 số liên tiếp từ 1 đến 9.

thuongmait

● Luyện tập

▲ 1. Tìm số trung bình cộng của các số sau :

a) 25, 32, 19, 40 ;

b) 96, 121, 146 ;

c) 31, 12, 20, 8, 39.

2. Sự tăng dân số của một xã trong ba năm liền lần lượt là : 90 người, 86 người, 70 người. Hỏi trung bình mỗi năm dân số của xã đó tăng thêm bao nhiêu người ?

3. Một công ti chuyển thực phẩm vào thành phố. Có 5 ôtô, mỗi ôtô chuyển được 36 tạ và 4 ôtô, mỗi ôtô chuyển được 45 tạ. Hỏi trung bình mỗi ôtô chuyển được bao nhiêu tấn thực phẩm ?

4. Một ôtô giờ thứ nhất chạy được 39km, giờ thứ hai chạy được 60km, giờ thứ ba chạy được bằng $\frac{1}{3}$ quãng đường của hai giờ đầu. Hỏi trung bình mỗi giờ ôtô chạy được bao nhiêu kilômet ?

5. a) Số trung bình cộng của hai số bằng 8. Biết một trong hai số đó bằng 9, tìm số kia ?

b) Số trung bình cộng của hai số bằng 20. Biết một trong hai số đó bằng 30, tìm số kia ?

● Luyện tập chung

▲ 1. Tính kết quả theo nhiều cách :

12 142 + 375 + 428 + 4 125 = ?

162 453 + 4 526 + 11 374 + 5 347 = ?

uongxua.vn

2. Tìm x :

$x + 136 = 492$; $x - 1993 = 17$.

3. Một tỉnh có 810 km đường nhựa, 660 km đường đá và 1 650 km đường đất. Hỏi tỉnh đó có bao nhiêu kilômet đường các loại ?

4. Tổ Một thu được 95 kg rau xanh. Tổ Hai thu được nhiều hơn tổ Một 30 kg rau xanh, nhưng lại ít hơn tổ Ba 15 kg. Hỏi trung bình mỗi tổ thu được bao nhiêu kilôgam rau xanh ?

5. Tính nhẩm :

a) 4 000 + 6 000 + 5 000 b) 1 400 + 300 × 2

9 000 + 3 000 + 7 000 2 500 − 500 × 3

6. Với giá trị nào của x thì :

a) $x \times 5 < 1$; b) $6 \times x < 20$.

thuongmaitr

2. PHÉP TRỪ

● Trừ hai số có nhiều chữ số

■ a) 5 798 − 4 366 = ?

Trừ theo thứ tự từ phải sang trái :

$$\begin{array}{r} 5798 \\ -\ 4366 \\ \hline 1432 \end{array}$$

* 8 trừ 6 bằng 2, viết 2
* 9 trừ 6 bằng 3, viết 3
* 7 trừ 3 bằng 4, viết 4
* 5 trừ 4 bằng 1, viết 1.

b) 58 293 − 32 457 = ?

Trừ theo thứ tự từ phải sang trái :

```
  58293
- 32457
  -----
  25836
```

* 13 trừ 7 bằng 6, viết 6, *nhớ* 1 vào 5
* 5 *thêm* 1 bằng 6, 9 trừ 6 bằng 3, viết 3
* 12 trừ 4 bằng 8, viết 8, *nhớ* 1 vào 2
* 2 *thêm* 1 bằng 3, 8 trừ 3 bằng 5, viết 5
* 5 trừ 3 bằng 2, viết 2.

c) 958 293 − 832 457 = ?

Trừ theo thứ tự từ phải sang trái :

```
  958293
- 832457
  ------
  125836
```

* 13 trừ 7 bằng 6, viết 6, *nhớ* 1 vào 5
* 5 *thêm* 1 bằng 6, 9 trừ 6 bằng 3, viết 3
* 12 trừ 4 bằng 8, viết 8 *nhớ* 1 vào 2
* 2 *thêm* 1 bằng 3, 8 trừ 3 bằng 5, viết 5
* 5 trừ 3 bằng 2, viết 2
* 9 trừ 8 bằng 1, viết 1.

ruongxua.vn

▲ **1.** a) 8 753 − 4 213 b) 9 372 − 7 145
5 372 − 160 5 360 − 2 454

2. a) 65 273 − 14 875 b) 276 375 − 157 982
52 169 − 28 372 457 820 − 238 953
42 301 − 537 627 532 − 6 898

3. Quãng đường xe lửa từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh dài 1 730 km. Quãng đường xe lửa từ Hà Nội vào Nha Trang dài 1 315 km. Tính quãng đường xe lửa từ Nha Trang vào thành phố Hồ Chí Minh.

4. Một kho lương thực, nhập đợt một được 11 870 tạ thóc ; nhập đợt hai được 12 730 tạ thóc. Hỏi :

a) Đợt hai nhập hơn đợt một mấy tạ thóc ?

b) Cả hai đợt nhập được tất cả bao nhiêu tấn thóc ?

5. Tính giá trị số của biểu thức a – b :

a	35 127	68 125	435 127	268 125
b	23 588	59 538	423 588	259 538
a – b				

● Luyện tập

▲ **1.** a)

$$\begin{array}{r} 5749 \\ -\ \ 357 \\ \hline 5392 \end{array} \qquad \text{Thử lại :} \quad \begin{array}{r} 5392 \\ +\ \ 357 \\ \hline 5749 \end{array}$$

Muốn thử phép trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ, nếu được kết quả là số bị trừ thì phép tính làm đúng.

b) Tính rồi thử lại :

4 823 – 1 389 ; 6 001 – 538 ; 2 412 – 89.

thuongmaitr

2. Tìm hiệu hai số, biết :

Số bị trừ là 3 580 và số trừ là 1 475 ;

Số trừ là 5 201 và số bị trừ là 5 432

3. Học sinh huyện A trồng được 15 576 cây lấy gỗ, học sinh huyện B trồng được ít hơn 2 791 cây lấy gỗ. Hỏi học sinh cả hai huyện trồng được bao nhiêu cây lấy gỗ ?

4. 1 025 – 936 : 3 ; 2 634 – 512 : 2 ; 1 154 – 924 : 4

4 219 – 254 × 3 ; 5 001 – 98 × 6 ; 3 120 – 19 × 4

5. Tính nhẩm hiệu của số lớn nhất có năm chữ số và số bé nhất có năm chữ số.

6. Chọn những số thích hợp để khi thay vào chữ x thì $x - 7 < 3$?

● Luyện tập

▲ **1.** a)

$$\begin{array}{r} 1218 \\ +\ 3242 \\ \hline 4460 \end{array} \qquad \text{Thử lại :} \quad \begin{array}{r} 4460 \\ -\ 1218 \\ \hline 3242 \end{array}$$

Muốn thử phép cộng ta lấy tổng trừ đi một số hạng, nếu được kết quả là số hạng còn lại thì phép tính làm đúng.

b) Tính rồi thử lại :

38 656 + 37 584 ;   42 375 + 1 049 ;   584 321 + 2 859.

2. Thực hiện phép tính rồi thử lại :

6 833 – 3 580 ;   2 768 + 1 904 ;   98 + 6 017.

3. Tìm x : $x - 666 = 999$; $x + 254 = 635$

4. Trường Đoàn Kết có 2 573 học sinh, trường Thành Công có 3 012 học sinh. Hỏi trường nào có đông học sinh hơn và hơn bao nhiêu học sinh ?

5. Núi PhanXiPan (tỉnh Lao Cai) cao 3 143m. Núi Tây Côn Lĩnh (tỉnh Hà Giang) cao 2 428m. Hỏi núi PhanXiPan cao hơn núi Tây Côn Lĩnh bao nhiêu mét ?

6. Tìm số trung bình cộng của :

a) 96, 52, 20 ;   b) 133, 123, 201, 163.

7. Chọn những số thích hợp để khi thay vào y thì có $y - 2 < 5$?

● Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó

■ *Bài toán :* Tổng của hai số là 48. Hiệu của hai số đó là 12. Tìm hai số đó ?

Cách thứ nhất

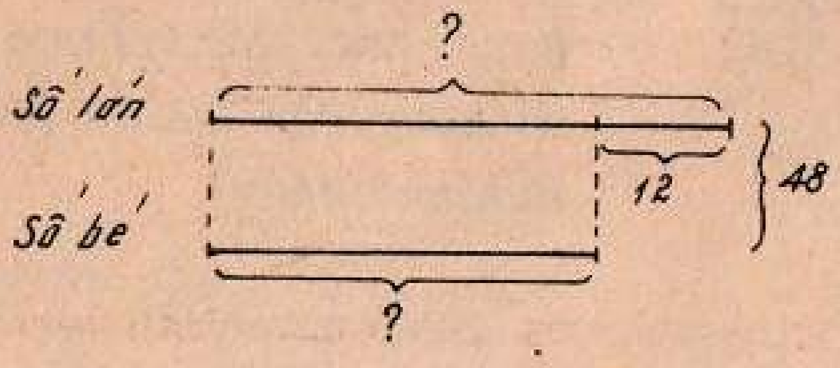

Bài giải

Hai lần số bé là :
48 − 12 = 36

Số bé là :
36 : 2 = 18

Số lớn là :
18 + 12 = 30

Đáp số : Số lớn : 30
Số bé : 18

Nhận xét : **Số bé = (Tổng − hiệu) : 2**

Cách thứ hai

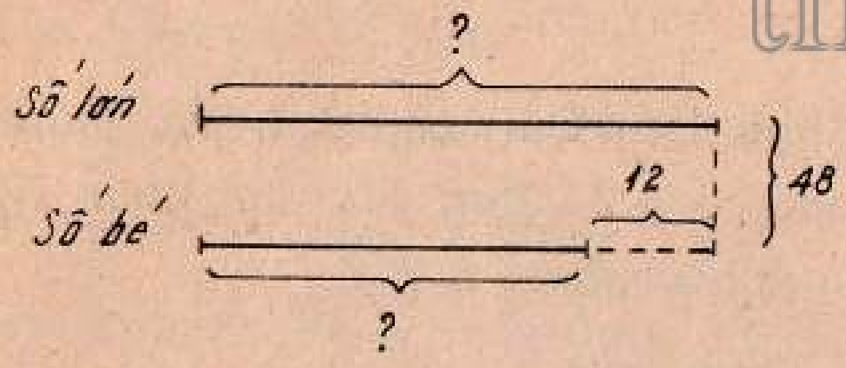

Bài giải

thuongmaitr

Hai lần số lớn là
48 + 12 = 60

Số lớn là :
60 : 2 = 30

Số bé là :
30 − 12 = 18

Đáp số : Số lớn : 30
Số bé : 18

Nhận xét : **Số lớn = (Tổng + hiệu) : 2**

▲ **1.** Tuổi bố và tuổi con cộng lại được 50. Bố hơn con 28 tuổi. Hỏi bố bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi ?

2. Một lớp học có 36 học sinh. Số nam sinh hơn số nữ sinh là 4 em. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu nam sinh, có bao nhiêu nữ sinh ?

3. Cả hai lớp 4A và 4B trồng được 485 cây. Lớp 4A trồng được ít hơn lớp 4B 45 cây. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây ?

4. Tổng của hai số lẻ liên tiếp là 56. Tìm hai số đó.

5. Tính nhẩm : Tổng của hai số bằng 8, hiệu của chúng cũng bằng 8. Tìm hai số đó ?

● Luyện tập

▲ **1.** Tìm hai số biết tổng và hiệu của chúng lần lượt là :

a) 26 và 6 ; b) 80 và 8 ; c) 165 và 99.

2. Tuổi chị và tuổi em cộng lại được 32. Em kém chị 8 tuổi. Hỏi chị bao nhiêu tuổi, em bao nhiêu tuổi ?

3. Một thư viện mới mua thêm 45 quyển sách gồm hai loại : sách văn học và sách khoa học. Số sách văn học nhiều hơn số sách khoa học 11 quyển. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu quyển ?

4. Hai đội làm đường cùng đắp một quãng đường dài 800m. Đội thứ nhất đắp được ít hơn đội thứ hai 136m đường. Hỏi mỗi đội đã đắp được bao nhiêu mét đường ?

5. Hai thửa ruộng thu hoạch được 3 tấn 2 tạ thóc. Thửa thứ nhất thu hoạch được nhiều hơn thửa thứ hai 6 tạ thóc. Hỏi mỗi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu kilôgam thóc ?

6. Tổng của hai số chẵn là 30. Tìm hai số đó, biết rằng ở giữa chúng có ba số lẻ ?

● Luyện tập

▲ **1.** Điền số thích hợp vào ô trống :

Tổng	51	77	182
Hiệu	19	23	64
Số lớn = (Tổng + Hiệu) : 2			
Số bé = (Tổng − Hiệu) : 2			

2. Lớp Một và lớp Hai cùng thu nhặt được 127 kg giấy. Lớp Hai thu nhặt được hơn lớp Một 9 kg giấy. Hỏi mỗi lớp thu nhặt được bao nhiêu kilôgam giấy ?

3. Một cửa hàng đã bán được 215m vải hoa và vải trắng. Sau đó cửa hàng bán thêm được 37m vải hoa nữa và như vậy đã bán vải hoa nhiều hơn vải trắng là 68m. Hỏi cửa hàng đã bán được bao nhiêu mét vải hoa, bao nhiêu mét vải trắng ?

thuongmaitr

4. Căn cứ vào phần tóm tắt dưới đây hãy đặt một đề toán rồi giải :

Tóm tắt :

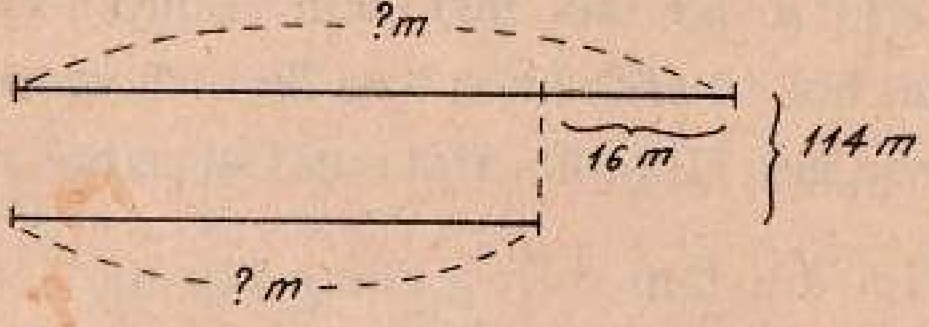

5. 212 × 3 + 868 : 2 ;   669 : 3 − 28 × 4.

6. An và Bình có tất cả 48 hòn bi. Nếu An cho Bình 3 hòn bi và Bình cho lại An 1 hòn bi thì hai người có số bi bằng nhau. Hỏi trước khi cho nhau mỗi người có bao nhiêu hòn bi ?

● Luyện tập về tính giá trị biểu thức số

▲ **1.** a) 510 − 225 − 198 + 89   b) (189 + 27) : (5 − 2) × 5
68 × 2 : 4 × 3   379 + (524 : 4 + 78 × 5)

2. 468 : 6 + 201 × 2

112 × 3 + 804 : 2 + 402

5375 − 375 × (432 : 9 − 40)

5000 − 5000 : (726 : 6 − 21).

3. Viết thành biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức :

a) Tích của 175 và 5 cộng với 315 ;

b) 988 trừ đi thương của 484 và 4 ;

c) Tổng của 818 và 77, chia cho 5 ;

d) Hiệu của 675 và 282, nhân với 2.

4. Một ruộng muối thu hoạch lần thứ nhất được 20 tạ, lần thứ hai được 22 tạ, lần thứ ba được 14 tạ, lần thứ tư được bằng nửa tổng các lần trước.

a) Hỏi lần thứ tư thu được bao nhiêu tạ muối ?

uongxua.vn

b) Hỏi trung bình mỗi lần thu hoạch được bao nhiêu tạ muối ?

5. Một huyện cử người đi khai hoang ở miền núi. Lần đầu cử được 504 người. Lần sau cử được bằng $\frac{1}{3}$ số người của lần đầu cộng thêm 400 người. Hỏi cả hai lần huyện đó cử được bao nhiêu người đi khai hoang ?

6. Viết thêm dấu ngoặc đơn để có kết quả tính đúng :

a) 27 + 23 × 4 = 200 ?

b) 125 × 936 : 3 − 310 = 250 ?

● Luyện tập về tính giá trị biểu thức số *(tiếp theo)*

▲ **1.** (158 + 154) × 3 − 218 × 4 ; (934 − 129) : 5 + 905 : 5 ;

(873 − 586) × 3 + (315 + 298) ; (147 + 235 × 3 + 108) : 3.

2. Viết thành biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức đó :

a) Tổng của 225 và 96, nhân với 2 ;

b) Hiệu của 613 và 345, chia cho 4.

3. Một đội công nhân trong ba ngày phải mắc xong 10 km đường dây điện thoại. Ngày đầu đã mắc được 3 050m ; ngày thứ hai đã mắc hơn ngày đầu 1 150m. Hỏi ngày cuối cùng còn phải mắc bao nhiêu mét dây điện thoại nữa ?

4. Một tổ học sinh tham gia hái chè ở nông trường. Ngày đầu hái được 95 800 g ; ngày thứ hai hái được ít hơn ngày đầu 8 400 g ; ngày thứ ba hái được gấp đôi ngày thứ hai. Hỏi cả ba ngày tổ đó hái được bao nhiêu kilôgam chè ?

5. Hãy thay dấu * bằng dấu phép tính và viết thêm dấu ngoặc đơn để có kết quả tính đúng :

1 * 2 * 3 * 4 * 5 = 100 ?

thuongmaitr

● Luyện tập chung

▲ 1. Thực hiện phép tính rồi thử lại :

9 864 + 798   5 302 − 1625
3 785 + 2697   4 004 − 936

2. Không thực hiện phép tính, hãy viết kết quả tính :

a) 597 + 318 = 915
915 − 597 =
915 − 318 =

b) 5 936 + 672 = 6 608
6 608 − 672 =
6 608 − 5936 =

3. Sử dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng để tính nhanh :

a) 92 + 97 + 8 + 3
36 + 199 + 1 + 4

b) 254 + 146 + 391 + 209
168 + 288 + 212 + 232

4. 3 652 + 485 : 5 − 78 × 6 ;   217 × 4 − (595 : 7 + 279).

5. Một khách sạn trong ba tháng hè đã nhận khách đến nghỉ mát : tháng sáu có 210 người, tháng bảy có 360 người, tháng tám có 423 người. Hỏi trung bình mỗi tháng hè có bao nhiêu người đến khách sạn đó để nghỉ mát ?

6. Có thể tìm được giá trị số tự nhiên nào của x để :

a) $x \times 5 = 15$ b) $0 : x = 1$ c) $0 \times x = 0$

$x : 4 = 9$ $x \times 3 = 1$ $0 : x = 0$

● Luyện tập chung

▲ **1.** Sử dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng để tính nhanh :

a) 3 548 + 3 717 + 1 652 + 31 083 ;

b) 120 000 + 25 125 + 37 666 + 14 875 + 2 334.

uongxua.vn

2. Tính giá trị của các biểu thức :

a) 1 356 − 572 + 7 269 + 472 ; c) 102 × 6 − (343 : 7 + 287) ;

b) 1 277 + 575 : 5 − 112 × 7 ; d) (456 + 146 × 4 − 388) : 4.

3. Các em lớp 4A góp sách tặng các bạn vùng bị bão lụt. Tổ một góp được 25 quyển, tổ hai góp được 27 quyển, tổ ba góp được 29 quyển, tổ bốn góp được 23 quyển. Hỏi trung bình mỗi tổ góp được bao nhiêu quyển sách ?

4. Một bể và một thùng cùng chứa được tất cả là 1200 lít nước. Thùng chứa được ít hơn bể 700 lít nước. Hỏi bể chứa được bao nhiêu lít nước, thùng chứa được bao nhiêu lít nước ?

5. Anh hơn em 5 tuổi, 5 năm sau tuổi anh và tuổi em cộng lại được 25. Tính tuổi của mỗi người hiện nay ?

6. Tìm x, biết : $6 < x + 2 < 8$

● Đoạn thẳng. Đường thẳng. Tia

■ a) Nối hai điểm bằng thước thẳng thì được một đoạn thẳng. Hai điểm này được gọi là hai đầu mút của đoạn thẳng.

Đoạn thẳng AB
(hoặc BA)

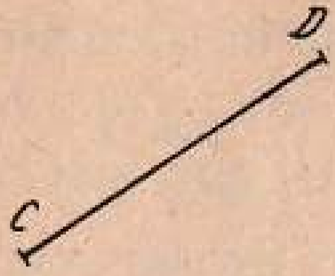

Đoạn thẳng CD
(hoặc DC)

Đoạn thẳng EG
(hoặc GE)

b) Kéo dài mãi một đoạn thẳng về hai phía thì được một đường thẳng.

Đường thẳng AB
(hoặc BA)

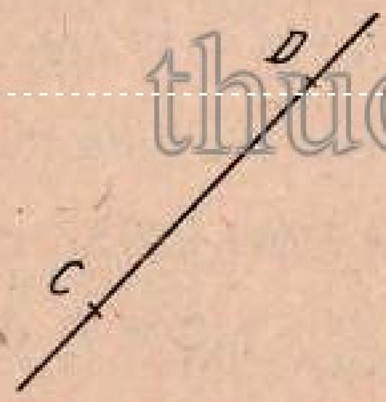

Đường thẳng CD
(hoặc DC)

Đường thẳng EG
(hoặc GE)

thuongmaitr

c) Từ một điểm ta vẽ một nét thẳng về một phía thì được một tia. Điểm đó gọi là gốc của tia.

Tia Ax có gốc A

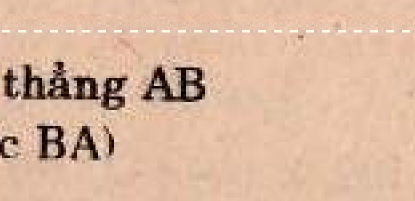

Tia By có gốc B.

Tia Ct có gốc C

▲ **1.** Cho hai điểm A và B. Hãy vẽ đoạn thẳng AB và đường thẳng AB.

2. Trên mỗi hình vẽ dưới có mấy đường thẳng ?

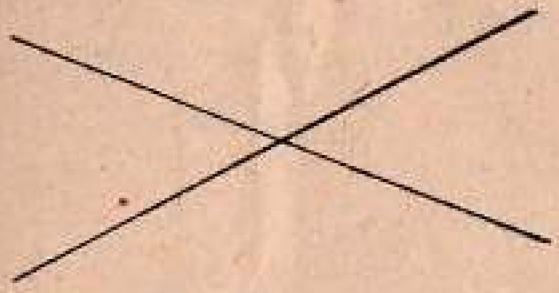

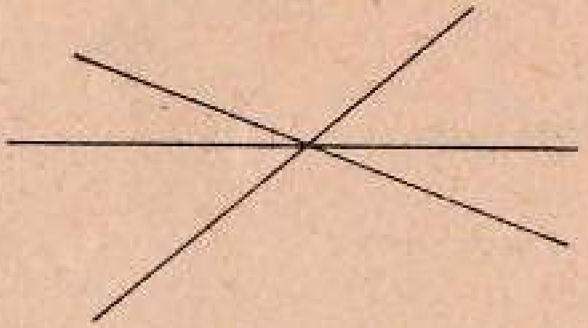

3. Trên hình vẽ bên có mấy đường thẳng ? Ghi tên các đường đó.

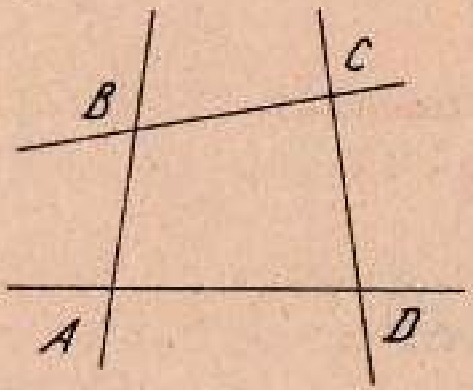

4. Hãy ghi số thích hợp dưới mỗi vạch của tia số :

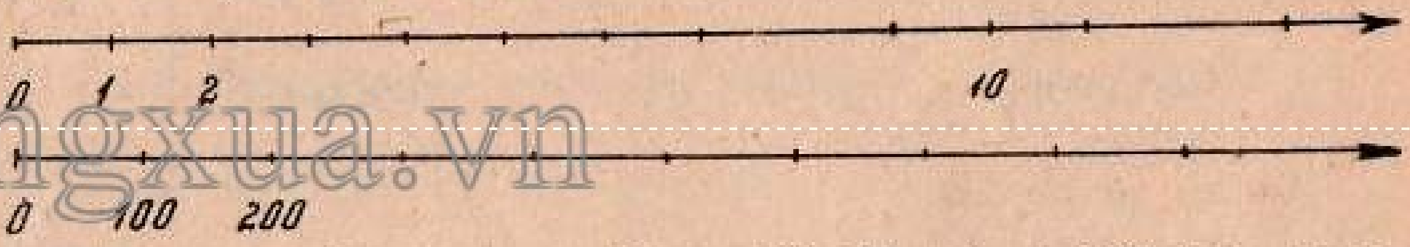

tuongxua.vn

5. Nhìn vào mỗi hình vẽ, trả lời câu hỏi : Có mấy tia ? Ghi tên các tia.

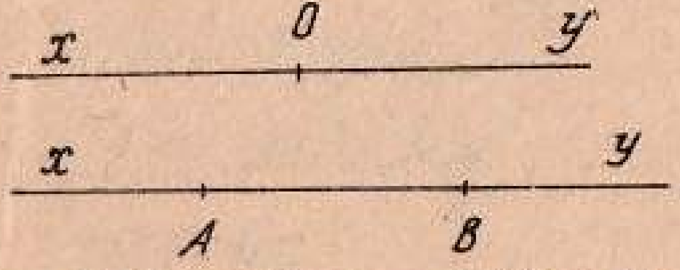

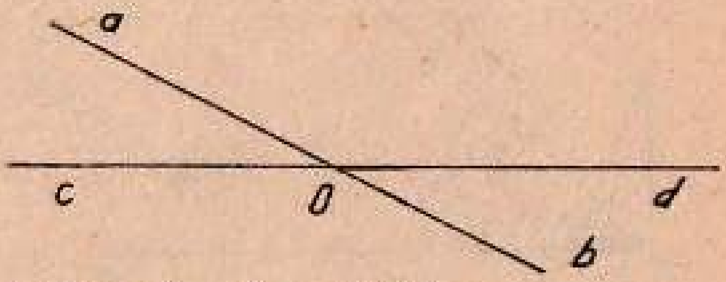

6. Có mấy đoạn thẳng ? Ghi tên các đoạn thẳng.

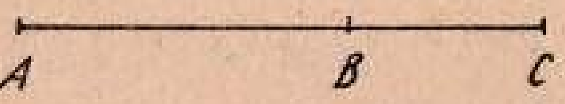

● Góc vuông. Góc bẹt. Góc nhọn. Góc tù

■ *a) Êke*

Êke hình tam giác có một góc vuông.

Êke dùng để đo và vẽ góc vuông.

Góc vuông của êke

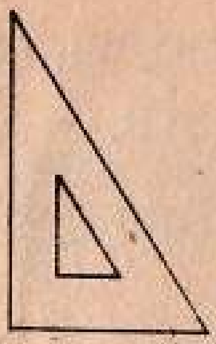

Êke

b) Các loại góc

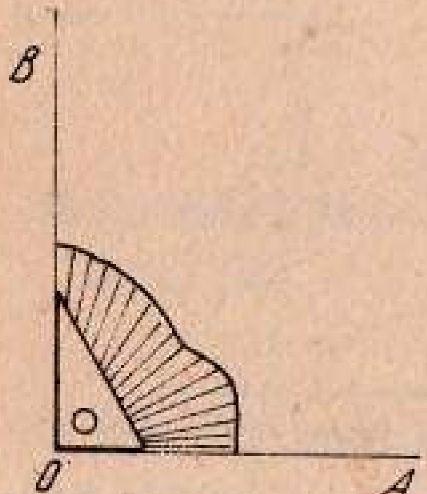

Góc vuông

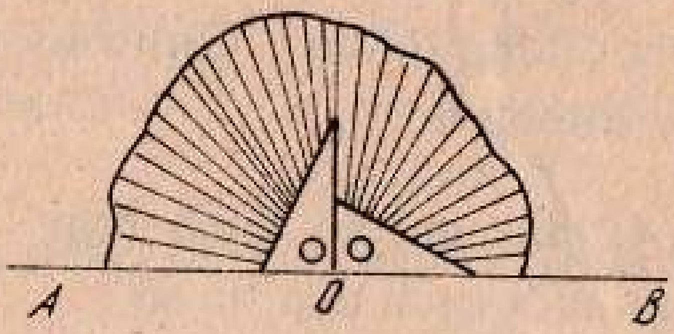

Góc bẹt

thuongmaitr

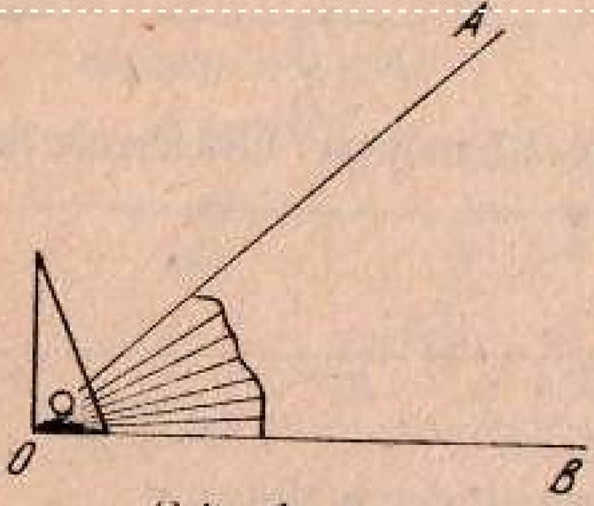

Góc nhọn

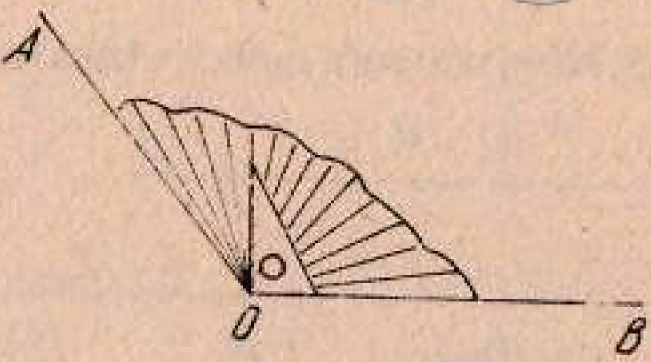

Góc tù

Góc bẹt bằng hai góc vuông.

Góc nhọn bé hơn góc vuông.

Góc tù lớn hơn góc vuông và bé hơn góc bẹt.

Mỗi góc đều có một đỉnh và hai cạnh :

Góc O có đỉnh O và hai cạnh OA và OB.

▲ **1.** Hãy ghi tên góc vuông, góc nhọn, góc tù ở hình vẽ :

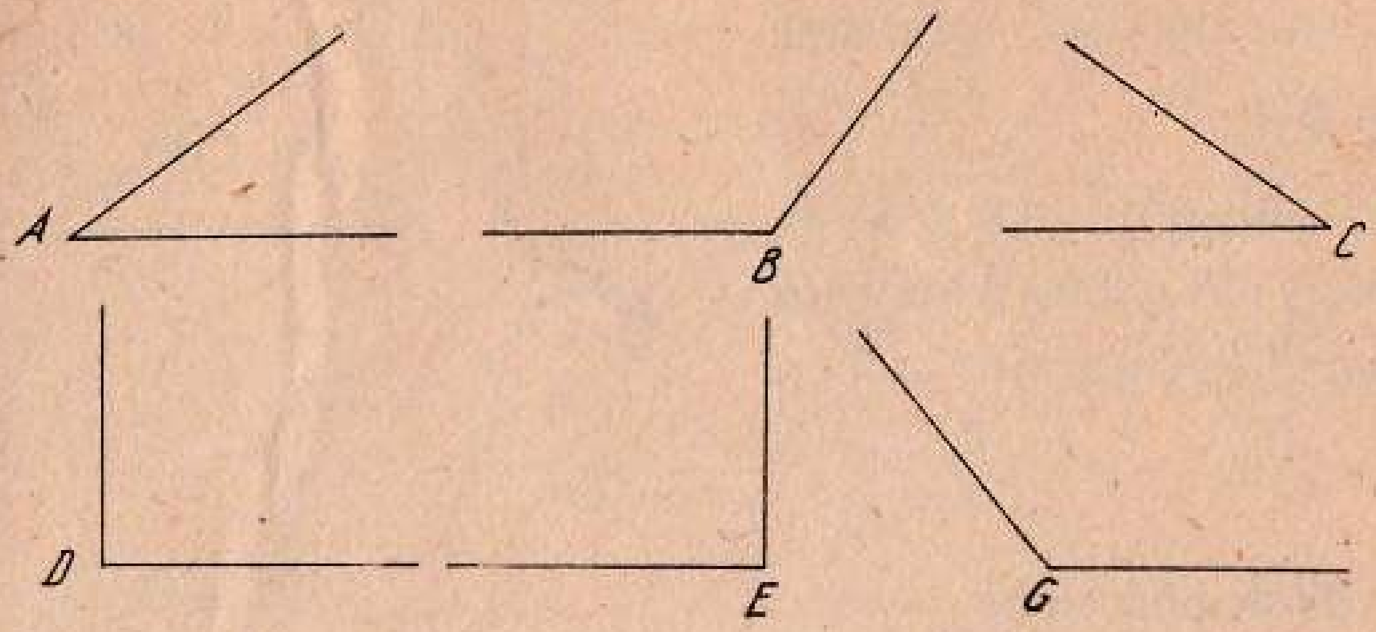

2. Hãy vẽ :

a) Hình tam giác có ba góc nhọn ;

b) Hình tam giác có một góc vuông ;

c) Hình tam giác có một góc tù.

ruongxua.vn

3. Hãy tìm xem đồ vật nào có hình dạng :

a) Góc vuông ;

b) Góc nhọn ;

c) Góc tù.

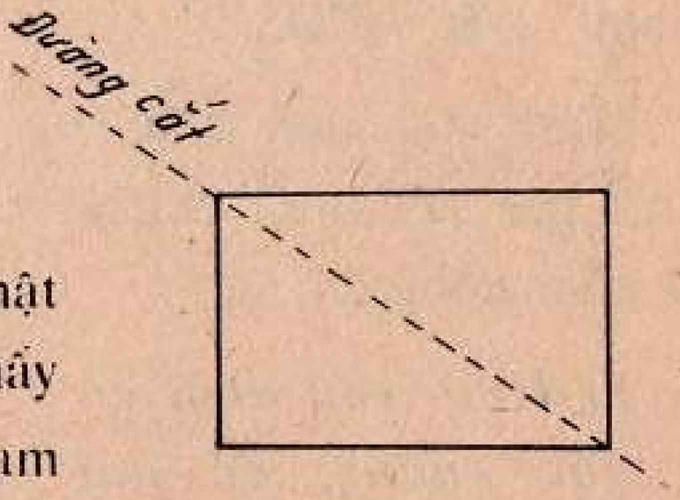

4. Cắt đôi tờ giấy hình chữ nhật (như hình vẽ bên) thì được mấy hình tam giác ? Ở mỗi hình tam giác đó có mấy góc vuông ? Mấy góc nhọn ? Mấy góc tù ?

5. Cắt đôi hình tam giác có một góc vuông (như hình vẽ bên) thì được mấy hình tam giác ?

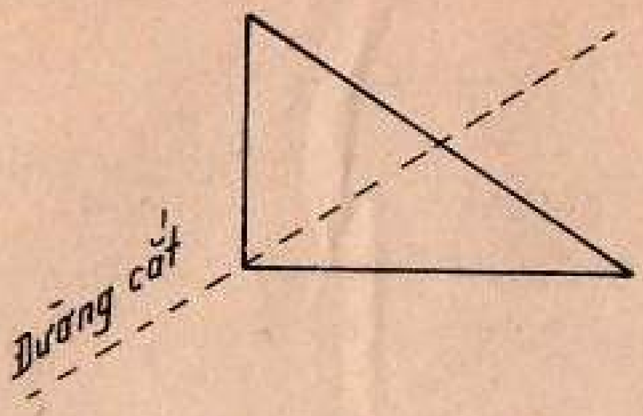

Ở mỗi hình tam giác đó có mấy góc vuông ? Mấy góc nhọn ? Mấy góc tù ?

● Hình chữ nhật

■ a) Ở lớp Ba đã học :

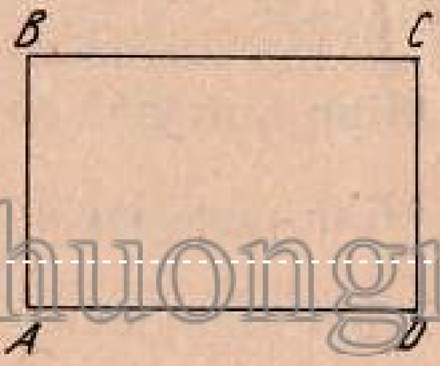

Hình chữ nhật ABCD có 4 cạnh : AB, BC, CD và DA trong đó hai chiều dài bằng nhau : BC = AD và hai chiều rộng bằng nhau : AB = CD.

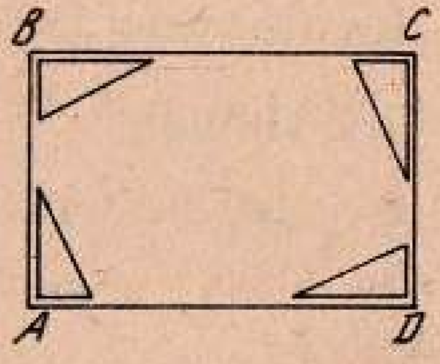

Hình chữ nhật ABCD có 4 góc : A, B, C, D đều là góc vuông.

b) Hình chữ nhật có 4 góc vuông, có hai chiều dài bằng nhau và hai chiều rộng bằng nhau.

▲ **1.** Hãy dùng êke để tìm xem hình nào là hình chữ nhật ? Viết tên hình chữ nhật đó.

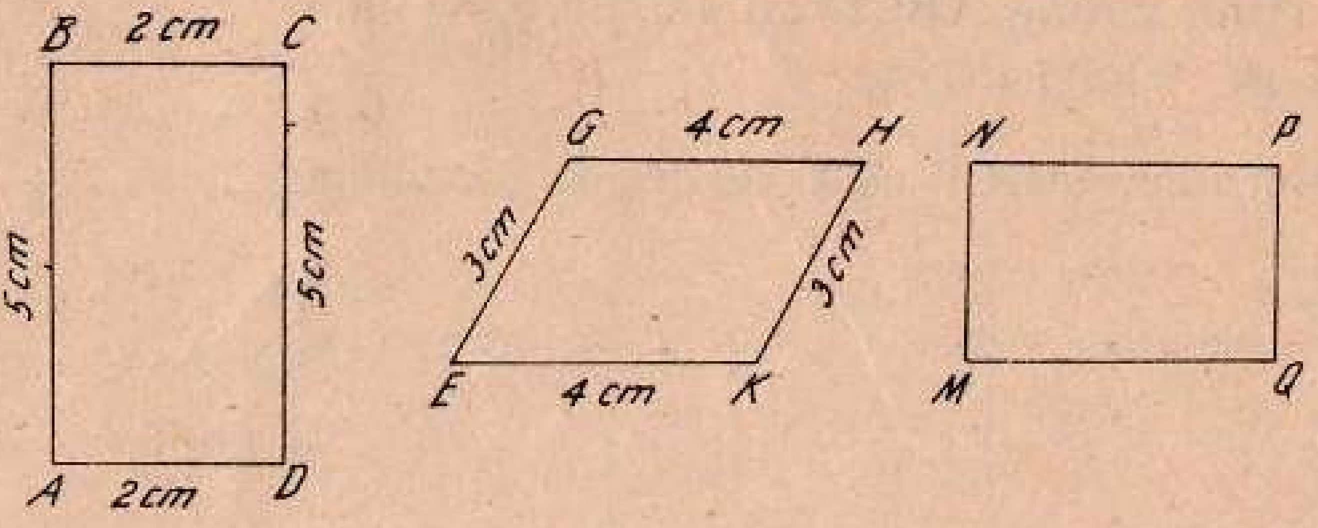

2. Nói rằng : "Một hình chữ nhật có 4 cạnh với độ dài là 5cm, $\frac{1}{5}$dm, $\frac{1}{2}$dm, 2cm". Điều đó đúng hay sai ? Vì sao ?

uongxua.vn

3. Nói rằng : "Một hình tứ giác có hai cạnh dài bằng nhau và hai cạnh ngắn bằng nhau thì hình đó là hình chữ nhật". Điều đó đúng hay sai ? Vì sao ?

4. Trên hình vẽ bên có tất cả mấy hình chữ nhật ? Viết tên các hình đó.

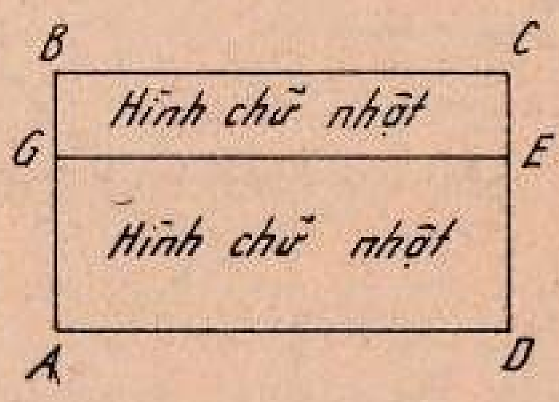

5. Một hình tứ giác có 3 góc vuông.

Hãy đo góc còn lại xem đó là loại góc gì ?

● Hình vuông

■ a) Ở lớp Ba đã học :

Hình vuông ABCD có 4 cạnh bằng nhau AB = BC = CD = DA.

Hình vuông ABCD có 4 góc đều là góc vuông.

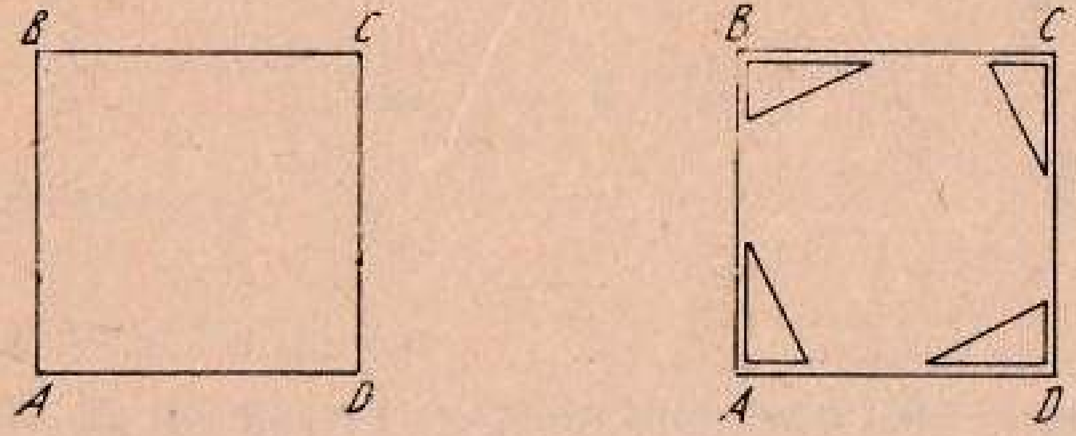

b) Hình vuông có 4 góc vuông và 4 cạnh bằng nhau

thuongmaitr

▲ **1.** Hãy dùng êke và thước có vạch chia để tìm xem hình nào là hình vuông ? Viết tên hình vuông đó.

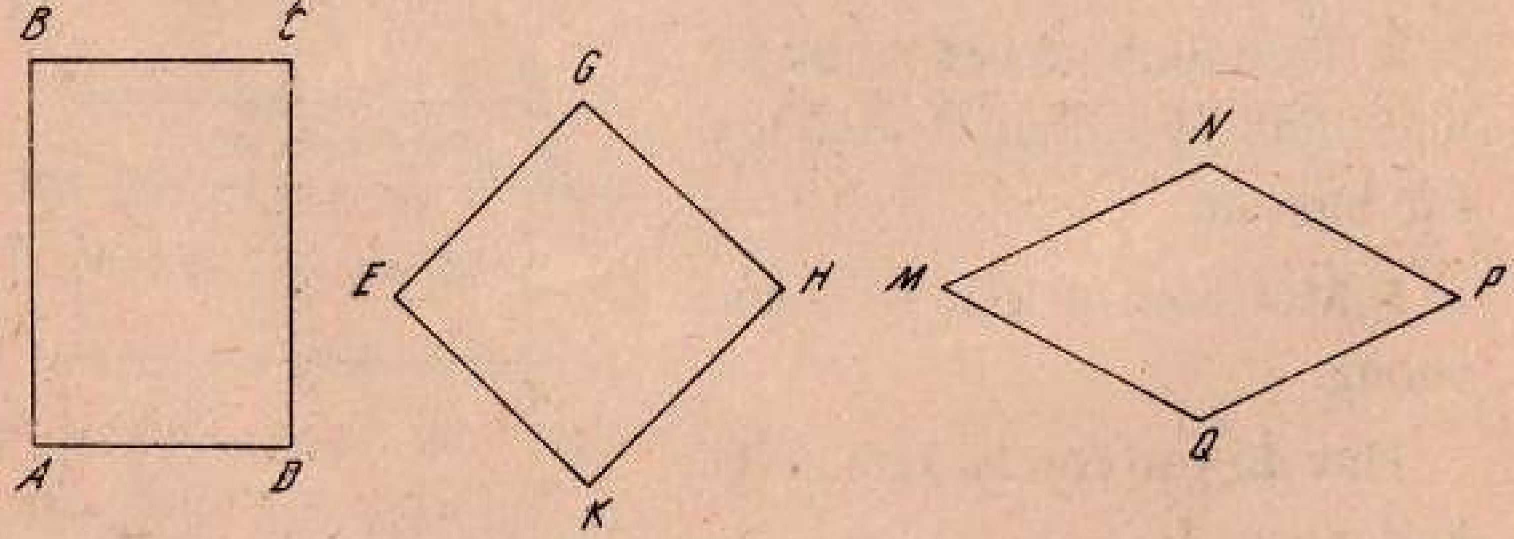

2. Nói rằng : "Một hình vuông có 4 cạnh với độ dài là 5dm. $\frac{1}{2}$m, 50cm, 500mm". Điều đó đúng hay sai ? Vì sao ?

3. Nói rằng : "Một hình tứ giác có 4 góc vuông là hình vuông". Điều đó đúng hay sai ? Vì sao ?

4. Nói rằng : "Một hình tứ giác có 4 cạnh bằng nhau là hình vuông". Điều đó đúng hay sai ? Vì sao ?

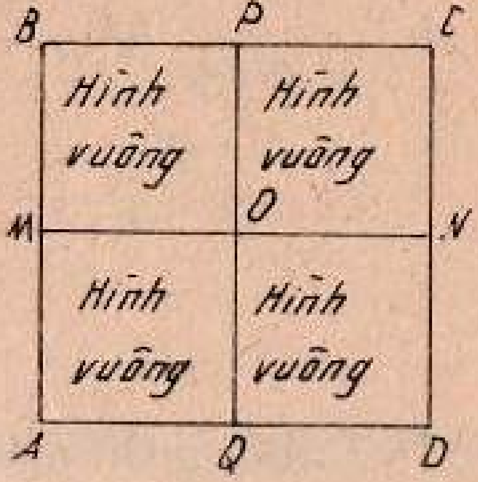

5. Trên hình vẽ bên có tất cả mấy hình vuông ? Viết tên các hình đó.

● Hai đường thẳng vuông góc

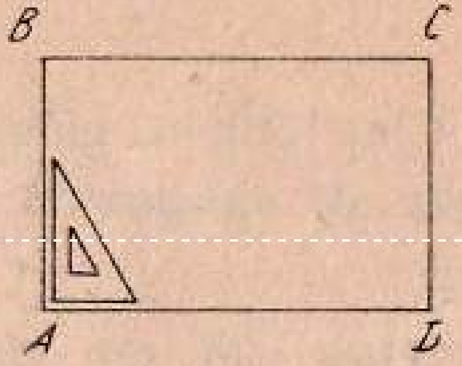

■ Trên hình chữ nhật ABCD có AB và AD vuông góc với nhau.

uongxua.vn

Hai đường thẳng AB và AD vuông góc với nhau tạo thành 4 góc vuông có chung đỉnh A.

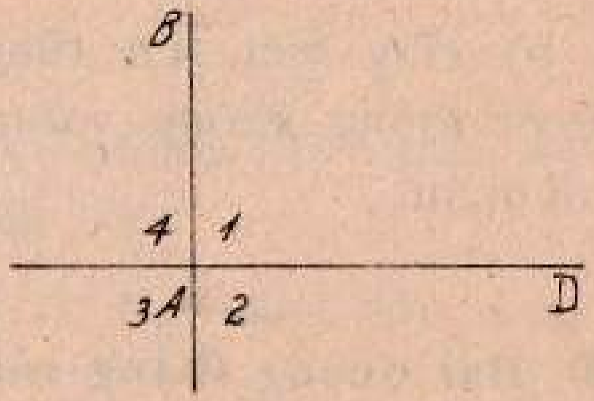

Ta thường dùng êke để vẽ hai đường thẳng vuông góc với nhau.

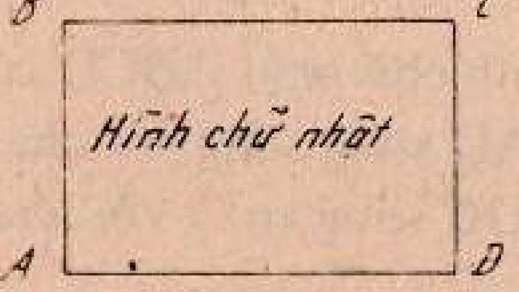

▲ **1.** Tìm xem trên hình chữ nhật ABCD có những cặp đoạn thẳng (cạnh) nào vuông góc với nhau ?

Hãy viết tên từng cặp đó.

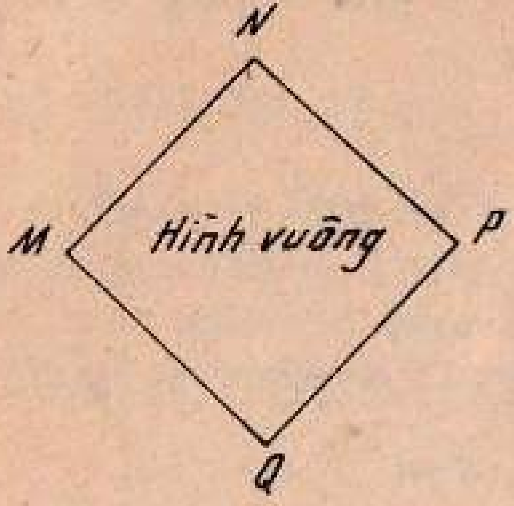

2. Trên hình vuông MNPQ có những cặp đoạn thẳng nào vuông góc với nhau ? Hãy viết tên từng cặp đó.

3. Dùng êke để vẽ hai đường thẳng vuông góc với nhau.

4. Cho đường thẳng AB, trên đó lấy một điểm O. Hãy dùng êke để vẽ đường thẳng CD đi qua điểm O và vuông góc với AB.

5. Cho hình tứ giác ABCD có góc A và góc B là góc vuông.

a) Hãy viết tên từng cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau.

b) Hãy viết tên từng cặp đoạn thẳng không vuông góc với nhau.

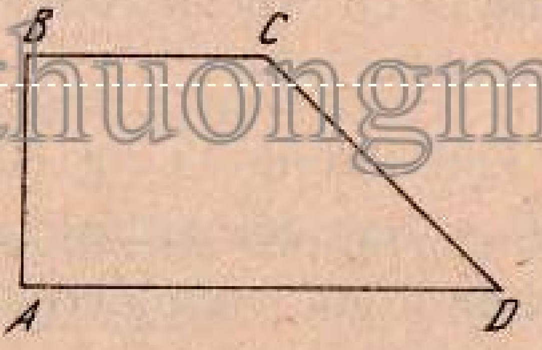

thuongmaitr

- **Hai đường thẳng song song**

■

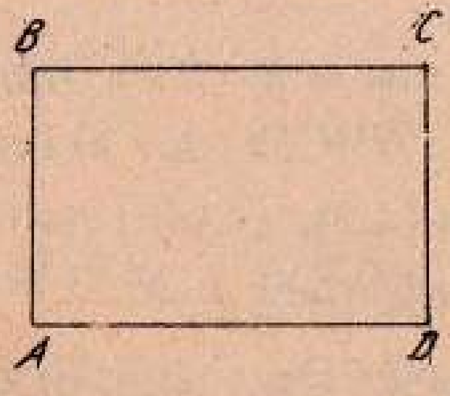

Trên hình chữ nhật ABCD có BC và AD song song với nhau ; AB và DC song song với nhau.

Hai đường thẳng song song với nhau thì không bao giờ gặp nhau.

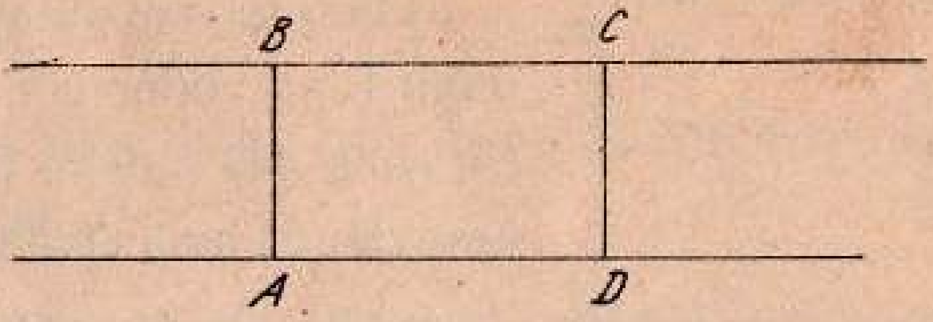

▲ **1.** Trên hình chữ nhật MNPQ có những cặp cạnh nào song song với nhau ? Ghi tên từng cặp đó.

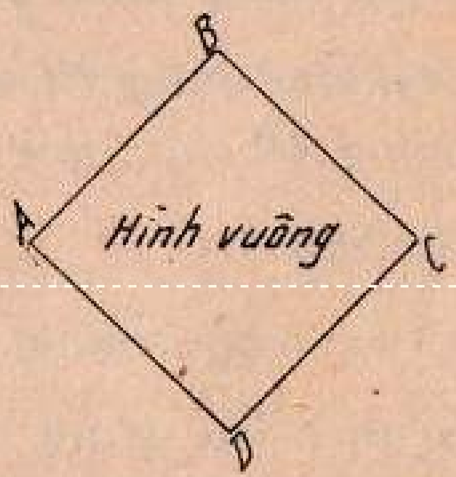

uongxua.vn

2. Trên hình vuông ABCD có những cặp cạnh nào song song với nhau ? Ghi tên từng cặp đó.

3. Trong các hình dưới đây có cặp cạnh nào song song không ?

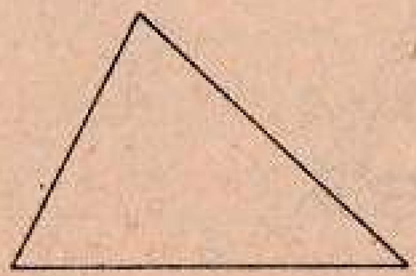

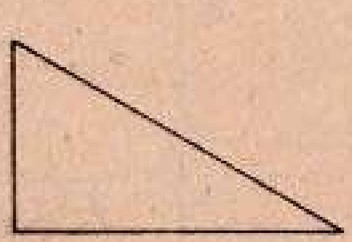

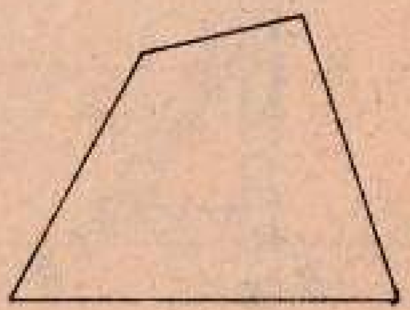

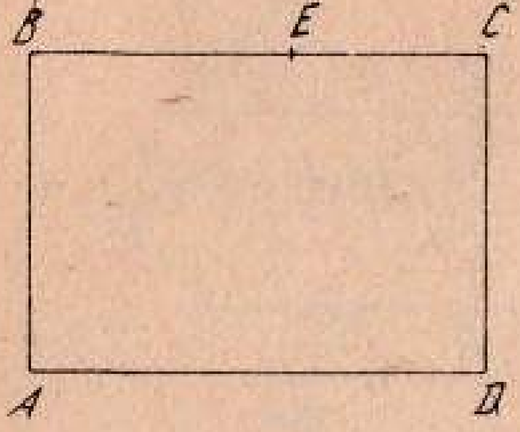

4. Cho hình chữ nhật ABCD và điểm E trên cạnh BC.

a) Hãy vẽ một đường thẳng đi qua điểm E và vuông góc với cạnh AD, cắt cạnh AD ở điểm G. Ta được các hình đều là hình chữ nhật ;

b) Hãy ghi tên từng cặp hai cạnh song song với nhau ;

c) Hãy ghi tên ba cạnh cùng song song với nhau.

●Vẽ hai đường thẳng vuông góc. Vẽ hai đường thẳng song song

■ *a) Vẽ một đường thẳng CD đi qua một điểm E và vuông góc với đường thẳng AB cho trước.*

Cách thực hiện :

thuongmaitr

– Đặt một cạnh góc vuông êke trùng với đường thẳng AB.

– Chuyển dịch êke trượt theo đường thẳng AB sao cho cạnh thứ hai của êke gặp điểm E. Vạch một đường thẳng theo cạnh thứ hai của êke thì được một đường thẳng CD đi qua điểm E và vuông góc với đường thẳng AB.

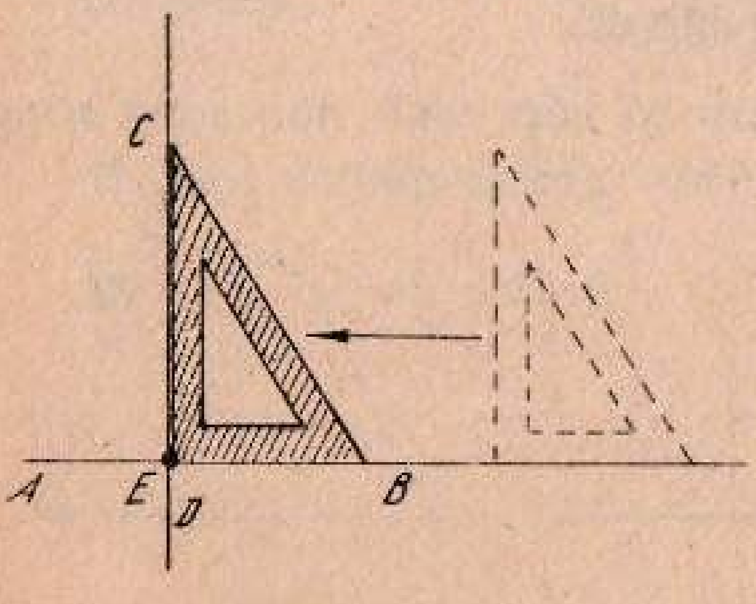

Điểm E ở trên đường thẳng AB

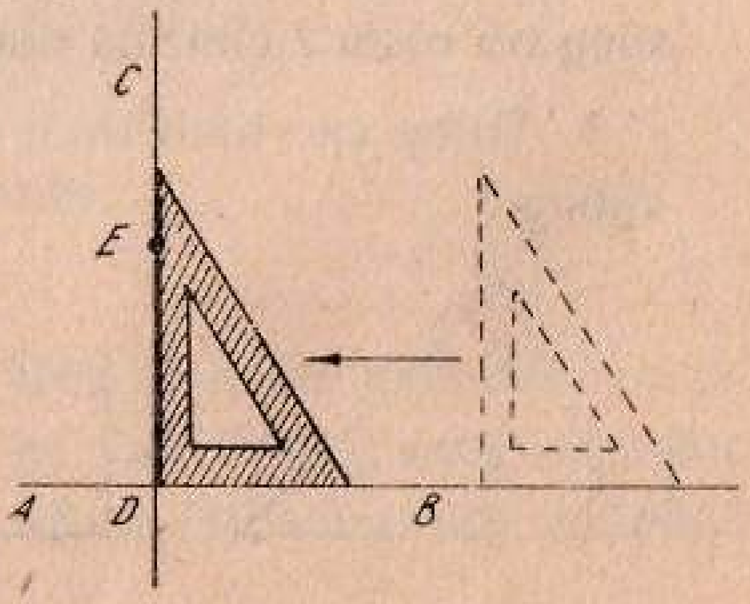

Điểm E ở ngoài đường thẳng AB

b) Vẽ một đường thẳng CD đi qua một điểm E và song song với đường thẳng AB.

Cách thực hiện :

– Vẽ một đường thẳng MN đi qua điểm E và vuông góc với đường thẳng AB.

– Vẽ một đường thẳng CD đi qua điểm E và vuông góc với đường thẳng MN thì được đường thẳng CD song song với đường thẳng AB.

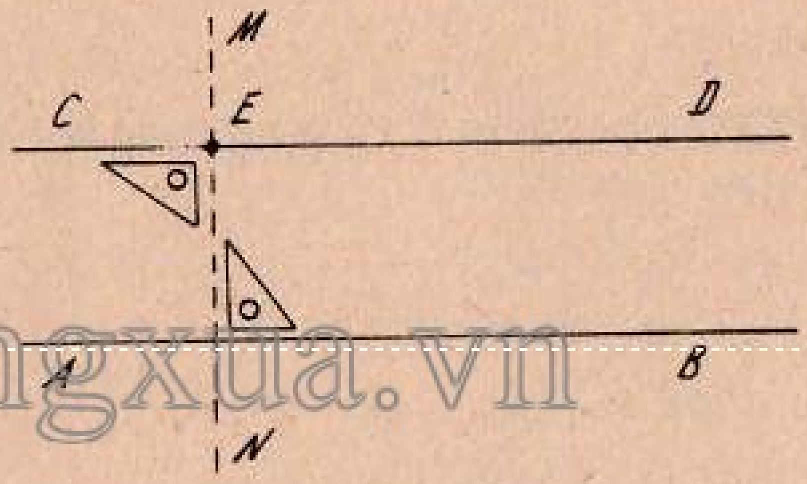

uongxua.vn

▲ **1.** Hãy vẽ đường thẳng AB đi qua điểm E và vuông góc với đường thẳng CD (3 vị trí của CD) :

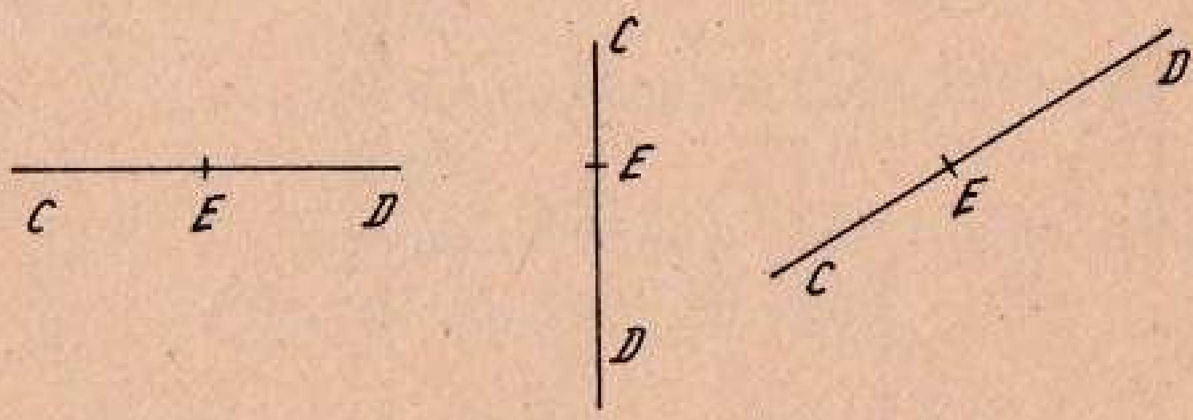

2. Từ đỉnh A của hình tam giác ABC hãy vẽ một đường thẳng vuông góc với cạnh BC :

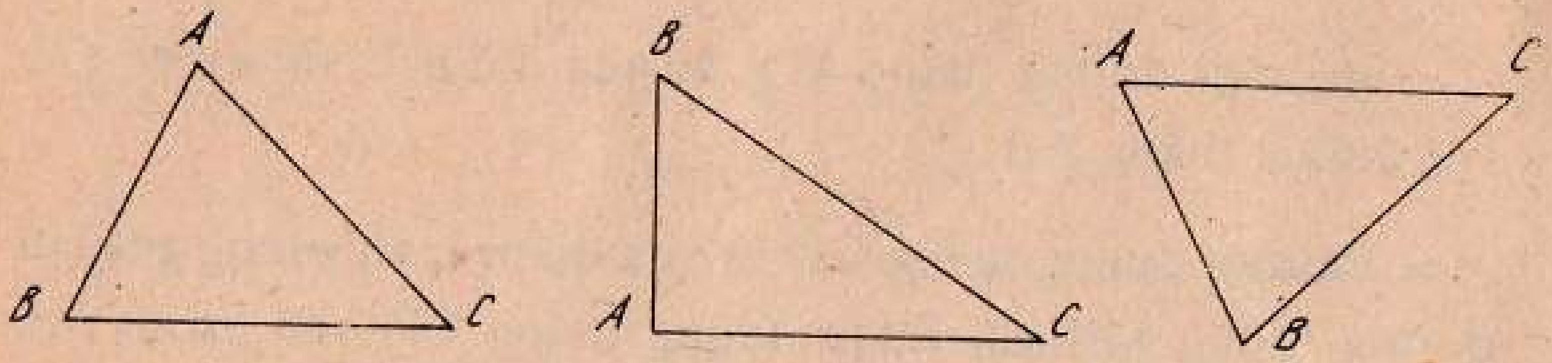

3. a) Hãy vẽ đường thẳng AB đi qua điểm M và song song với CD.

b) Hãy vẽ đường thẳng PQ đi qua điểm N và song song với XY.

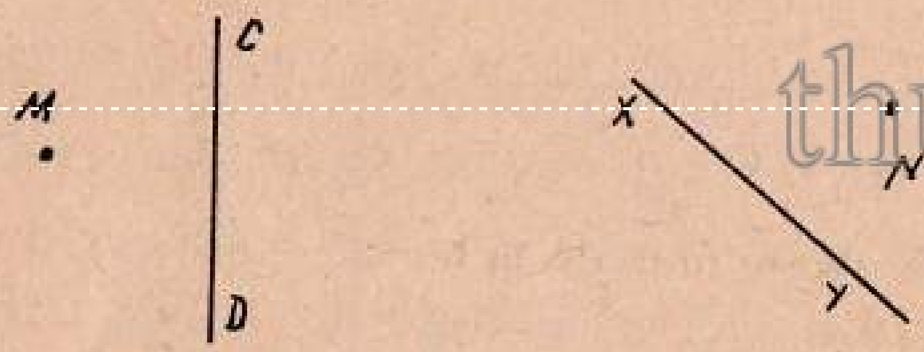

thuongmaitr

4. Hãy vẽ hình vuông có cạnh 3cm.

5. Hãy vẽ hình chữ nhật có chiều dài 6cm và chiều rộng 4cm.

3. PHÉP NHÂN

● Nhân với số có một chữ số

■ a) 1 234 × 2 = ?

Nhân theo thứ tự từ phải sang trái :

```
 1234
×   2
 ----
 2468
```

* 2 nhân 4 bằng 8, viết 8
* 2 nhân 3 bằng 6, viết 6
* 2 nhân 2 bằng 4, viết 4
* 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.

b) 3 125 × 3 = ?

Nhân theo thứ tự từ phải sang trái :

```
 3125
×   3
 ----
 9375
```

* 3 nhân 5 bằng 15, viết 5 *nhớ* 1
* 3 nhân 2 bằng 6, *thêm* 1 bằng 7, viết 7
* 3 nhân 1 bằng 3, viết 3
* 3 nhân 3 bằng 9, viết 9.

uongxua.vn

c) 21 453 × 4 = ?

Nhân theo thứ tự từ phải sang trái :

```
 21453
×    4
 -----
 85812
```

* 4 nhân 3 bằng 12, viết 2 *nhớ 1*
* 4 nhân 5 bằng 20, *thêm* 1 bằng 21, viết 1 *nhớ* 2
* 4 nhân 4 bằng 16, *thêm* 2 bằng 18, viết 8 *nhớ* 1
* 4 nhân 1 bằng 4, *thêm* 1 bằng 5, viết 5
* 4 nhân 2 bằng 8, viết 8.

▲ **1.** 2 143 × 2   1 752 × 2   2 310 × 3

4 032 × 2   4 051 × 3   2 046 × 4

2. 31 234 × 2　　　　21 013 × 4

12 475 × 3　　　　20 374 × 4

3. Viết thành phép nhân tương ứng rồi tính kết quả phép nhân :

2 364 + 2 364 + 2 364 = 2 364 × ... = ...

1 095 + 1 095 + 1 095 + 1 095 = ... = ...

1 008 + 1 008 + 1 008 + 1 008 + 1 008 + 1 008 = ... = ...

4. Tính giá trị số của biểu thức 32 054 × a :

a	2	3	1	0
32054 × a				

5. Một trại chăn nuôi có 2 375 con gà, 4 218 con vịt, 1 034 con ngỗng. Trung bình mỗi tháng một con gà ăn hết 3kg, mỗi con vịt ăn hết 4kg và mỗi con ngỗng ăn hết 5kg bột chăn nuôi.

thuongmaitr

Hỏi trung bình một tháng trại đã dùng hết bao nhiêu kilôgam bột chăn nuôi để nuôi số gà, vịt và ngỗng đó ?

● Luyện tập

▲ 1. 31 008 × 3 – 78 459　　　　8 906 × 4 + 17 608 × 5

2. (12 459 + 24 683) × 2 – 55 697

35 287 + (10 357 + 21 053) × 3.

3. Bác thợ may lấy ra một tấm vải để cắt may 2 áo, mỗi áo hết 215cm và 2 quần, mỗi quần hết 235cm, tấm vải còn lại 1m. Hỏi tấm vải đó dài mấy mét ?

4. Một kho chứa hàng hóa trong 3 ngày đầu mỗi ngày nhận 4 375kg hàng : trong 2 ngày tiếp sau mỗi ngày nhận 5 215kg

hàng. Sau đó kho đã chuyển 8 465kg hàng ra cửa hàng để bán. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu kilôgam hàng ?

5. Hãy chọn trong các số 4, 5, 6, 7, 8, 9 xem có những số nào mà khi thay vào chữ x thì được $x + 8 > 15$?

6. Tính giá trị số của biểu thức 12 345 679 × n với n = 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

● Tính chất giao hoán của phép nhân

■ a) Tính và so sánh giá trị của các biểu thức :

5 × 4 và 4 × 5

Ta có : 5 × 4 = 20

4 × 5 = 20

Do đó 5 × 4 = 4 × 5

b) Điền kết quả phép nhân vào ô trống :

uongxua.vn

a	b	a × b	b × a
8	3	24	24
6	5		
7	4		
9	7		

$$a \times b = b \times a$$

*Tính chất : **Khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích không thay đổi.***

▲ **1.** Điền số thích hợp vào ô trống :

8 × 6 = 6 × □ 9 × 7 = □ × 9 14 × 6 = 6 × □

2 × 5 = 5 × □ 12 × 2 = □ × 12 5 × 125 = 125 × □

2. Điền kết quả phép nhân vào ô trống :

m	n	m × n	n × m
5	6		
18	9		
104	8		
0	125		
1	96		
1030	5		

3. Tính :

3 × (125 + 215) 6 × (12 + 112 + 1 112)

5 × (105 + 230) 8 × (1 000 + 200 + 30 + 5)

4. Mỗi tuần học có 5 tiết học toán. Hỏi một năm học với 33 tuần học thì có tất cả bao nhiêu tiết học toán ?

5. Hãy tìm xem hai biểu thức nào có giá trị bằng nhau :

3 × 1 032 3 982 × 5

(2 + 3) × 3 982 4 × (1 230 + 2 340)

3 570 × 4 (1 000 + 32) × (1 + 2)

thuongmaitr

● Tính chất kết hợp của phép nhân

■ a) Hãy tính rồi so sánh giá trị các biểu thức :

(3 × 4) × 2 và 3 × (4 × 2)

Ta có : (3 × 4) × 2 = 12 × 2 = 24

3 × (4 × 2) = 3 × 8 = 24

Do đó : (3 × 4) × 2 = 3 × (4 × 2)

b) Tính giá trị số của biểu thức rồi điền vào ô trống :

a	b	c	(a × b) × c	a × (b × c)
2	3	4		
3	2	5		
4	5	6		

$$(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$$

Tính chất : ***Muốn nhân một tích hai số với số thứ ba ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba.***

▲ **1.** Tính giá trị mỗi biểu thức theo hai cách :

Mẫu : $3 \times 4 \times 5 = ?$

Cách 1. $3 \times 4 \times 5 = 12 \times 5 = 60$

Cách 2. $3 \times 4 \times 5 = 3 \times 20 = 60$

$3 \times 2 \times 5$ $\qquad$ $4 \times 5 \times 6$

$4 \times 5 \times 2$ $\qquad$ $2 \times 4 \times 5$

uongxua.vn

2. Viết mỗi số dưới dạng tích của một số với 10 hoặc 100 :

Mẫu : $70 = 7 \times 10$

20 = $\qquad$ 200 =

30 = $\qquad$ 300 =

50 = $\qquad$ 500 =

3. Viết mỗi số dưới dạng tích ba số đều có một chữ số khác 1 :

Mẫu : $30 = 2 \times 3 \times 5$

12 = $\qquad$ 24 =

18 = $\qquad$ 36 =

4. Làm theo mẫu :

Mẫu : $7 \times 20 = 7 \times 2 \times 10$

$9 \times 30 =$ $\qquad$ $134 \times 20 =$

5. Tính nhanh :

Mẫu : $7 \times 2 \times 5 = 7 \times 10 = 70$

$32 \times 2 \times 5$ $\qquad$ $2 \times 7 \times 9 \times 5$

$5 \times 18 \times 2$ $\qquad$ $25 \times 5 \times 4 \times 9$

6. Một quyển vở giá 750 đồng. Nếu mỗi em mua 3 quyển vở như thế thì 10 em mua hết tất cả bao nhiêu tiền ?

● **Tích các số có tận cùng bằng chữ số 0**

■ a) $150 \times 3 = ?$

$$\begin{array}{r} 150 \\ \times\ \ 3 \\ \hline 450 \end{array}$$

Trong trường hợp này, chỉ việc nhân 15 với 3 (được 45) rồi viết thêm một chữ số 0 vào bên phải tích đó (được 450).

b) $134 \times 20 = ?$

$134 \times 20 = 134 \times 2 \times 10 = 268 \times 10 = 2\,680.$

$$\begin{array}{r} 134 \\ \times\ \ 20 \\ \hline 2680 \end{array}$$

Trong trường hợp này, chỉ việc nhân 134 với 2 (được 268) rồi viết thêm một chữ số 0 vào bên phải tích đó (được 2 680).

c) $60 \times 30 = ?$

$$\begin{aligned} 60 \times 30 = 6 \times 10 \times 3 \times 10 &= 6 \times 3 \times 10 \times 10 \\ &= 18 \times 100 = 1800 \end{aligned}$$

$$\begin{array}{r} 60 \\ \times\ \ 30 \\ \hline 1800 \end{array}$$

Trong trường hợp này, chỉ việc nhân 6 với 3 (được 18) rồi viết thêm hai chữ số 0 vào bên phải tích đó (được 1800).

▲ **1.** a) 246×30 $\qquad$ $1\,352 \times 70$

b) 537×200 $\qquad$ $1\,734 \times 400$

2. a) 250 × 30 430 × 50

b) 2 500 × 30 4300 × 50

3. Tính giá trị số của biểu thức 1994 × n rồi điền vào ô trống :

n	10	100	30	300
1 994 × n				

4. Một xe ôtô chở 27 bao gạo, mỗi bao 50kg và chở 25 bao mì, mỗi bao 30kg. Hỏi xe đó chở tất cả bao nhiêu kilôgam gạo và mì ?

5. Với người khỏe mạnh bình thường, trái tim đập khoảng 75 lần trong một phút. Hãy tính xem trái tim đập bao nhiêu lần trong một giờ ?

6. Tìm những số tròn chục để khi thay vào x thì được :

$$x \times 3 < 70$$

● Một số nhân với một tổng. Một số nhân với một hiệu

■ a) Tính và so sánh giá trị hai biểu thức :

$4 \times (3 + 2)$ và $4 \times 3 + 4 \times 2$

Tính : $4 \times (3 + 2) = 4 \times 5 = 20$

$4 \times 3 + 4 \times 2 = 12 + 8 = 20$

So sánh : Giá trị của mỗi biểu thức đều bằng 20.

Do đó : $4 \times (3 + 2) = 4 \times 3 + 4 \times 2$

$$\boxed{a \times (b + c) = a \times b + a \times c}$$

Muốn nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng, rồi cộng hai kết quả với nhau.

b) Tính và so sánh giá trị hai biểu thức :

$4 \times (5 - 3)$ và $4 \times 5 - 4 \times 3$

Tính : $4 \times (5 - 3) = 4 \times 2 = 8$

$4 \times 5 - 4 \times 3 = 20 - 12 = 8$

So sánh : Giá trị của mỗi biểu thức đều bằng 8.

Do đó : $4 \times (5 - 3) = 4 \times 5 - 4 \times 3$

$$\boxed{a \times (b - c) = a \times b - a \times c}$$

Muốn nhân một số với một hiệu, ta có thể lần lượt nhân số đó với số bị trừ và số trừ, rồi trừ hai kết quả với nhau.

thuongmaitr

▲ **1.** Tính giá trị biểu thức theo hai cách :

a) $5 \times (4 + 3)$ b) $6 \times 3 + 6 \times 4$

$17 \times (2 + 8)$ $25 \times 2 + 25 \times 8$

2. Tính giá trị biểu thức theo hai cách :

a) $3 \times (8 - 4)$ b) $4 \times 6 - 4 \times 3$

$19 \times (7 - 2)$ $12 \times 7 - 12 \times 2$

3. Bạn Kiên mua 12 quyển vở, bạn Hiền mua 15 quyển vở. Hỏi cả hai bạn mua hết bao nhiêu tiền, biết rằng mỗi quyển vở giá 800 đồng ?

4. Một người dùng xe máy tháng trước mua 6*l* xăng, tháng này mua 9*l* xăng. Giá mỗi lít xăng là 2 700 đồng. Hỏi :

a) Cả hai tháng người đó mua xăng hết bao nhiêu tiền ?

b) Tháng sau mua nhiều hơn tháng trước bao nhiêu tiền ?

5. $\boxed{\begin{matrix} < \\ = \\ > \end{matrix}}$?

a) $4 \times (3+2)$ ☐ $4 \times 3 + 4 \times 2$

$5 \times (4-2)$ ☐ $5 \times 4 - 5 \times 2$

b) $5 \times (4+3)$ ☐ $5 \times 4 + 3$

$7 \times (5-3)$ ☐ $7 \times 5 - 3$

c) $6 \times 3 + 2 \times 6$ ☐ $(2+3) \times 6$

$8 \times 5 - 8 \times 2$ ☐ $8 \times (5+2)$

● Chu vi

■ a) Ví dụ 1

AB + BC + CA =

= 3 + 5 + 4 = 12 (cm)

Ta nói rằng : Hình tam giác ABC có chu vi là 12cm.

truongxua.vn

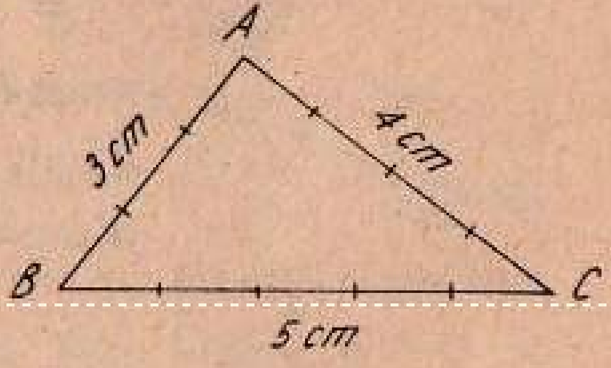

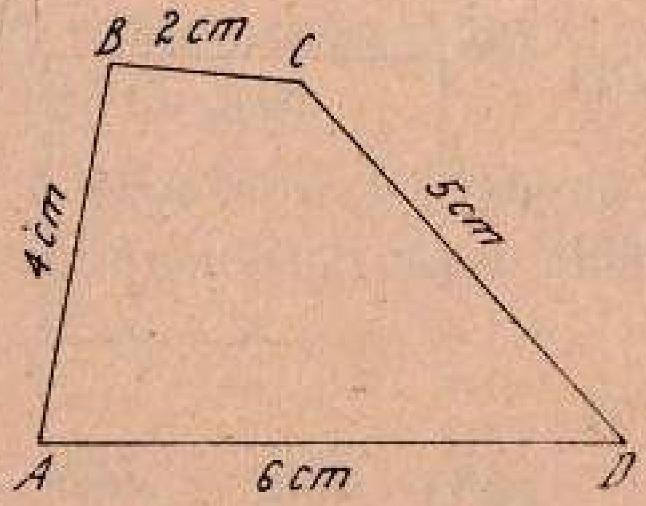

b) Ví dụ 2

AB + BC + CD + DA =

= 4 + 2 + 5 + 6 = 17 (cm)

Ta nói rằng : Hình tứ giác ABCD có chu vi là 17cm.

c) Người ta gọi ***tổng độ dài các cạnh của một hình*** (tam giác, tứ giác...) ***là chu vi của hình đó.***

▲ **1.** Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là :

a) 7cm, 11cm, 15cm ;

b) 32mm, 45mm, 53mm.

2. Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh là :

a) 3cm, 4cm, 5cm, 6cm ;

b) 25mm, 35mm, 45mm, 55mm.

3. a) Vẽ hình chữ nhật ABCD có AB = 3cm và BC = 4cm ;

b) Tính chu vi hình chữ nhật ABCD vừa vẽ.

4. Tính độ dài đường gấp khúc EGHIE có EG = 5cm, GH = 4cm, HI = 3cm, IE = 7cm.

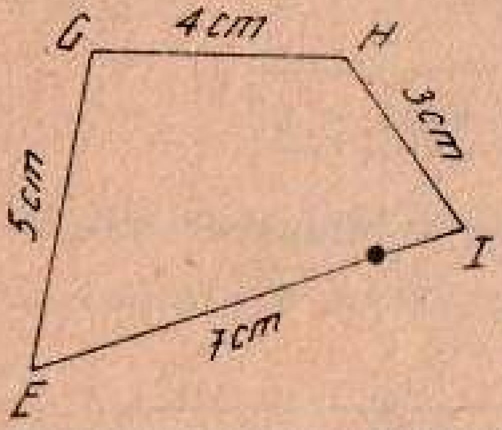

Độ dài đường gấp khúc này là chu vi của hình nào ?

5. Để làm một khung hình chữ nhật (bằng sợi dây đồng) có các cạnh 25cm và 15cm thì cần phải có sợi dây đồng dài mấy đêximet ?

thuongmaitr

● **Chu vi hình chữ nhật**

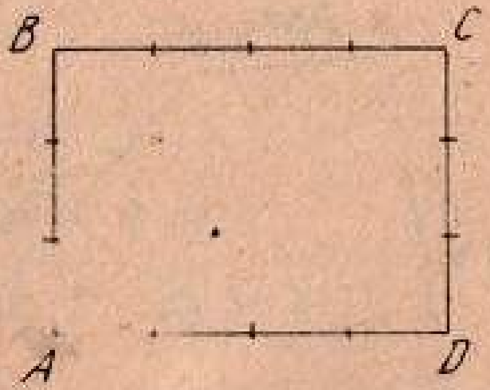

■ Tính chu vi hình chữ nhật ABCD có AB = 3cm và BC = 4cm.

Cách 1 : 3 + 4 + 3 + 4 = 14 (cm)

Cách 2 : (3 + 4) + (3 + 4) =

=(3 + 4) × 2 = 14 (cm)

Muốn tính chu vi hình chữ nhật, ta lấy số đo chiều rộng cộng với số đo chiều dài (với cùng đơn vị đo) rồi nhân tổng đó với 2.

$$P = (a + b) \times 2$$

(P : chu vi ; a : số đo chiều rộng ; b : số đo chiều dài)

▲ **1.** Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 75m và chiều rộng 42m. Tính chu vi thửa ruộng đó.

2. Muốn tính chu vi cái bảng đen ở lớp học, chỉ cần đo độ dài mấy cạnh của bảng ? Hãy ước lượng rồi đo cạnh và tính chu vi bảng đó.

3. Một hình chữ nhật ABCD có AB = 35dm và BC = 5m. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

4. Tính giá trị số của biểu thức m + n và (m + n) × 2 rồi điền vào ô trống :

m	n	m + n	(m + n) × 2
187	123		
245	37		
328	875		

truongxua.vn

5. Sân trường hình chữ nhật. Bạn Hằng đi dọc theo chiều dài hết 501 bước, đi dọc theo chiều rộng hết 30 bước. Tính chu vi sân trường (bằng mét), biết rằng mỗi bước đi của bạn Hằng dài 5dm.

6. Một hình chữ nhật có chiều rộng 48m, chiều dài gấp 3 chiều rộng. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

● **Chu vi hình vuông**

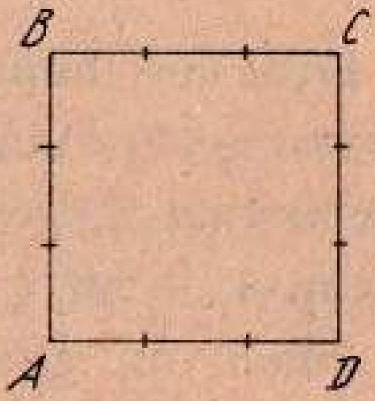

■ Tính chu vi hình vuông ABCD có cạnh 3cm.

Cách 1 : 3 + 3 + 3 + 3 = 12 (cm)

Cách 2 : 3 × 4 = 12 (cm)

Muốn tính chu vi hình vuông, ta lấy số đo một cạnh nhân với 4.

$$P = a \times 4$$

(P : chu vi; a : số đo cạnh hình vuông)

▲ **1.** Viên gạch bông hình vuông có cạnh 20cm. Tính chu vi của viên gạch đó.

2. Một gian phòng có nền là hình chữ nhật được lát gạch bông hình vuông. Tính chu vi nền phòng, biết rằng chiều dài lát 20 viên gạch bông và chiều rộng lát 15 viên gạch bông, mỗi viên gạch bông có cạnh 2dm.

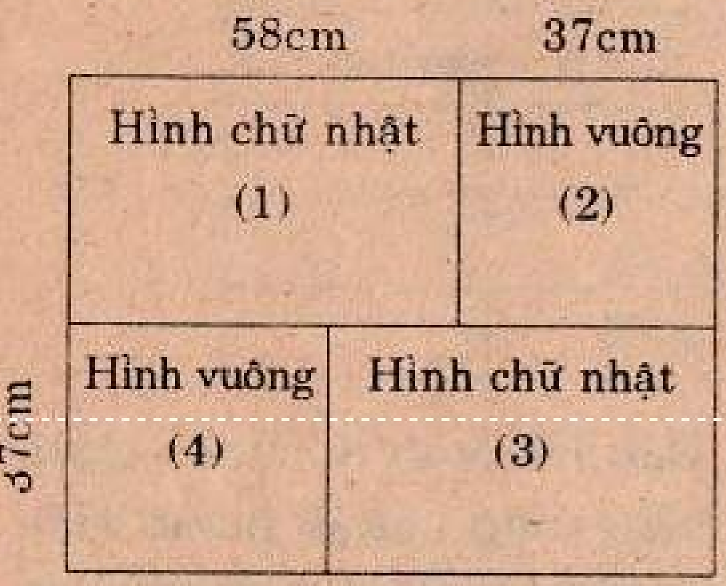

3. Dựa vào hình vẽ bên, tính chu vi mỗi hình (1), (2), (3), (4) và chu vi hình chữ nhật bao bên ngoài.

thuongmaitr

4. Điền số thích hợp vào ô trống :

Cạnh hình vuông	125m		2 075mm	
Chu vi hình vuông		500m		3 632mm

5. Dựa vào hình vẽ bên : Hình vuông (1) có chu vi 252m, hình chữ nhật (2) có chu vi nhỏ hơn chu vi hình (1) là 76m. Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật (2).

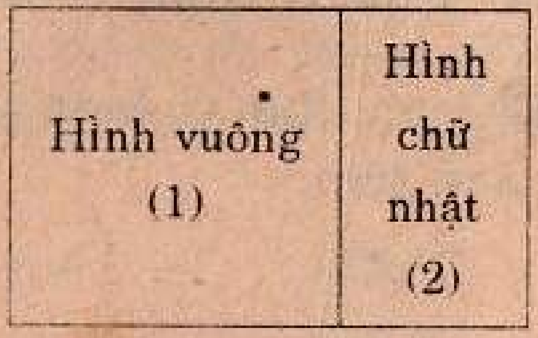

- **Nhân với số có hai chữ số**

■ 38×24

a) Áp dụng nhân một số với tổng, ta có :

$$\begin{aligned} 38 \times 24 &= 38 \times (20 + 4) \\ &= 38 \times 20 + 38 \times 4 \\ &= 760 + 152 \\ &= 912 \end{aligned}$$

Do đó $38 \times 24 = 912$

b) Thông thường, cách nhân được tiến hành như sau :

```
   38
 × 24
  152
  76
  912
```

* 4 nhân 8 bằng 32, viết 2 nhớ 3,
  4 nhân 3 bằng 12, thêm 3 bằng 15, viết 15.
* 2 nhân 8 bằng 16, viết 6 (dưới 5) nhớ 1.
  2 nhân 3 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7 (dưới 1).
* 2 cộng 0 bằng 2, viết 2 (hoặc 2 "hạ" 2),
  5 cộng 6 bằng 11, viết 1, nhớ 1,
  1 cộng 7 bằng 8, thêm 1 bằng 9, viết 9.

uongxua.vn

c) *Chú ý :* Trong cách nhân này :

– 912 được gọi là tích của 38 và 24 ;

152 được gọi là tích riêng thứ nhất ;

76 được gọi là tích riêng thứ hai.

– Vì 76 là tích riêng đối với số chục nên tích riêng thứ hai cần phải viết lùi sang trái một cột so với tích riêng thứ nhất (để 6 chục viết thẳng cột với 5 chục, 7 trăm viết thẳng cột với 1 trăm).

▲ **1.** Thực hiện phép nhân (đặt theo cột dọc rồi tính) :

86 × 53   37 × 11

28 × 35   55 × 61

24 × 16   33 × 44

2. Mỗi quyển vở có 24 tờ giấy. Hỏi 53 quyển vở cùng loại có tất cả bao nhiêu tờ giấy ?

3. Tính giá trị số của biểu thức 35 × a rồi điền vào ô trống :

a	13	26	39	52
35 × a				

4. Một cửa hàng bán 13 kg đường loại đặc biệt giá 6 200 đồng một kilôgam và bán 18 kg đường loại một giá 5 500 đồng một kilôgam. Hỏi cửa hàng đã bán được tất cả bao nhiêu tiền ?

5. Trường em gửi tặng các bạn ở vùng bão lụt 15 tá bút chì màu và 42 tá bút chì đen. Hỏi trường em đã gửi tặng tất cả bao nhiêu chiếc bút chì ?

thuongmaitr

● Luyện tập

▲ **1.** 72 × 26   428 × 36

45 × 36   507 × 24

2. Một chiếc máy cứ mỗi phút kéo được 125m dây thép. Máy chạy 54 phút thì kéo được bao nhiêu mét dây thép ?

3. Tính giá trị số của biểu thức m × 53 với mỗi giá trị của m là :

48, 53, 127, 234.

4. Một người đi xe đạp tính ra trong 5 phút đi được 975m. Cứ đạp đều chân như vậy thì sau 45 phút sẽ đi được bao nhiêu mét ?

5. Một trường học có 12 lớp học, mỗi lớp có 45 học sinh và 6 lớp học khác, mỗi lớp có 50 học sinh. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh ?

6. Tính giá trị số của biểu thức rồi điền kết quả vào ô trống :

a	3	30	23	230	2300
78 × a					

● Nhân nhẩm với 11. Nhân nhẩm với 9

■ *a) Nhân nhẩm với 11*

$$16 \times 11 = 16 \times (10 + 1)$$
$$= 16 \times 10 + 16 \times 1$$
$$= 160 + 16$$
$$= 176$$

uongxua.vn

Cách nhẩm : 16 nhân 10 bằng 160 ;
160 cộng 16 bằng 176.

Muốn nhân một số với 11, ta nhân số đó với 10 rồi cộng với chính số đó.

b) Nhân nhẩm với 9

$$12 \times 9 = 12 \times (10 - 1)$$
$$= 12 \times 10 - 12 \times 1$$
$$= 120 - 12$$
$$= 108$$

Cách nhẩm : 12 nhân 10 bằng 120 ;
120 trừ 12 bằng 108.

Muốn nhân một số với 9, ta nhân số đó với 10 rồi trừ đi chính số đó.

▲ **1.** Nhân nhẩm :

12 × 11	37 × 11	11 × 43
21 × 11	48 × 11	11 × 64
34 × 11	79 × 11	11 × 89

2. Nhân nhẩm :

13 × 9	23 × 9	47 × 9
15 × 9	32 × 9	74 × 9
18 × 9	54 × 9	86 × 9

3. Tìm x :

$x : 11 = 55$ $\qquad$ $x : 9 = 16$

$x : 11 = 48$ $\qquad$ $x : 9 = 63$

4. Phòng họp A có 12 dãy ghế, mỗi dãy ghế có 11 người ngồi. Phòng họp B có 14 dãy ghế, mỗi dãy ghế có 9 người ngồi. Hỏi số người ở phòng nào nhiều hơn ?

thuongmait

5. Tính nhanh :

$3 \times 86 + 86 \times 8$

$2 \times 47 + 47 \times 4 + 5 \times 47$

$1 \times 54 + 2 \times 54 + 3 \times 54 + 5 \times 54$

● Nhân nhẩm số có hai chữ số với 11

■ a) 16 × 11 = ?

– Cách nhân thông thường :

```
   16
  ×11
  ---
   16
  16
  ---
  176
```

– Cách nhẩm : Cộng nhẩm 1 + 6 = 7. Đặt 7 vào giữa hai chữ số của 16 được 176.

b) $28 \times 11 = ?$

– Cách nhân thông thường :

$$\begin{array}{r} 28 \\ \times\ 11 \\ \hline 28 \\ 28\ \ \\ \hline 308 \end{array}$$

– Cách nhẩm :

Cộng nhẩm $2 + 8 = 10$.

Đặt 0 vào giữa hai chữ số của 28 được 208 ; sau đó cộng nhẩm $2 + 1 = 3$ và thay 3 vào vị trí của 2 để được 308.

c) $39 \times 11 = ?$

– Cách nhân thông thường :

$$\begin{array}{r} 39 \\ \times\ 11 \\ \hline 39 \\ 39\ \ \\ \hline 429 \end{array}$$

– Cách nhẩm :

Cộng nhẩm $3 + 9 = 12$.

Đặt 2 vào giữa hai chữ số của 39 được 329 ; sau đó cộng nhẩm $3 + 1 = 4$ và thay 4 vào vị trí của 3 để được 429.

uongxua.vn

▲ **1.** Nhân nhẩm :

34×11	46×11	86×11
18×11	37×11	79×11
81×11	73×11	97×11

2. Tìm x :

$x : 11 = 25$ $\quad$ $x : 11 = 46$ $\quad$ $x : 11 = 78$

3. Cửa hàng thực phẩm đã có 340 kg cá. Người ta vừa đưa đến cửa hàng này 11 sọt cá, mỗi sọt có 25 kg cá. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu kilôgam cá ?

4. Khối lớp Bốn xếp thành 17 hàng, mỗi hàng có 11 học sinh. Khối lớp Năm xếp thành 15 hàng, mỗi hàng cũng có 11 học sinh. Hỏi cả hai khối lớp có tất cả bao nhiêu học sinh xếp hàng ?

5. Nhân nhẩm rồi kiểm tra kết quả đó bằng cách thực hiện phép nhân :

132×11 $\quad$ 173×11

207×11 $\quad$ 385×11

● Nhân với số có ba chữ số

■ $154 \times 132 = ?$

a) Áp dụng nhân một số với một tổng, ta được :

$$\begin{aligned} 154 \times 132 &= 154 \times (100 + 30 + 2) \\ &= 154 \times 100 + 154 \times 30 + 154 \times 2 \\ &= 15\ 400 + 4\ 620 + 308 \\ &= 20\ 328 \end{aligned}$$

b) Thông thường, cách nhân được tiến hành như sau :

$$\begin{array}{r} 154 \\ \times\ 132 \\ \hline 308 \\ 462 \\ 154 \\ \hline 20328 \end{array}$$

* *Tìm tích riêng thứ nhất :*

2 nhân 4 bằng 8, viết 8,

2 nhân 5 bằng 10, viết 0 nhớ 1,

2 nhân 1 bằng 2, thêm 1 bằng 3, viết 3.

* *Tìm tích riêng thứ hai :*

3 nhân 4 bằng 12, viết 2 (dưới 0) nhớ 1,

3 nhân 5 bằng 15, thêm 1 bằng 16, viết 6 (dưới 3) nhớ 1,

3 nhân 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.

thuongmaitr

** Tìm tích riêng thứ ba :*

1 nhân 4 bằng 4, viết 4 (dưới 6),

1 nhân 5 bằng 5, viết 5 (dưới 4 của tích riêng thứ hai),

1 nhân 1 bằng 1, viết 1.

** Cộng ba tích riêng :*

8, "hạ" 8,

0 cộng 2 bằng 2, viết 2,

3 cộng 6 bằng 9 ; 9 cộng 4 bằng 13, viết 3 nhớ 1,

4 cộng 5 bằng 9, thêm 1 bằng 10, viết 0 nhớ 1,

1 cộng 1 bằng 2, viết 2.

c) *Chú ý :*

Tích riêng thứ hai (462 chục) viết lùi sang trái một hàng so với tích riêng thứ nhất để hàng chục thẳng cột với nhau.

uongxua.vn

Tích riêng thứ ba (154 trăm) viết lùi sang trái một hàng so với tích riêng thứ hai để hàng trăm thẳng cột với nhau.

▲ **1.** 248 × 321 324 × 526 1 163 × 125

265 × 513 867 × 565 2 174 × 623

2. a) (127 + 205) × 213 b) 3 756 × 95 + 342

(873 – 586) × 321 1 058 + 234 × 127

3. Trái tim người khỏe mạnh bình thường mỗi phút đập khoảng 75 lần. Hãy tính số lần đập của trái tim trong 1 giờ ? 1 ngày đêm ? 1 năm thường ?

4. Nhà trường dự định lắp bóng điện cho 32 phòng học, mỗi phòng 4 bóng. Nếu mỗi bóng điện giá 3500 đồng thì nhà

trường phải mua hết bao nhiêu tiền để lắp đủ số bóng điện cho các phòng học ?

5. Một người đi xe đạp trong 125 phút đầu, mỗi phút đi được 198m và trong 112 phút sau, mỗi phút đi được 168m. Hỏi người đó đã đi được quãng đường dài bao nhiêu mét ?

● Nhân với số có ba chữ số *(tiếp theo)*

■ 138 × 203

a) Theo cách nhân đã học :

```
   138
 × 203
 -----
   414
  000
 276
 -----
 28014
```

* 3 nhân 8 bằng 24, viết 4 nhớ 2,
  3 nhân 3 bằng 9, thêm 2 bằng 11, viết 1 nhớ 1,
  3 nhân 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.
* 0 nhân 8 bằng 0, viết 0 (dưới 1 chục),
  0 nhân 3 bằng 0, viết 0,
  0 nhân 1 bằng 0, viết 0.
* 2 nhân 8 bằng 16, viết 6 (dưới 0 trăm) nhớ 1,
  2 nhân 3 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7 (dưới 0 nghìn),
  2 nhân 1 bằng 2, viết 2.
* 4, "hạ 4",
  1 cộng 0 bằng 1, viết 1,
  4 cộng 6 bằng 10, viết 0 nhớ 1,
  7 thêm 1 bằng 8, viết 8,
  2, "hạ" 2.

thuongmaitr

b) Với phép nhân này có thể viết gọn như sau :

138
× 203
414
2760
28014

∗ Tích riêng thứ hai chỉ viết một chữ số 0 ở vị trí hàng chục (lùi về trái một cột so với tích riêng thứ nhất).

∗ Tích riêng thứ ba viết cùng dòng với tích riêng thứ hai để 6 trăm thẳng cột với 4 trăm (lùi về trái hai cột so với tích riêng thứ nhất).

▲ **1.** 523 × 305   372 × 604   2 346 × 804

481 × 206   308 × 563   1 309 × 202

2. 352 × 407 + 63 780   37 465 + 728 × 101

364 × 503 + 136 098   (1 949 − 1 935) × 104

3. Trung bình mỗi con gà mái đẻ cần phải có 104g thóc ăn trong một ngày. Trong kho của trại chăn nuôi có 20 kg thức ăn. Với số lương thức ăn đó có đủ cho 375 con gà mái đẻ ăn trong một ngày không ?

uongxua.vn

4. Theo kế hoạch sản xuất trong một tuần làm việc (6 ngày), nhà máy phải sản xuất được 840 xe đạp. Công nhân nhà máy đã làm mỗi ngày nhiều hơn kế hoạch là 55 xe đạp. Hỏi cả năm (304 ngày làm việc) nhà máy đó đã sản xuất được bao nhiêu xe đạp ?

5. Đúng hay sai ? Sai ở đâu ?

7056	7056	365	456	352
× 8	× 8	× 47	× 308	× 427
6048	56048	2555	3648	2464
		146	1368	704
		4015	17328	1408
				4576

Luyện tập

▲ 1. 732 × 345   548 × 508   496 × 240

115 × 207   308 × 305   486 × 204

2.

Thừa số	35	115	78	198	304	999
Thừa số	48	34	125	302	475	111
Tích						

3. Viết biểu thức rồi tính giá trị biểu thức đó :

Số 435 được gấp lên 115 lần rồi cộng với 983.

Số 435 được tăng thêm 115 đơn vị rồi nhân với 983.

4. Máy bay TU 144 của Nga bay một giờ được 2460 km. Hỏi máy bay đó bay được bao nhiêu kilômet trong 108 phút ?

thuongmaitr

5. Tìm x, biết :

$x : 104 = 635 \times 2$ $x : 305 = 642 + 318$

Luyện tập chung

▲ 1. Thực hiện phép nhân :

a) 237 × 15   b) 345 × 321   c) 738 × 203

505 × 24   333 × 436   405 × 346

2. Tính giá trị của biểu thức theo hai cách :

a) 142 × (12 + 18)   b) 365 × (49 – 35)

(25 + 32) × 315   (95 – 66) × 365

3. Điền kết quả phép tính vào ô trống :

Thừa số	37	55	243	407
Thừa số	22	247	342	218
Tích				

4. Tính nhanh :

5 × 2 × 36 18 × 4 × 25 25 × 75 × 4

5. Một dãy nhà có 48 cửa sổ lắp các ô kính. Biết rằng $\frac{1}{3}$ số cửa sổ đó mỗi cửa sổ lắp 16 ô kính ; số còn lại mỗi cửa sổ lắp 18 ô kính. Tính xem dãy nhà này có tất cả bao nhiêu ô kính ?

6. Điền chữ số thích hợp vào dấu * của phép tính :

```
   318
×   **
 -----
  ***0
  **4
 -----
 *****
```

uongxua.vn

4. PHÉP CHIA

● Chia cho số có một chữ số. Phép chia hết

■ a) 7542 : 6 = ?

```
7542 | 6
15   |1257
 34
  42
   0
```

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

* 7 chia cho 6 được 1, viết 1 ; 1 nhân 6 bằng 6 ; 7 trừ 6 bằng 1.

* Hạ 5 ; 15 chia cho 6 được 2, viết 2 ; 2 nhân 6 bằng 12 ; 15 trừ 12 bằng 3.

* Hạ 4 ; 34 chia cho 6 được 5 ; viết 5 ; 5 nhân 6 bằng 30 ; 34 trừ 30 bằng 4.
* Hạ 2 ; 42 chia cho 6 được 7, viết 7 ; 7 nhân 6 bằng 42 ; 42 trừ 42 bằng 0.

Thử lại : 1 257 × 6 = 7 542.

Nhận xét :

– Phép chia 7 542 : 6 có số dư bằng 0. Đây là phép chia hết. Trong phép chia hết, lấy thương nhân với số chia được số bị chia.

– Muốn thử lại phép chia hết ta lấy thương nhân với số chia, nếu tích bằng số bị chia thì phép chia đúng.

b) 2 592 : 8 = ?

```
2592 | 8
 19  |324
  32
   0
```

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :
* 25 chia cho 8 được 3, viết 3 ; 3 nhân 8 bằng 24 ; 25 trừ 24 bằng 1.
* Hạ 9 ; 19 chia cho 8 được 2, viết 2 ; 2 nhân 8 bằng 16 ; 19 trừ 16 bằng 3.
* Hạ 2 ; 32 chia cho 8 được 4, viết 4 ; 4 nhân 8 bằng 32 ; 32 trừ 32 bằng 0.

Thử lại : 324 × 8 = 2592.

▲ **1.** a) 5 864 : 4   9 758 : 2   89 872 : 8

7 458 : 3   8 592 : 6   79 534 : 7

b) 1 482 : 2   2 562 : 6   42 785 : 5

1 572 : 3   2 499 : 7   18 544 : 4

2. Tìm x : $x \times 3 = 7\,281$ $4 \times x = 6\,492$

3. Một cửa hàng có 6 474 bóng đèn. Cửa hàng đó đã bán được $\frac{1}{3}$ số bóng đèn. Hỏi còn lại bao nhiêu bóng đèn ?

thuongmaitr

4. 2436 học sinh tham gia đồng diễn thể dục. $\frac{1}{2}$ số học sinh đó mặc quần áo đỏ , $\frac{1}{3}$ số học sinh đó mặc quần áo vàng, số còn lại mặc quần áo xanh. Hỏi có bao nhiêu học sinh mặc quần áo xanh ?

5. Trên hình vẽ bên :

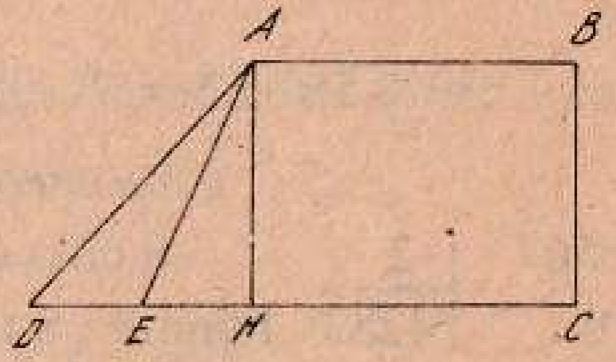

a) Đoạn thẳng AD là cạnh của những hình tam giác, hình tứ giác nào ?

b) Điểm E là đỉnh chung của những hình tam giác, hình tứ giác nào ?

● Luyện tập

uongxua.vn

▲ 1. Thực hiện các phép chia rồi thử lại :

35 361 : 9	67 494 : 7
14 752 : 2	42 785 : 5

2.

(1 278 + 3 417) : 3	2 358 × 4 : 6
1 278 + 3 417 : 3	2 358 × 6 : 4

3. Một vườn ươm có 154 hàng cây, mỗi hàng có 9 cây. Người ta đã bán $\frac{1}{3}$ số cây đó. Hỏi còn lại bao nhiêu cây ?

4. Một người đi bộ đi được 8 524m trong 2 giờ. Hỏi nếu người đó đi bộ trong 2 giờ 30 phút thì đi được đoạn đường dài bao nhiêu mét ?

5. Chọn số thích hợp trong các số tròn chục để khi thay vào chữ y thì có y : 2 < 20.

6. Thay các chữ a, b bằng những chữ số thích hợp. (Các chữ khác nhau được thay bằng các chữ số khác nhau).

$$\begin{array}{r} ab \\ \times\ 6 \\ \hline 2ab \end{array}$$

● Phép chia có dư

■ 8 567 : 2 = ?

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

$$\begin{array}{l|l} 8567 & 2 \\ \cline{2-2} 05 & 4283 \\ \ \ 16 & \\ \ \ \ \ 07 & \\ \ \ \ \ \ \ 1 & \end{array}$$

* 8 chia cho 2 được 4, viết 4 ; 4 nhân 2 bằng 8 ; 8 trừ 8 bằng 0.

* Hạ 5 ; 5 chia cho 2 được 2, viết 2 ; 2 nhân 2 bằng 4 ; 5 trừ 4 bằng 1.

* Hạ 6 ; 16 chia cho 2 được 8 ; viết 8 ; 8 nhân 2 bằng 16 ; 16 trừ 16 bằng 0.

* Hạ 7 ; 7 chia cho 2 được 3 ; viết 3 ; 3 nhân 2 bằng 6 ; 7 trừ 6 bằng 1.

Thử lại : 4 283 × 2 + 1 = 8 567

Nhận xét : – 8 567 chia cho 2 được thương là 4 283, còn dư 1; 1 gọi là số dư. Số dư bé hơn số chia (1 < 2).

– Muốn thử phép chia có dư ta lấy thương nhân với số chia rồi lấy tích tìm được cộng với số dư, nếu kết quả bằng số bị chia thì phép chia đúng.

▲ **1.**	9 431 : 3	68 753 : 6	428 197 : 5
	5 547 : 4	95 365 : 7	260 318 : 8
2.	38 425 : 2	53 445 : 3	15 309 : 6
	44 372 : 3	78 965 : 5	27 958 : 7

thuongmaitr

3. Một sợi dây thép dài 1 125mm được cắt thành hai đoạn. Đoạn thứ nhất bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài dây thép. Tính xem mỗi đoạn dài bao nhiêu milimet ?

4. Có 7 xe ôtô, mỗi xe chở 354 yến gạo. Số gạo này được đóng vào các bao, mỗi bao có thể chứa 5 yến. Hỏi có tất cả bao nhiêu bao gạo ?

5. Tìm số chia và số bị chia bé nhất để phép chia có thương là 325 và số dư là 8.

● Luyện tập

▲ **1.** a) 4 035 : 3 | b) 70 805 : 4

5 060 : 4 | 23 057 : 8

2 187 : 9 | 16 592 : 6

uongxua.vn

2. 6 176 – 14 462 : 7 + 890 ; | 540 720 : 9 : 4 : 2

3. Một chiếc cầu dài 234m. Chiếc cầu này có 5 nhịp, trong đó có 4 nhịp dài như nhau, còn một nhịp dài hơn mỗi nhịp kia 14m. Hỏi mỗi nhịp cầu dài bao nhiêu mét ?

4. Một người du lịch đi được quãng đường dài 363km. Trong 6 giờ đầu người đó đi tàu thủy, mỗi giờ đi được 23km. Quãng đường còn lại người đó đi bằng ôtô hết 5 giờ. Hỏi trung bình mỗi giờ ôtô đi được bao nhiêu kilômét ?

5. Để chở hết 75 tấn hàng cần phải có ít nhất bao nhiêu xe ôtô, biết rằng mỗi xe ôtô có thể chở 4 tấn hàng đó ?

6. Tìm y, biết y là số tròn trăm và 840 < y : 5 < 900.

● **Thương có chữ số 0**

■ a) 7 320 : 4 = ?

```
7320 | 4
33   |-----
 12  | 1830
  00
```

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

∗ 7 chia cho 4 được 1, viết 1 ; 1 nhân 4 bằng 4 ; 7 trừ 4 bằng 3.

∗ Hạ 3 ; 33 chia cho 4 được 8, viết 8 ; 8 nhân 4 bằng 32 ; 33 trừ 32 bằng 1.

∗ Hạ 2 ; 12 chia cho 4 được 3, viết 3 ; 3 nhân 4 bằng 12 ; 12 trừ 12 bằng 0.

∗ Hạ 0 ; 0 chia cho 4 được 0, viết 0.

Thử lại : 1 830 × 4 = 7 320.

Chú ý : Ở lượt chia cuối cùng, nếu số bị chia bằng 0 thì chỉ việc viết thêm 0 vào thương.

b) 43 505 : 6 = ?

thuongmaitr

```
43505 | 6
 15   |-----
  30  | 7250
   05
```

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

∗ 43 chia cho 6 được 7, viết 7 ; 7 nhân 6 bằng 42 ; 43 trừ 42 bằng 1.

∗ Hạ 5 ; 15 chia cho 6 được 2, viết 2 ; 2 nhân 6 bằng 12 ; 15 trừ 12 bằng 3.

∗ Hạ 0 ; 30 chia cho 6 được 5, viết 5 ; 5 nhân 6 bằng 30 ; 30 trừ 30 bằng 0.

∗ Hạ 5 ; 5 chia cho 6 được 0, viết 0 ; còn dư 5.

Thử lại : 7 250 × 6 + 5 = 43 505.

Chú ý : Ở lượt chia cuối cùng, nếu số bị chia bé hơn số chia thì chỉ việc viết thêm 0 vào thương.

c) 2 115 : 3 = ?

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

```
2115 | 3
015  |----
  0  | 705
```

* 21 chia cho 3 được 7, viết 7 ; 7 nhân 3 bằng 21 ; 21 trừ 21 bằng 0.

* Hạ 1 ; 1 chia cho 3 được 0, viết 0.

* Hạ 5 ; 15 chia cho 3 được 5, viết 5 ; 5 nhân 3 bằng 15 ; 15 trừ 15 bằng 0.

Thử lại : 705 × 3 = 2115.

▲ **1.**

22 750 : 7	25 712 : 3
14 200 : 5	66 875 : 9
10 000 : 8	38 253 : 5

2.

2 109 : 3	36 424 : 6
1 620 : 4	12 121 : 2
20 120 : 5	21 092 : 3

uongxua.vn

3. Ở một xí nghiệp dệt kim cứ 8 giờ sản xuất được 3840 áo may ô. Hỏi trong 5 giờ xí nghiệp đó sản xuất được bao nhiêu áo may ô ? (sức làm của mỗi giờ ngang nhau)

4. Một sân trường hình chữ nhật có chiều dài 201m, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài.

a) Tính chu vi của sân trường.

b) Nếu đi dọc theo chu vi của sân trường và trung bình mỗi bước đi dài 5dm thì phải bước bao nhiêu bước ?

5. Một bạn thực hiện các phép chia sau :

```
2442 | 6          42960 | 8
 042 |----           29 |----
   0 | 47            56 | 537
                      0
```

a) Không cần làm tính, em hãy xem các kết quả đúng hay sai ?

b) Thực hiện các phép tính đó và chỉ rõ sai ở đâu ?

● Luyện tập

▲ **1.** 14 126 : 2　　30 512 : 3　　1 984 × 5 : 2

12 121 : 2　　16 203 : 3　　1 993 × 5 : 2

2. (82 195 – 38 979) : 4 ;　　(25 783 + 39 227) : 5

3. Ngày thứ nhất người ta chuyển 27 050kg gạo đến kho, ngày thứ hai chuyển được gấp đôi ngày hôm trước. Trong số gạo chuyển đến kho có $\frac{1}{5}$ là gạo nếp. Hỏi người ta chuyển đến kho bao nhiêu kilôgam gạo nếp ?

4. Một cửa hàng có 1 215 quyển vở. Ngày thứ nhất bán được $\frac{1}{3}$ số vở đó, ngày thứ hai bán được $\frac{1}{5}$ số vở đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu quyển vở ?

thuongmaitr

5. Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng 105cm, chiều dài gấp 3 chiều rộng. Tính chu vi của hình chữ nhật đó ?

6. Dựa vào mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia để viết ngay kết quả tính :

a) 4 265 × 3 = 12 795　　b) 36 479 × 5 = ...

12 795 : 3 = ...　　182 395 : 5 = 36 479

● Một số chia cho một tích

■ Tính và so sánh giá trị các biểu thức :

24 : (3 × 2) ;　　24 : 3 : 2 ;　　24 : 2 : 3

a) 24 : (3 × 2) = 24 : 6 = 4

b) 24 : 3 : 2 = 8 : 2 = 4

c) 24 : 2 : 3 = 12 : 3 = 4

24 : (3 × 2) = 24 : 3 : 2 = 24 : 2 : 3

Khi chia một số cho một tích ta có thể chia số đó cho một thừa số rồi lấy kết quả tìm được chia tiếp cho thừa số còn lại của tích.

▲ **1.** Tính giá trị biểu thức theo các cách khác nhau :

a) 12 : (3 × 2) ; 24 : (2 × 4)

b) 36 : (2 × 3) ; 48 : (4 × 2)

2. Tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất :

a) 50 : (2 × 5) ; 48 : (2 × 6)

ruongxua.vn

b) 180 : (4 × 9) ; 720 : (9 × 8)

3. Có 10 bạn cùng mua một loại vở bài tập toán hết tất cả 50 000 đồng. Tính giá tiền mỗi quyển vở, biết rằng mỗi bạn mua 2 quyển ?

4. Một cửa hàng có 2 tấm vải dài như nhau. Cả hai tấm vải có 84m vải. Cửa hàng đã bán được $\frac{1}{3}$ số vải của một tấm vải. Hỏi còn lại bao nhiêu mét vải ?

5. Chuyển mỗi phép chia sau đây thành chia cho một tích để thực hiện được các phép chia :

Mẫu : 48 : 12 = 48 : (6 × 2)
= 48 : 6 : 2
= 8 : 2 = 4

64 : 16   60 : 15

80 : 40   60 : 12

90 : 30   60 : 20

6. Ghi tên tất cả các hình tam giác có trên hình vẽ bên.

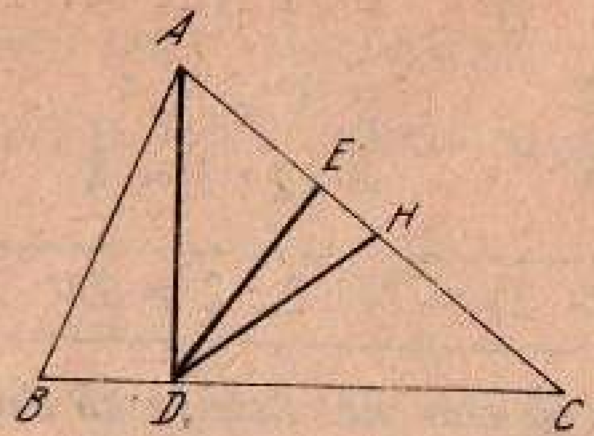

- **Thương của các số tận cùng bằng chữ số 0**

■ a) 320 : 40 = ?

320 : 40 = 320 : (10 × 4)
= 320 : 10 : 4
= 32 : 4
= 8

320 : 40 = 8

Đặt tính: 320 | 40 (gạch bỏ chữ số 0 của 320 và 40); dư 0; thương 8

b) 72 000 : 800 = ?

72 000 : 800 = 72 000 : (100 × 8)
= 72 000 : 100 : 8
= 720 : 8
= 90

72 000 : 800 = 90

Đặt tính: 72000 | 800 (gạch bỏ hai chữ số 0 của 72000 và 800); dư 00; thương 90

Nhận xét : *Xóa đi bao nhiêu chữ số 0 ở tận cùng bên phải của số chia thì phải xóa đi bấy nhiêu chữ số 0 ở tận cùng bên phải của số bị chia rồi thực hiện phép chia như thường.*

▲ **1.** a) 420 : 60   4 500 : 500

b) 85 000 : 500   92 000 : 400

2. Người ta dự định xếp 180 tấn hàng lên các toa xe lửa.

a) Nếu mỗi toa xe chở 20 tấn hàng thì cần mấy toa xe loại đó ?

b) Nếu mỗi toa xe chở 30 tấn hàng thì cần mấy toa xe loại đó ?

3. Một đoàn xe chuyển hàng ra bến cảng. 5 chuyến đầu chuyển được 25 tấn ; 10 chuyến sau chuyển được 38 tấn ; 5 chuyến cuối cùng chuyển được 17 tấn. Hỏi trung bình mỗi chuyến xe chuyển được bao nhiêu tấn hàng ?

4. Tìm x : $x \times 40 = 25\,600$; $x \times 90 = 24\,300 + 13\,500$

5. Bạn Khôi thực hiện phép chia 490 : 30 như sau :

49∅	3∅
19	16
1	

Bạn Khôi nói : phép chia này có số dư bằng 1 đơn vị.

uongxua.vn

Bạn Khôi làm tính đúng nhưng nói sai số dư của phép chia. Em hãy tìm số dư của phép chia này.

● Chia cho số có hai chữ số

■ a) 672 : 21 = ?

672	21
63	32
42	
42	
0	

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

* 67 chia cho 21 được 3, viết 3 ; 3 nhân 1 bằng 3, 3 nhân 2 bằng 6 ; 67 trừ 63 bằng 4.

* Hạ 2, 42 chia cho 21 được 2, viết 2 ; 2 nhân 1 bằng 2, 2 nhân 2 bằng 4 ; 42 trừ 42 bằng 0.

Thử lại : $32 \times 21 = 672$

b) 789 : 18 = ?

```
789 | 18
72  |----
--- | 43
 69
 54
---
 15
```

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

∗ 78 chia cho 18 được 4, viết 4 ; 4 nhân 8 bằng 32, viết 2 nhớ 3 ; 4 nhân 1 bằng 4, thêm 3 bằng 7 ; 78 trừ 72 bằng 6.

∗ Hạ 9 ; 69 chia cho 18 được 3, viết 3 ; 3 nhân 8 bằng 24, viết 4 nhớ 2 ; 3 nhân 1 bằng 3, thêm 2 bằng 5 ; 69 trừ 54 bằng 15.

Thử lại : $43 \times 18 + 15 = 789$

▲ **1.** a) 952 : 28   714 : 34   420 : 35

288 : 24   846 : 18   966 : 42

b) 365 : 15   852 : 20   893 : 17

481 : 14   539 : 51   822 : 40

2. Chia đều 480 bộ bàn ghế cá nhân cho 15 lớp học. Hỏi mỗi lớp được chia bao nhiêu bộ bàn ghế ?

thuongmaitr

3. Có 19 200 đồng thì mua được 24 cái bút bi. Hỏi mua 35 cái bút bi như thế hết bao nhiêu tiền ?

4. Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 96m. Chiều dài hơn chiều rộng 48m. Tính xem chiều dài gấp mấy lần chiều rộng ?

● Chia cho số có hai chữ số *(tiếp theo)*

■ a)   1 792 : 64 = ?

```
1792 | 64
128  |----
---- | 28
 512
 512
----
   0
```

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

∗ 179 chia cho 64 được 2, viết 2 ; 2 nhân 4 bằng 8, 2 nhân 6 bằng 12 ; 179 trừ 128 bằng 51.

∗ Hạ 2 ; 512 chia cho 64 được 8, viết 8 ; 8 nhân 4 bằng 32 ; viết 2 nhớ 3 ; 8 nhân 6

bằng 48, thêm 3 bằng 51 ; 512 trừ 512 bằng 0.

Thử lại : $28 \times 64 = 1\,792$

b) $1\,154 : 62 = ?$

1154	62
62	18
534	
496	
38	

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

∗ 115 chia cho 62 được 1, viết 1 ; 1 nhân 2 bằng 2, 1 nhân 6 bằng 6 ; 115 trừ 62 bằng 53.

∗ Hạ 4 ; 534 chia cho 62 được 8, viết 8 ; 8 nhân 2 bằng 16, viết 6 nhớ 1 ; 8 nhân 6 bằng 48, thêm 1 bằng 49 ; 534 trừ 496 bằng 38.

Thử lại : $18 \times 62 + 38 = 1154.$

truongxua.vn

▲ **1.** a) 375 : 75   4 674 : 82   4 725 : 15

112 : 28   7 055 : 83   6 045 : 15

b) 385 : 65   5 672 : 42   4 935 : 44

266 : 47   7 521 : 54   4 984 : 40

2. Tìm x :

$x \times 42 = 1428$ $16 \times x = 9792$

3. Người ta dùng xe tải kèm một rơ-moóc để chở 108 tấn than. Rơ-moóc chứa được 15 tạ than, còn thùng xe tải chứa gấp hai lần của rơ-moóc. Hỏi cần phải có bao nhiêu chuyến xe như vậy để chuyển hết số than ?

4. Phân xưởng bút chì đóng gói 3 500 bút chì theo từng tá. Hỏi số bút chì đó đóng được bao nhiêu tá ? Còn thừa lại mấy cái bút chì ?

5. Hãy tính xem một năm nhuận có bao nhiêu tuần lễ và dư mấy ngày ?

● **Luyện tập**

▲ 1.	1 988 : 14	3 444 : 28	10 962 : 42
	1 995 : 15	9 009 : 33	13 568 : 64
2.	8 968 : 64	9 276 : 39	23 082 : 53

3. Một huyện nhận được 215 hộp bút chì màu, mỗi hộp có 24 bút chì. Huyện đó chia đều số bút chì màu cho 86 lớp Một. Hỏi mỗi lớp nhận được bao nhiêu bút chì màu ?

4. Mỗi bánh xe đạp cần có 36 nan hoa. Hỏi có 5 260 nan hoa thì lắp vào được nhiều nhất bao nhiêu chiếc xe đạp và còn thừa bao nhiêu nan hoa ?

5. Mỗi bộ quần áo trẻ em may hết 2m 80cm vải. Hỏi có 380m vải thì may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo như vậy ? Còn thừa bao nhiêu vải ?

thuongmaitr

6. Chọn trong các số 2, 3, 4, 6, 8 những số thích hợp để khi thay vào x thì được $240 : x < 50$

●

■ a) 9 450 : 35 = ?

9450	35
245	270
000	

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

* 94 chia cho 35 được 2, viết 2 ; 2 nhân 5 bằng 10 ; 14 trừ 10 bằng 4, nhớ 1 ; 2 nhân 3 bằng 6, thêm 1 bằng 7 ; 9 trừ 7 bằng 2.

* Hạ 5 : 245 chia cho 35 được 7, viết 7 : 7 nhân 5 bằng 35 : 35 trừ 35 bằng 0 nhớ 3 :

7 nhân 3 bằng 21, thêm 3 bằng 24 ; 24 trừ 24 bằng 0 ;

* Hạ 0 ; 0 chia cho 35 được 0, viết 0.

Thử lại : 270 × 35 = 9 450.

c) 30 256 : 42 = ?

30256	42
085	720
016	

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

* 302 chia cho 42 được 7, viết 7 ; 7 nhân 2 bằng 14 ; 22 trừ 14 bằng 8, nhớ 2 ; 7 nhân 4 bằng 28, thêm 2 bằng 30 ; 30 trừ 30 bằng 0.

* Hạ 5 ; 85 chia cho 42 được 2, viết 2 ; 2 nhân 2 bằng 4 ; 5 trừ 4 bằng 1 ; 2 nhân 4 bằng 8 ; 8 trừ 8 bằng 0.

* Hạ 6 ; 16 chia cho 42 được 0, viết 0.

Thử lại : 720 × 42 + 16 = 30 256.

uongxua.vn

▲ 1. 8 750 : 35   23 520 : 56   8 960 : 64

17 286 : 48   11 780 : 42   39 461 : 34

2. Một người đi xe máy trong 1 giờ 15 phút đi được 37km 500m. Hỏi trung bình mỗi phút xe máy đi được bao nhiêu mét ?

3. Một đội sản xuất có 25 thợ thủ công. Tháng giêng đội đó làm được 750 sản phẩm, tháng hai làm được 900 sản phẩm, tháng ba làm được 1 350 sản phẩm. Hỏi trong cả ba tháng đó trung bình mỗi thợ thủ công làm được bao nhiêu sản phẩm ?

4. Tìm x :

$x \times 26 = 6\,500$ $5\,180 : x = 14$

5. Một hình chữ nhật có chiều dài 260m và chiều rộng 42m. Chia hình chữ nhật đó thành các hình vuông đặt liên tiếp nhau và cùng có cạnh bằng chiều rộng của hình chữ nhật đã cho, thì còn thừa ra một hình chữ nhật có chiều rộng nhỏ hơn cạnh hình vuông. Hỏi hình chữ nhật còn thừa đó có chu vi là bao nhiêu ?

●

■ 2 424 : 24 = ?

```
2424 | 24
 024 |----
   0 | 101
```

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

* 24 chia cho 24 được 1, viết 1 ; 1 nhân 4 bằng 4 ; 4 trừ 4 bằng 0 ; 1 nhân 2 bằng 2 ; 2 trừ 2 bằng 0.
* Hạ 2 ; 2 chia cho 24 được 0, viết 0 ;
* Hạ 4 ; 24 chia cho 24 được 1, viết 1 ; 1 nhân 4 bằng 4 ; 4 trừ 4 bằng 0 ; 1 nhân 2 bằng 2 ; 2 trừ 2 bằng 0.

thuongmaitr

Thử lại : 101 × 24 = 2424.

▲ **1.** 3 636 : 12   8 456 : 28   6 825 : 65

6 324 : 31   5 555 : 55   3 744 : 36

2. a) **Mẫu :**

```
2420 | 12
 020 |----
  08 | 201
```

b) 7 936 : 26

4 836 : 48

9 090 : 88

Thử lại : 201 × 12 + 8 = 2420

3. May mỗi bộ quần áo cần có 3m 50cm vải.

a) May 72 bộ quần áo như thế cần có bao nhiêu mét vải ?

b) Có 37m vải thì may được bao nhiêu bộ quần áo như thế ?

4. Để giúp đỡ các bạn học sinh vùng bị ngập lụt, ba lớp Một, Hai, Ba đóng góp được 123 quyển sách ; hai lớp Bốn và Năm đóng góp được nhiều hơn ba lớp kia là 54 quyển sách. Hỏi trung bình mỗi lớp đóng góp được bao nhiêu quyển sách ?

5. Không thực hiện phép tính, hãy tìm x :

$$(x+2) : 99 = (40\,390+2) : 99$$

● Chia cho số có ba chữ số

■ 1 944 : 162 = ?

1944	162
0324	12
000	

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

∗ 194 chia cho 162 được 1, viết 1 ; 1 nhân 2 bằng 2, 4 trừ 2 bằng 2 ; 1 nhân 6 bằng 6 ; 9 trừ 6 bằng 3 ; 1 nhân 1 bằng 1 ; 1 trừ 1 bằng 0.

∗ Hạ 4 ; 324 chia cho 162 được 2, viết 2 ; 2 nhân 2 bằng 4, 4 trừ 4 bằng 0 ; 2 nhân 6 bằng 12, 12 trừ 12 bằng 0, nhớ 1 ; 2 nhân 1 bằng 2, thêm 1 bằng 3, 3 trừ 3 bằng 0.

uongxua.vn

Thử lại : 12 × 162 = 1 944

▲ **1.** 972 : 324   3 852 : 321

6 726 : 177   11 086 : 482

2. a) Mẫu :

8469	241
1239	35
034	

b) 5 980 : 165

8 696 : 205

8 547 : 316

Thử lại : 35 × 241 + 34 = 8 469

3. Một máy bay phản lực trong 3 giờ bay được 2 580km, một máy bay lên thẳng trong 2 giờ bay được 430km. Hỏi

trung bình mỗi giờ máy bay phản lực bay nhanh gấp mấy lần máy bay lên thẳng ?

4. Hai cửa hàng cùng nhận 7 420m vải. Cửa hàng thứ nhất trung bình mỗi ngày bán được 265m vải, cửa hàng thứ hai trung bình mỗi ngày bán được 371m vải. Hỏi cửa hàng nào bán hết số mét vải đó sớm hơn và sớm hơn mấy ngày ?

5. Cho các phép chia :

a) 7 552 : 236	b) 7 582 : 236
5 436 : 453	5 536 : 453

– Thực hiện các phép chia ở cột a.

– Dựa vào các số đã cho trong mỗi phép chia và kết quả tìm được ở cột a hãy suy ra cách tìm thương và số dư trong mỗi phép chia ở cột b.

● Chia cho số có ba chữ số *(tiếp theo)*

thuongmaitr

■ 39 585 : 195 = ?

```
39585 | 195
00585 | 203
  000
```

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

∗ 395 chia cho 195 được 2, viết 2 ; 2 nhân 5 bằng 10, 15 trừ 10 bằng 5, nhớ 1 ; 2 nhân 9 bằng 18, thêm 1 bằng 19, 19 trừ 19 bằng 0, nhớ 1 ; 2 nhân 1 bằng 2, thêm 1 bằng 3, 3 trừ 3 bằng 0.

∗ Hạ 8 ; 58 chia cho 195 được 0, viết 0.

∗ Hạ 5 ; 585 chia cho 195 được 3, viết 3 ; 3 nhân 5 bằng 15, 15 trừ 15 bằng 0, nhớ 1 ; 3 nhân 9 bằng 27, thêm 1 bằng 28, 28 trừ 28 bằng 0, nhớ 2 ; 3 nhân 1 bằng 3, thêm 2 bằng 5, 5 trừ 5 bằng 0.

Thử lại : $203 \times 195 = 39\,585$.

▲ **1.** 31 008 : 304   64 722 : 161

65 880 : 216   92 862 : 231

2. a) Mẫu :

88498	425
03498	208
098	

b) 23 620 : 224

36 595 : 345

85 796 : 410

Thử lại : 208 × 425 + 98 = 88 498

3. Tìm x :

$x : 202 = 197$ $45\,602 : x = 151.$

4. Một tổ sản xuất, tháng trước trung bình mỗi ngày làm được 132 dụng cụ, tháng này trung bình mỗi ngày làm được 156 dụng cụ. Hỏi sau bao nhiêu ngày trong tháng này thì tổ sản xuất làm được số dụng cụ bằng số dụng cụ làm trong tháng trước (mỗi tháng làm việc 26 ngày) ?

tuongxua.vn

5. Hải và Hằng mỗi bạn thực hiện một phép chia hết mà các số bị chia giống nhau, còn các số chia thì khác nhau : bạn Hải chia cho 112, còn bạn Hằng lại chia cho 144 và được thương là 84. Hãy tìm thương trong phép chia của bạn Hải ?

● **Luyện tập**

▲ **1.** 651 : 217   3 565 : 115   24 745 : 245

1 076 : 269   25 272 : 108   75 516 : 372

2. 9 149 : 254   25 260 : 125

7 698 : 182   61 236 : 202

3. 856 : 214 + 1 284 : 214   625 + 1 875 : 125

(856 + 1 284) : 214   (625 + 1 875) : 125

4. Kiên và Hiền mỗi bạn thực hiện một phép nhân có các thừa số thứ nhất giống nhau, còn các thừa số thứ hai thì khác

nhau : bạn Kiên nhân với 263 thì được tích là 112 564, còn bạn Hiên lại nhân với 362. Tìm kết quả phép nhân của bạn Hiên.

5. a) Trên hình bên có mấy hình vuông và mấy hình chữ nhật ? Viết tên các hình chữ nhật và hình vuông đó ?

b) Cho biết chu vi hình ABCD bằng 102cm, chu vi hình ECDH bằng 56cm. Hãy tính cạnh AB và BC của hình ABCD ?

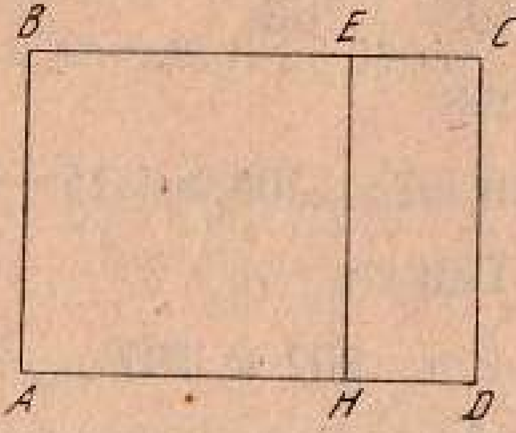

● Luyện tập chung

▲ **1.** 3 312 : 9   9 660 : 46   100 899 : 333

1 042 : 5   8 219 : 37   61 652 : 259

thuongmaitr

2. 10 000 – 777 : 21 × 63 ;   4 968 + 709 × 52 – 555

1 284 – 3 905 : 55 + 89 ;   1 606 + 54 495 : 45 × 6

3. Một huyện đã chuyển được 1 302 người đến vùng kinh tế mới. Số người đó được chuyển làm hai lần, lần sau nhiều hơn lần trước 202 người. Hỏi mỗi lần chuyển được bao nhiêu người ?

4. Một hình chữ nhật có chu vi bằng 126m và chu vi gấp 6 lần chiều rộng. Tính chiều dài của hình chữ nhật đó ?

5. Tìm x : a) $x : 2 : 3 = 2 \times 3$

b) $x \times 8 < 48$

● Luyện tập chung

▲ **1.** 234 × 208   420 × 305   400 × 524

48 672 : 234   128 100 : 420   209 600 : 400

2. Tính giá trị số của biểu thức $m : n$, biết :

a) $m = 27\,336$, $n = 68$

b) $m = 37\,948$, $n = 358$

3. Tìm x :

$x \times 72 = 144 \times 303$ $\qquad$ $1736 : x = 196 : 7$

$x : 316 = 111 + 202$ $\qquad$ $x \times 35 = 25 \times 49$

4. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 24m, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Người ta định đóng cọc để rào xung quanh mảnh đất, cọc nọ cách cọc kia 12dm. Hỏi cần phải có bao nhiêu cọc để rào đủ mảnh đất đó ?

5. Tích của ba số bằng 720. Tích của số thứ nhất và số thứ hai bằng 80, tích của số thứ hai và số thứ ba bằng 180. Tìm ba số đó ?

6. Điền chữ số thích hợp vào dấu * :

truongxua.vn

```
* 5 * *  | * 3
* *      |------
-----    | * * *
0 7 4
  * *
-----
  0 * 1
    * *
  -----
    0 0
```

● Diện tích của một hình

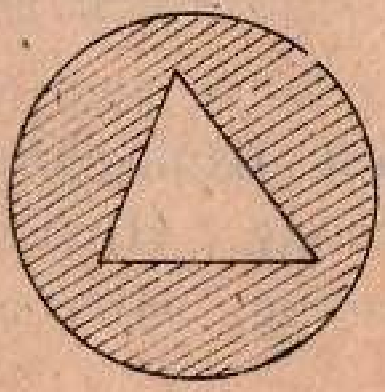

■ a) Trên hình bên, hình tam giác nằm hoàn toàn trong hình tròn. Ta nói rằng : diện tích hình tam giác bé hơn diện tích hình tròn.

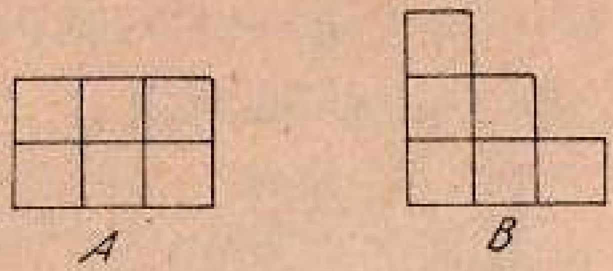

b) Hình A gồm 6 ô vuông bằng nhau. Hình B cũng gồm 6 ô vuông như thế. Ta nói rằng : diện tích hình A bằng diện tích hình B.

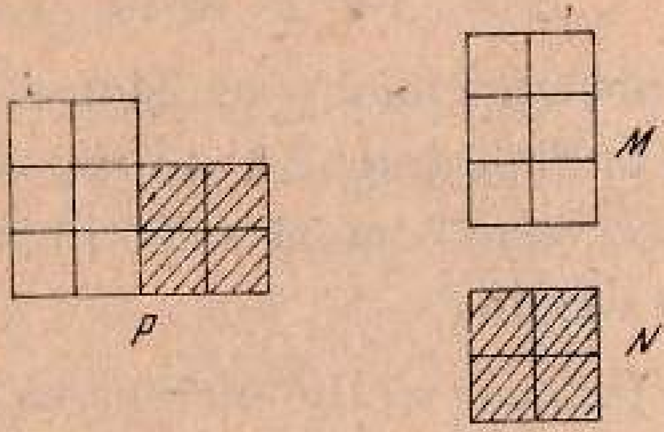

c) Hình P gồm 10 ô vuông bằng nhau. Ta cắt hình P và tách ra thành hai hình M và N : hình M gồm 6 ô vuông, hình N gồm 4 ô vuông. Ta nói rằng : diện tích hình P bằng tổng diện tích các hình M và N.

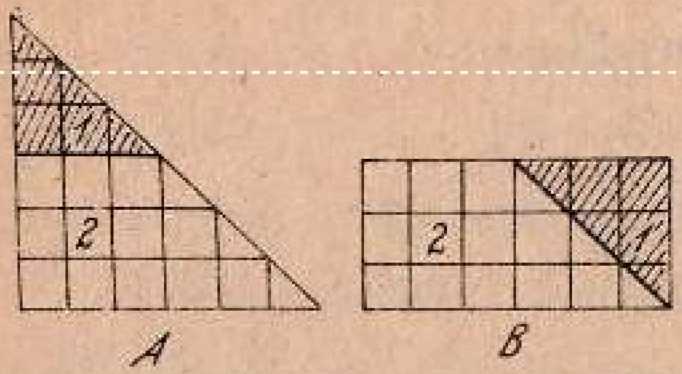

d) Hình tam giác A không thể chia thành các ô vuông được. Nhưng nếu ta cắt ra phần 1 (gạch chéo) rồi ghép phần đó vào phần 2 (hình B) thì được một hình chữ nhật chia được thành các ô vuông. Như vậy, mặc dù hình tam giác A không chia được thành các ô vuông nhưng ta vẫn biết được diện tích của nó bằng diện tích hình chữ nhật B.

thuongmaitr

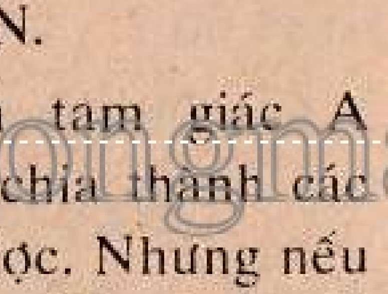

▲ **1.** Hình chữ nhật ABCD gồm mấy ô vuông ? Hình vuông MNPQ gồm mấy ô vuông ? Hình nào có diện tích lớn hơn ?

2. Hình P gồm mấy ô vuông ? Hình Q gồm mấy ô vuông ? Hãy so sánh diện tích hình P và hình Q.

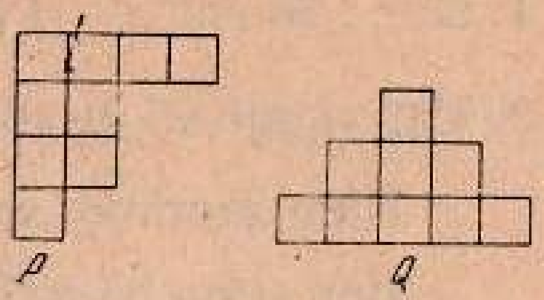

3. Hình C gồm mấy ô vuông ? Hình D gồm mấy ô vuông ? Hãy so sánh diện tích hình C và hình D.

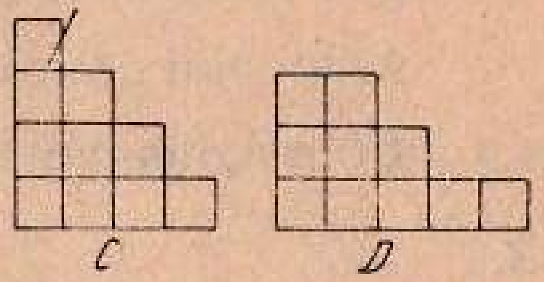

4. So sánh diện tích của các hình tứ giác ABCD và ABMN.

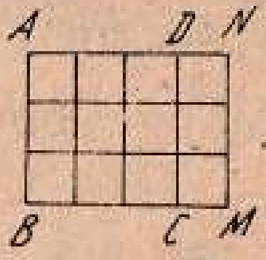

● Xentimet vuông – Đêximet vuông

■ Để đo diện tích ta dùng đơn vị diện tích như xentimet vuông, đêximet vuông.

vuongxua.vn

a) Xentimet vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 xentimet.

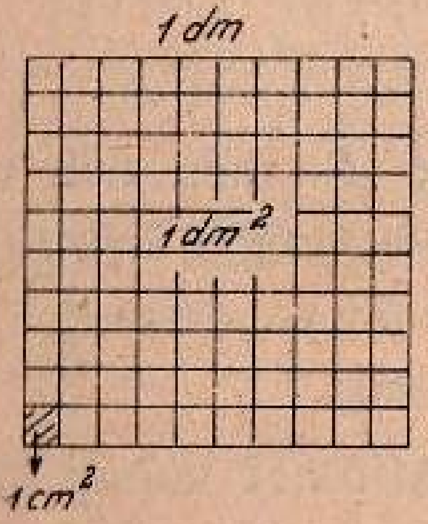

1 xentimet vuông viết tắt là 1 cm^2.

b) Đêximet vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 đêximet.

1 đêximet vuông viết tắt là 1 dm^2.

c) Trên hình bên ta thấy hình vuông 1dm^2 gồm 100 hình vuông 1 cm^2.

$$1\ dm^2 = 100\ cm^2$$

▲ **1.** Đọc : $36\ cm^2$; $1\,059 cm^2$; $317 dm^2$; $46\,200 dm^2$.

2. Viết thành số đo diện tích :

Năm xentimet vuông ;

Bốn trăm ba mươi lăm xentimet vuông ;

Mười bốn đêximet vuông ;

Chín nghìn bảy trăm sáu mươi hai đêximet vuông.

3.

a) $1dm^2 = ...cm^2$; $41dm^2 = ...\ cm^2$; $537\ dm^2 = ...\ cm^2$.

b) $300cm^2 = ...\ dm^2$; $2\,900cm^2 = ...\ dm^2$; $84\,600cm^2 = ...\ dm^2$.

4. a) $750cm^2 = ...\ dm^2\ ...\ cm^2$; $305cm^2 = ...\ dm^2\ ...\ cm^2$

b) $13dm^2\ 29cm^2 = ...\ cm^2$; $5dm^2\ 3cm^2 = ...\ cm^2$.

5. Hình chữ nhật ABCD gồm mấy ô vuông $1cm^2$? Diện tích hình chữ nhật ABCD bằng mấy xentimet vuông ?

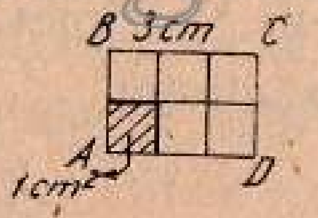

thuongmaitr

● **Milimet vuông. Mét vuông**

■

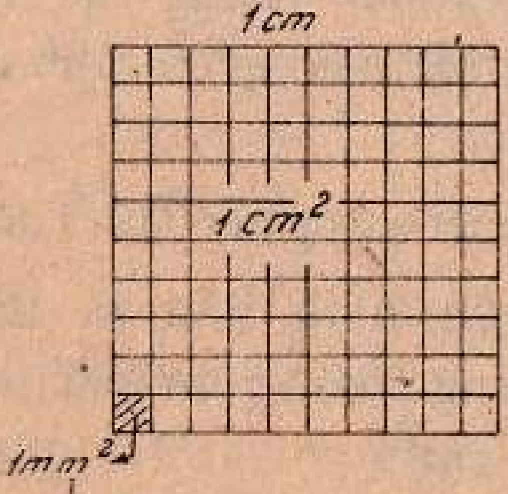

Để đo diện tích ta còn dùng đơn vị diện tích như milimet vuông, mét vuông.

a) Milimet vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 milimet.

1 milimet vuông viết tắt là $1mm^2$.

Trên hình vẽ phóng to ở trên ta thấy hình vuông $1cm^2$ bao gồm 100 hình vuông $1mm^2$.

$$1cm^2 = 100mm^2$$

b) Mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 mét. 1 mét vuông viết tắt là $1m^2$.

Trên hình vẽ thu nhỏ ở dưới ta thấy hình vuông $1m^2$ bao gồm 100 hình vuông $1dm^2$.

$$1m^2 = 100dm^2$$

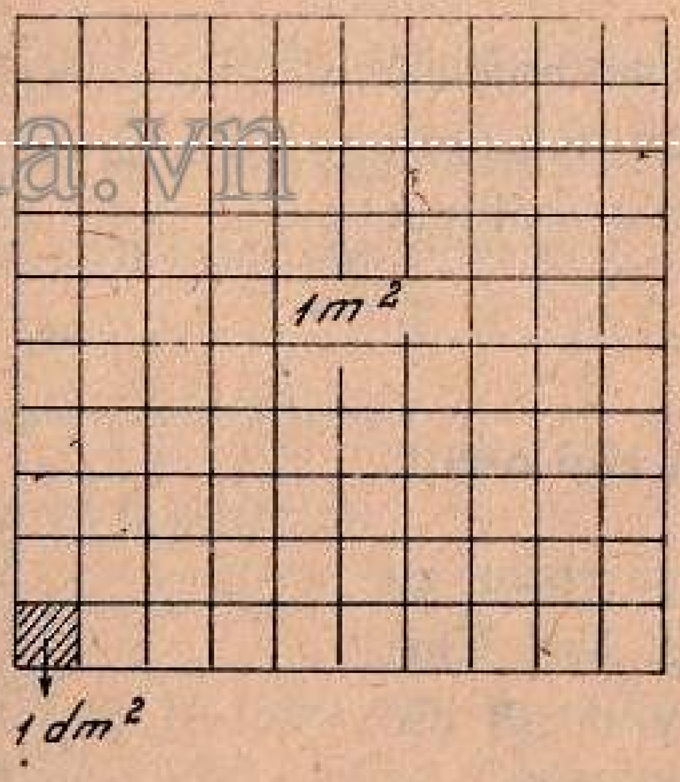

uongxua.vn

▲ **1.** Đọc : $25mm^2$; $307mm^2$; $819m^2$; $6400m^2$.

2. Viết số : Năm trăm sáu mươi tám milimet vuông :

Hai nghìn một trăm ba mươi mét vuông.

3. a) $1cm^2 = ... mm^2$; $87cm^2 = ... mm^2$;

$700mm^2 = ... cm^2$; $4\,600mm^2 = ... cm^2$.

b) $1m^2 = ... dm^2$; $30m^2 = ... dm^2$;

$200dm^2 = ... m^2$; $5\,000dm^2 = ... m^2$.

4. a) $6cm^2 = ... mm^2$; $210cm^2 = ... mm^2$;

$900mm^2 = ... cm^2$; $45\,300mm^2 = ... cm^2$.

b) $3m^2 = ... dm^2$; $48m^2 = ... dm^2$;

$8\,500dm^2 = ... m^2$; $12\,600dm^2 = ... m^2$.

5. Hình A gồm bao nhiêu ô vuông $1cm^2$? Diện tích hình A bằng bao nhiêu milimet vuông ?

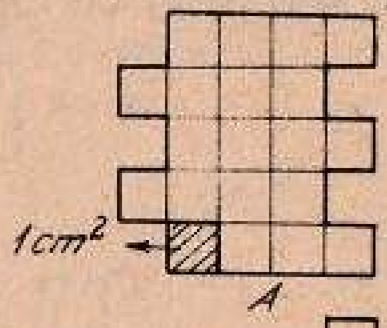

6. Hình B gồm bao nhiêu ô vuông $1cm^2$? Diện tích hình B bằng bao nhiêu milimet vuông ?

thuongmaitr

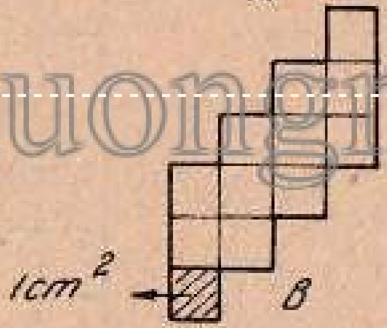

● Diện tích hình chữ nhật

■ Hình chữ nhật có chiều dài 4cm và chiều rộng 3cm. Chia hình chữ nhật này thành các hình vuông $1cm^2$ thì được :

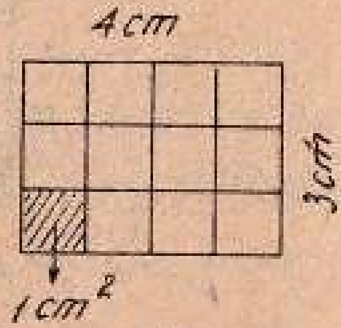

– 3 hàng, mỗi hàng gồm 4 hình vuông $1cm^2$; hoặc

– 4 cột, mỗi cột gồm 3 hình vuông $1cm^2$.

Muốn tính số hình vuông $1cm^2$ ở hình này (tức là tính diện tích hình chữ nhật bằng xentimet vuông) ta cần tính

tích của hai số 4 và 3. Nếu gọi S là diện tích hình chữ nhật thì ta có :

$$S = 4 \times 3 = 12\ (cm^2) \text{ hoặc } S = 3 \times 4 = 12\ (cm^2).$$

Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy số đo chiều dài nhân với số đo chiều rộng (cùng một đơn vị đo).

$$\boxed{S = a \times b}$$

(S : diện tích ; a : số đo chiều dài ; b : số đo chiều rộng)

▲ **1.** Tính diện tích hình chữ nhật có :

a) Chiều dài 18cm, chiều rộng 11cm ;

b) Chiều dài 25dm, chiều rộng 16dm ;

c) Chiều dài 54m, chiều rộng 33m.

tuongxua.vn

2. Tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài a và chiều rộng b với :

a) a = 34mm và b = 24mm

b) a = 118m và b = 102m

c) a = 73cm và b = 5cm

3. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 36m. Chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích mảnh vườn đó.

4. Một phòng học hình chữ nhật có chiều dài 8m. Chiều rộng kém chiều dài 2m. Trong phòng có 48 học sinh. Tính diện tích trung bình dành cho mỗi học sinh.

● Diện tích hình vuông

■ Hình vuông là một hình chữ nhật đặc biệt mà chiều dài bằng chiều rộng.

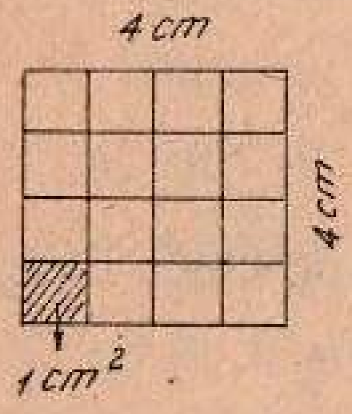

Ví dụ 1. Hình vuông có cạnh 4cm thì có diện tích : $S = 4 \times 4 = 16$ (cm^2)

Ví dụ 2. Hình vuông có cạnh 5dm thì có diện tích : $S = 5 \times 5 = 25$ (dm^2)

Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy số đo một cạnh nhân với chính nó.

$$S = a \times a$$

▲ **1.** Tính diện tích hình vuông có cạnh :

35cm ; 57m ; 208dm ; 164mm.

2. Điền kết quả tính vào ô trống :

thuongmaitr

Cạnh hình vuông	82cm	110dm	105m
Chu vi hình vuông			
Diện tích hình vuông			

3. Chu vi một khu đất hình vuông là 208m. Tính diện tích khu đất ấy.

4. Có hai tờ giấy màu hình vuông : tờ màu vàng có chu vi 20cm, tờ màu đỏ có chu vi gấp đôi chu vi tờ màu vàng. Tính diện tích mỗi tờ giấy đó.

5. Người ta dùng 350 viên gạch vuông có cạnh 20cm để lát nền một căn phòng. Hỏi căn phòng đó có diện tích bao nhiêu mét vuông ?

6. Một hình chữ nhật có chiều dài 9cm và chiều rộng 3cm. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật. Tính diện tích hình vuông đó.

● Luyện tập chung

▲ **1.** Điền số vào chỗ chấm :

a) $12m^2 = ... dm^2$; $300cm^2 = ... dm^2$;

b) $105m^2 = ... dm^2$; $1900\ dm^2 = ... m^2$.

2. Điền số vào chỗ chấm :

a) $5m^2\ 19dm^2 = ... dm^2$; $7dm^2\ 54cm^2 = ... cm^2$;

b) $3m^2\ 6\ dm^2 = ... dm^2$; $6dm^2\ 2cm^2 = ... cm^2$.

3. Điền số vào chỗ chấm :

uongxua.vn

a) $148cm^2 = ... dm^2 ... cm^2$; $8791dm^2 = ... m^2 ... dm^2$;

b) $705cm^2 = ... dm^2 ... cm^2$; $5308dm^2 = ... m^2 ... dm^2$.

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

| $<$
 $=$
 $>$ | ? |

$2dm^2\ 5cm^2$ □ $205cm^2$; $3m^2\ 48dm^2$ □ $4m^2$;

$300dm^2$ □ $2m^2\ 79dm^2$; $61m^2$ □ $6100dm^2$.

5. Điền kết quả tính vào ô trống :

Chiều dài hình chữ nhật	105m	124m	
Chiều rộng hình chữ nhật	36m		36m
Diện tích hình chữ nhật		$10\,044m^2$	$3\,780m^2$
Chu vi hình chữ nhật			

6. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 64m và chiều rộng 50m. Trung bình $100m^2$ của thửa ruộng đó thu hoạch được 60kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu kilôgam thóc ?

7. Chu vi của hình chữ nhật bằng 640dm. Chiều dài của hình này bằng 21m. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

thuongmaitr

Chương bốn

PHÂN SỐ - TỈ SỐ - CÁC BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ

1. PHÂN SỐ - TỈ SỐ

● **Phân số**

■

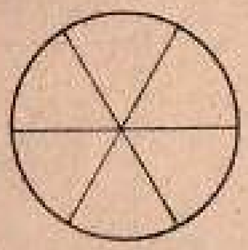

– Chia một cái bánh thành 6 phần bằng nhau.

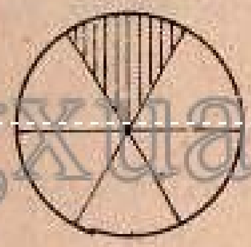

– Lấy 1 phần được "*một phần sáu của cái bánh*".

Viết : $\frac{1}{6}$ cái bánh.

uongxua.vn

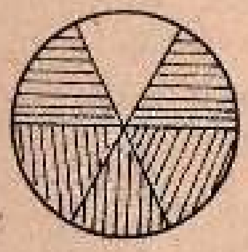

– Còn 5 phần hay "*năm phần sáu của cái bánh*".

Viết : $\frac{5}{6}$ cái bánh.

$\frac{1}{6}$, $\frac{5}{6}$ là các *phân số.*

● 6 gọi là *mẫu số* (viết dưới gạch ngang) chỉ số phần bằng nhau được chia từ một cái bánh.

● 1 và 5 là các *tử số* (viết trên gạch ngang) chỉ số phần bằng nhau có trong mỗi phân số.

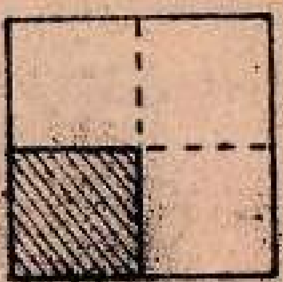

▲ 1. a) Chia một hình vuông thành 4 hình vuông nhỏ bằng nhau, rồi lấy 1 hình vuông

nhỏ. Đọc và viết phân số chỉ phần lấy đi và phân số chỉ phần còn lại ;

b) Chia một đoạn dây thành 10 phần bằng nhau, rồi lấy 3 phần.

Đọc và viết phân số chỉ phần lấy đi và phân số chỉ phần còn lại.

2. Viết và đọc các phân số biểu thị phần có gạch xiên :

Hình vẽ	Viết phân số	Đọc phân số	Viết	
			tử số	mẫu số
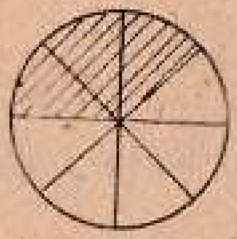	$\frac{\dots}{\dots}$			
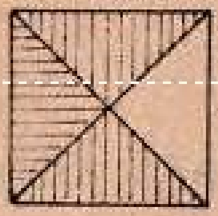	$\frac{\dots}{\dots}$			
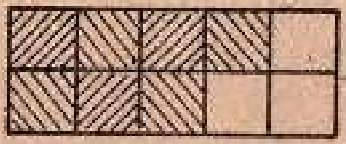	$\frac{\dots}{\dots}$			
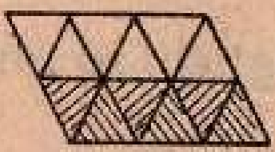	$\frac{\dots}{\dots}$			
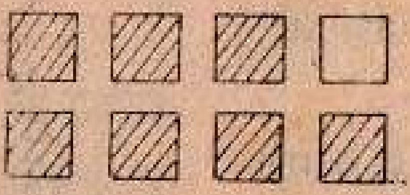	$\frac{\dots}{\dots}$			

thuongmaitr

3. a) Viết các phân số :

Một nửa ; bảy phần mười ; một phần tư ; mười hai phần trăm .

b) Đọc các phân số :

$$\frac{1}{2} \quad ; \quad \frac{3}{4} \quad ; \quad \frac{90}{100}.$$

4. a) Biểu diễn các phân số trên tia số :

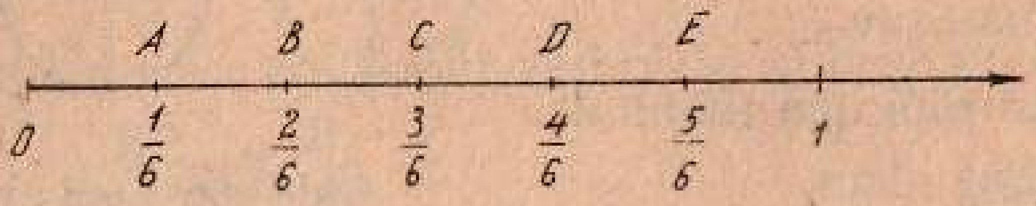

Hướng dẫn :

- Vẽ tia số, gốc là điểm O, đoạn đơn vị là từ O đến 1.
- Căn cứ vào mẫu số, chia đơn vị ra những phần bằng nhau.
- Ghi phân số ứng với mỗi điểm chia.

b) Viết phân số ứng với mỗi điểm A, B, C, D, E, G, H, I trên tia số :

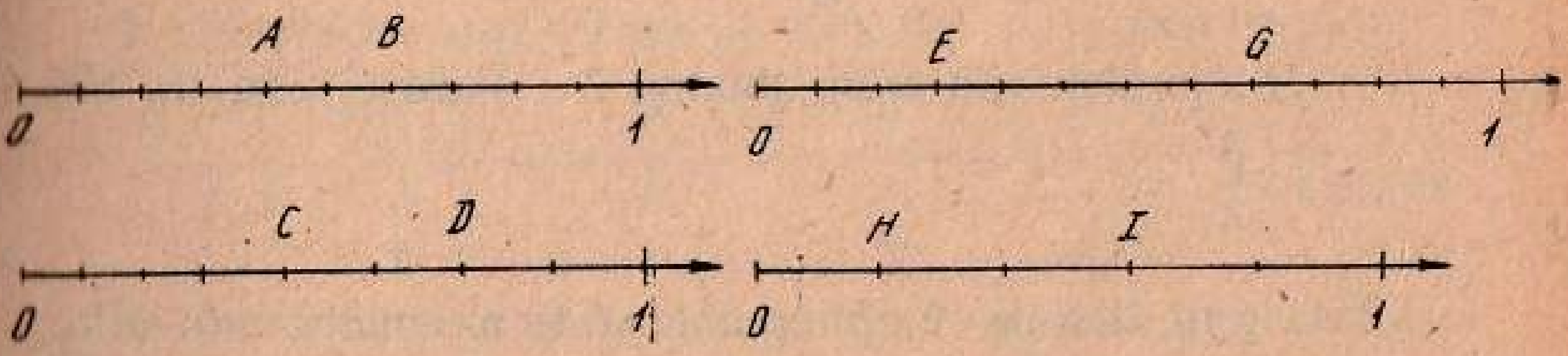

5. Chia đoạn thẳng thành nhiều phần bằng nhau. Viết các phân số *(theo mẫu)* :

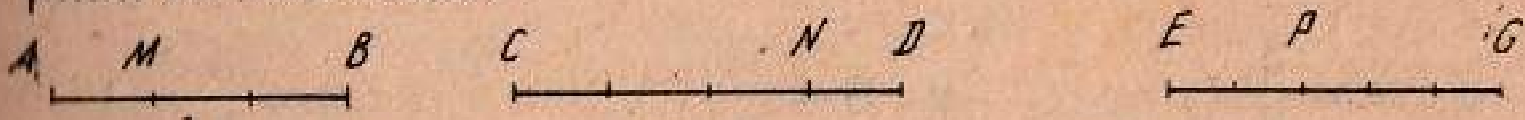

AM là $\frac{1}{3}$ của AB CN là ... EP là ...

MB là $\frac{2}{3}$ của AB ND là ... PG là...

● Phân số và phép chia số tự nhiên

■ a) Có 8 quả cam, chia đều cho 4 em. Tính phần cam của mỗi em.

Mỗi em được $8 : 4 = 2$ (quả)

b) Có 3 quả cam, chia đều cho 4 em. Ta thấy 3 không chia hết 4. Bởi vậy ta làm như sau :

- Bổ mỗi quả thành 4 phần bằng nhau.

Chia cho mỗi em 1 phần.

- Sau 3 lần chia cam như thế, mỗi em được 3 phần.

Có 3 quả :

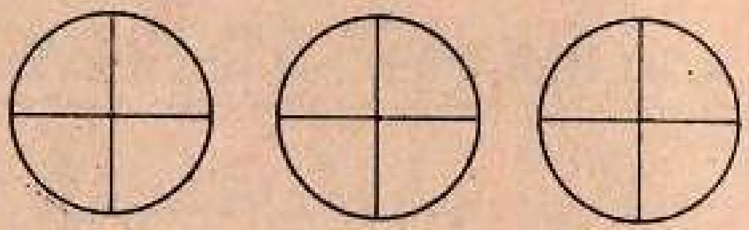

Chia cho 4 em ; mỗi em được :

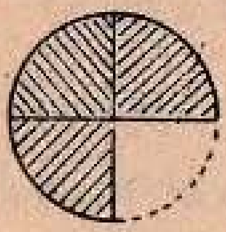

Vậy mỗi em được $\frac{3}{4}$ quả cam và ta có thể viết :

thuongmait

$$3 : 4 = \frac{3}{4} \text{ (quả cam)}$$

c) Trong cách viết trên, thương $3 : 4$ được biểu thị bởi phân số $\frac{3}{4}$.

Tương tự, thương của phép chia số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) được biểu thị bởi phân số có tử số là số bị chia và mẫu số là số chia :

$5 : 8 = \frac{5}{8}$ $\qquad 9 : 8 = \frac{9}{8}$ $\qquad 8 : 8 = \frac{8}{8} = 1$

$24 : 8 = \frac{24}{8} = 3$ $\qquad 8 : 1 = \frac{8}{1} = 8$ $\qquad 0 : 1 = \frac{0}{1} = 0$

d) *Chú ý :*

– Phân số bé hơn đơn vị khi tử số bé hơn mẫu số : $\frac{5}{8} < 1$

– Phân số bằng đơn vị khi tử số bằng mẫu số : $\frac{8}{8} = 1$

– Phân số lớn hơn đơn vị khi tử số lớn hơn mẫu số : $\frac{9}{8} > 1$

– Số tự nhiên được coi là phân số có tử số là số đó và mẫu số là 1 : $8 = \frac{8}{1}$; $0 = \frac{0}{1}$

▲ **1.** Viết dưới dạng phân số các thương sau đây :

2 : 5	15 : 8	7 : 1
3 : 10	17 : 4	6 : 1

tuongxua.vn

Theo mẫu : $2 : 5 = \frac{2}{5}$

2. Viết phân số ứng với mỗi điểm A, B, C, D, E trên tia số sau :

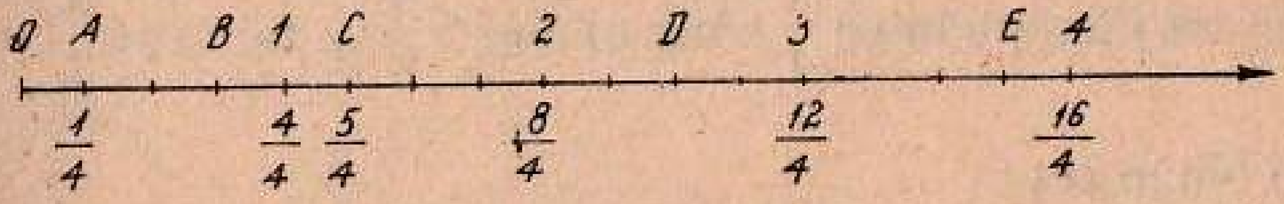

3. Viết mỗi phân số sau đây dưới dạng thương và tính giá trị của thương, theo mẫu : $\frac{16}{4} = 16 : 4 = 4$.

a) $\frac{26}{13}$; $\frac{299}{23}$; $\frac{527}{31}$;

b) $\frac{42}{7}$; $\frac{301}{7}$; $\frac{861}{41}$.

4. < ; = ; > ?

$\frac{3}{4} \square 1$ $\qquad$ $\frac{4}{4} \square 1$

$\frac{7}{4} \square 1$ $\qquad$ $\frac{15}{8} \square 1$

● Phân số bằng nhau

■ a) Lấy hai băng giấy bằng nhau.

Chia băng giấy thứ nhất thành 4 phần bằng nhau và lấy 3 phần : ta được $\frac{3}{4}$ băng giấy.

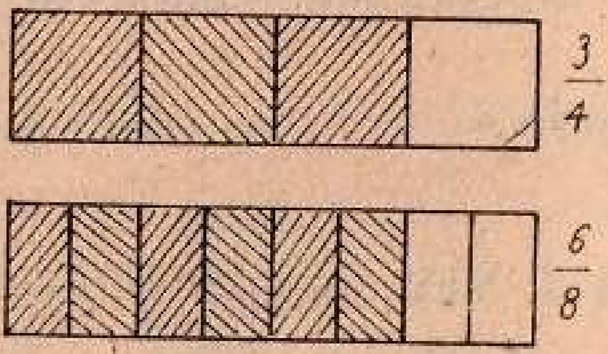

Chia băng giấy thứ hai thành 8 phần bằng nhau và lấy 6 phần :, ta được $\frac{6}{8}$ băng giấy.

thuongmaitr

Ta thấy $\frac{3}{4}$ băng giấy bằng $\frac{6}{8}$ băng giấy.

Ta nói rằng phân số $\frac{3}{4}$ bằng phân số $\frac{6}{8}$ và ta viết : $\frac{3}{4} = \frac{6}{8}$

b) Nhận xét :

$\frac{3}{4} = \frac{3 \times 2}{4 \times 2} = \frac{6}{8}$ $\qquad$ $\frac{6}{8} = \frac{6 : 2}{8 : 2} = \frac{3}{4}$

Nếu ta nhân hay chia tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì ta được một phân số bằng phân số đó.

▲ **1.** Viết 2 phân số bằng nhau ứng với phần hình gạch xiên :

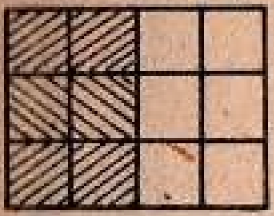

$\frac{1}{2} = \frac{\dots}{\dots}$

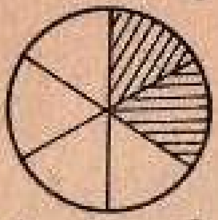

$\frac{1}{\dots} = \frac{2}{\dots}$

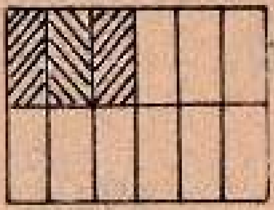

$\frac{\dots}{4} = \frac{\dots}{12}$

2. Viết phân số mới bằng phân số đã cho :

a) Bằng cách nhân tử số và mẫu số với 5 :

$\frac{1}{2}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{4}{5}$; $\frac{5}{3}$.

b) Bằng cách chia tử số và mẫu số cho 2 :

$\frac{2}{4}$; $\frac{4}{6}$; $\frac{6}{8}$; $\frac{8}{10}$; $\frac{10}{6}$.

3. Tính rồi so sánh kết quả :

uongxua.vn

a) 75 : 25 và (75 × 4) : (25 × 4) ;

b) 5200 : 1300 và 52 : 13

Nếu ta nhân (hoặc chia) số bị chia và số chia với cùng một số tự nhiên (khác 0) thì giá trị của thương vẫn không thay đổi.

4. Điền số thích hợp vào ô trống

$\frac{2}{5} = \frac{2 \times \square}{5 \times \square} = \frac{\square}{10}$; $\frac{8}{20} = \frac{8 : \square}{20 : \square} = \frac{\square}{5}$;

$\frac{2}{5} = \frac{2 \times \square}{5 \times \square} = \frac{6}{\square}$; $\frac{12}{30} = \frac{12 : \square}{30 : \square} = \frac{2}{\square}$;

$\frac{2}{3} = \frac{\square}{6}$; $\frac{3}{4} = \frac{15}{\square}$; $\frac{9}{12} = \frac{\square}{4}$

● So sánh hai phân số có mẫu số bằng nhau

■

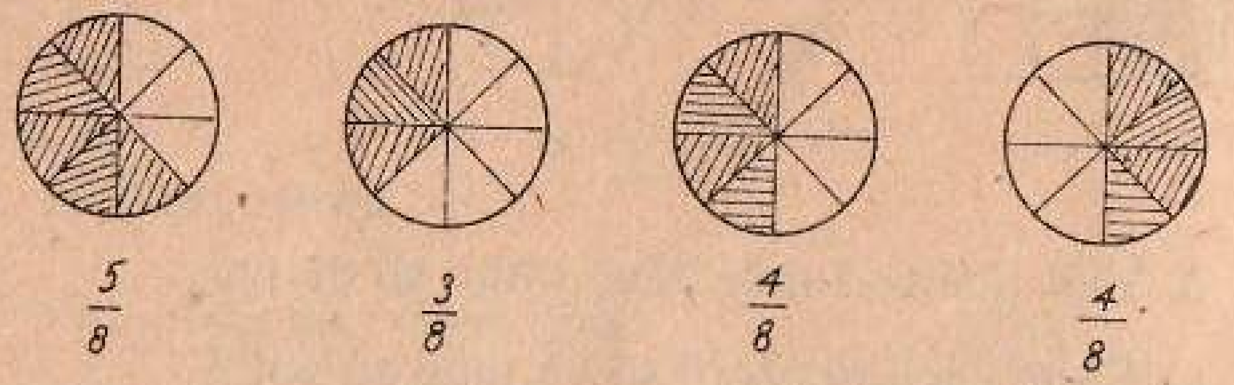

$\frac{5}{8} > \frac{3}{8}$ $\qquad$ $\frac{3}{8} < \frac{4}{8}$ $\qquad$ $\frac{4}{8} = \frac{4}{8}$

Hai phân số có *mẫu số bằng nhau* thì :

– Phân số có tử số lớn hơn là phân số lớn hơn : $\frac{5}{8} > \frac{3}{8}$;

– Phân số có tử số bé hơn là phân số bé hơn : $\frac{3}{8} < \frac{4}{8}$;

– Nếu tử số cùng bằng nhau thì hai phân số đó bằng nhau :

$\frac{4}{8} = \frac{4}{8}$.

thuongmaitu

▲ **1.** [< ; = ; >] ?

$\frac{3}{10} \square \frac{5}{10}$ $\qquad$ $\frac{9}{4} \square \frac{8}{4}$ $\qquad$ $\frac{10}{5} \square \frac{5}{5}$

$\frac{6}{10} \square \frac{4}{10}$ $\qquad$ $\frac{10}{6} \square \frac{15}{6}$ $\qquad$ $\frac{16}{8} \square \frac{24}{8}$

2. Điền số thích hợp vào ô trống :

a) $\frac{2}{5} > \frac{\square}{5}$; $\qquad$ $\frac{\square}{2} < \frac{1}{2}$; $\qquad$ $\frac{\square}{7} = \frac{1}{7}$;

b) $\frac{2}{5} = \frac{\square}{10}$; $\qquad$ $\frac{50}{100} = \frac{\square}{2}$; $\qquad$ $\frac{25}{100} = \frac{1}{\square}$;

3. Xếp các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

$\frac{1}{7}$; $\frac{5}{7}$; $\frac{4}{7}$; $\frac{6}{7}$; $\frac{7}{7}$; $\frac{10}{7}$.

4. Viết các số đo độ dài sau dưới dạng phân số, theo mẫu :

1 dm = $\frac{1}{10}$ m ; 18 dm = $\frac{18}{10}$ m .

5dm = $\frac{...}{...}$ m ; 15dm = $\frac{...}{...}$ m ; 5cm = $\frac{...}{...}$ m ;

125cm = $\frac{...}{...}$ m ; 7mm = $\frac{...}{...}$ m ; 1527mm = $\frac{...}{...}$ m.

● Tỉ số

■ a) *Ví dụ*

Tổ có 3 bạn gái và 6 bạn trai.

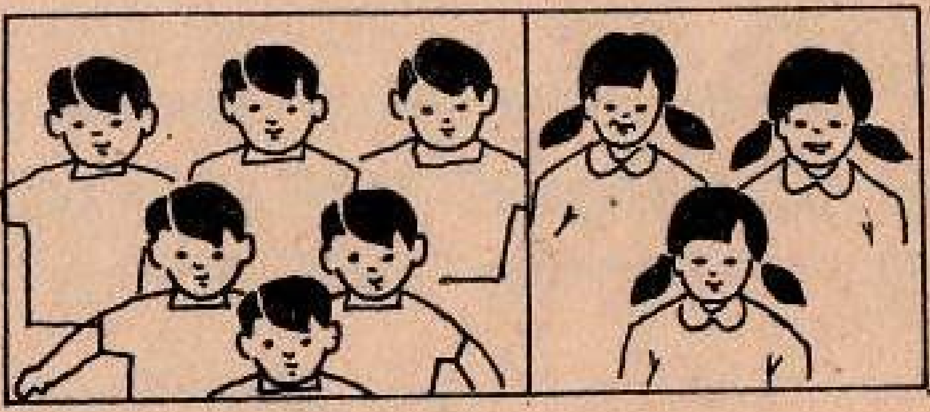

Ta nói :

– Tỉ số của số bạn trai so với số bạn gái là 6 : 3 hay 2. Tỉ số 2 cho biết số bạn trai gấp 2 lần số bạn gái.

– Tỉ số của số bạn gái so với số bạn trai là 3 : 6 hay $\frac{1}{2}$. Tỉ số $\frac{1}{2}$ này cho biết số bạn gái bằng $\frac{1}{2}$ số bạn trai.

b) *Bài toán 1:* Một vườn cây có 12 cây chanh và 36 cây cam. Tính :

– Tỉ số của số cây cam so với số cây chanh.

– Tỉ số của số cây cam so với số cây cả vườn.

Bài giải

Tỉ số của số cây cam so với số cây chanh là : $36 : 12 = 3$

Tổng số cây của vườn là : $12 + 36 = 48$ (cây)

Tỉ số của số cây cam so với tổng số cây là : $36 : 48 = \frac{3}{4}$

Đáp số : 3 ; $\frac{3}{4}$.

Chú ý : Các tỉ số trên cho biết :

Số cây cam gấp 3 lần số cây chanh.

Số cây cam bằng $\frac{3}{4}$ tổng số cây cả vườn.

thuongmaitr

c) *Bài toán 2 :* Tỉ số của các bạn trai so với các bạn gái tham gia đội văn nghệ là $\frac{1}{3}$. Biết số bạn gái là 12 bạn. Tính số bạn trai.

Bài giải

Coi số bạn gái là 3 phần, thì số bạn trai là 1 phần. Ta có :

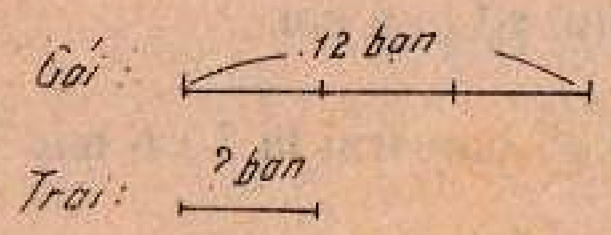

Số bạn trai là :

$12 : 3 = 4$ (bạn)

Đáp số : 4 bạn trai.

▲ 1. Tỉ số của các bạn trai so với các bạn gái tham gia đội văn nghệ là $\frac{1}{3}$. Biết số bạn trai là 4 bạn. Tính số bạn gái.

2. An có 2 bút chì đen và 12 bút chì màu.

a) Tính tỉ số của số bút chì màu so với số bút chì đen. Số bút chì màu gấp mấy lần số bút chì đen ?

b) Tính tỉ số của số bút chì đen so với số bút chì màu. Số bút chì đen bằng một phần mấy của số bút chì màu ?

3. Tỉ số của số bò so với số trâu ở một trại là 3. Trại đó có 88 con trâu. Tính số bò của trại.

4. Tỉ số của số cây bưởi so với số cây cam trong một vườn cây là $\frac{1}{2}$. Tính số cây bưởi, biết vườn đó có 70 cây cam.

● Vẽ thu nhỏ đoạn thẳng trên giấy

uongxua.vn

■ a) Chiều dài tờ bìa đo được 20cm. Trên trang giấy biểu diễn chiều dài này bằng một đoạn thẳng dài 2cm. Như vậy độ dài 1cm trên giấy cho biết độ dài thực tế là 10cm (tăng 10 lần).

Người ta nói rằng : chiều dài tờ bìa được vẽ theo tỉ lệ xích $\frac{1}{10}$ (đọc là một trên mười).

b) Trên bản đồ có ghi tỉ lệ xích $\frac{1}{1\,000\,000}$. Nếu đo khoảng cách từ A đến B dài 5cm thì trên mặt đất hai địa điểm đó cách nhau $5 \times 1\,000\,000 = 5\,000\,000$ (cm) :

$$5\,000\,000\text{cm} = 50\text{km}$$

Trên mặt đất hai địa điểm A và B cách nhau 50km.

▲ **1.** Chiều rộng bảng đen là 1m. Hãy vẽ một đoạn thẳng dài 1dm biểu diễn chiều rộng đó. Chiều rộng bảng đen đã được vẽ theo tỉ lệ xích bao nhiêu ?

2. Chiều dài dãy nhà tập thể giáo viên dài 10m. Hãy vẽ chiều dài đó trên giấy theo tỉ lệ xích $\frac{1}{1000}$.

3. Khoảng cách giữa hai điểm trên bản đồ đo được 3cm. Bản đồ ghi tỉ lệ xích $\frac{1}{100}$. Hãy xem khoảng cách của hai điểm đó trên mặt đất là bao nhiêu mét ?

4. Mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 10m, chiều rộng 7m. Hãy vẽ hình chữ nhật đó trên giấy theo tỉ lệ xích $\frac{1}{1\,000}$.

5. Một hình vuông có chu vi 4m. Hãy vẽ hình vuông đó trên giấy theo tỉ lệ xích $\frac{1}{100}$.

thuongmaitr

6. Hãy tính xem quãng đường Hà Nội – Hải Phòng dài bao nhiêu kilômet theo sơ đồ đã cho :

Tỉ lệ xích $\frac{1}{1\,000\,000}$.

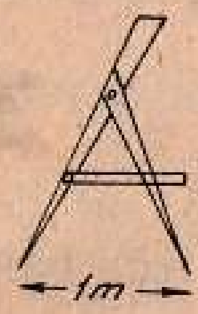

● **Gióng và đo đoạn thẳng trên mặt đất**

■ a) *Đo đoạn thẳng trên mặt đất*

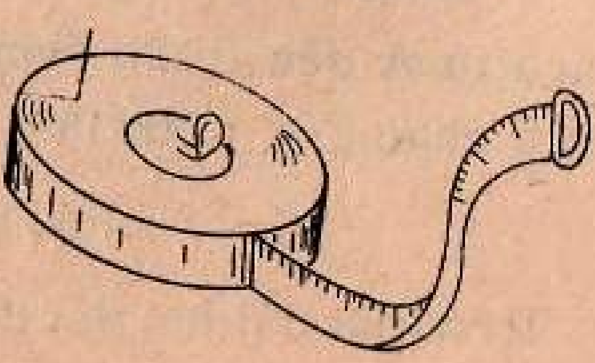

Muốn đo độ dài đoạn thẳng trên mặt đất (không quá dài)

người ta thường dùng thước dây cuộn, hoặc dùng compa đo ruộng đất (hình trên).

b) *Kẻ đoạn thẳng trên mặt đất*

Muốn vạch (hay kẻ) một đoạn thẳng trên mặt đất, người ta thường dùng những cọc tiêu. Các tiêu được gióng thẳng hàng trên mặt đất (xem hình vẽ).

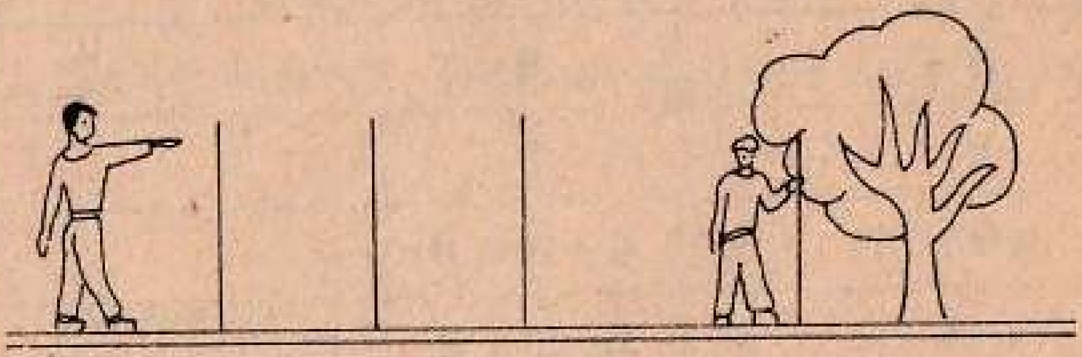

▲ **1.** Đo độ dài rồi điền vào ô trống :

Chiều dài bàn giáo viên	Chiều rộng lớp học	Chiều dài lớp học	Chiều dài sân trường

2. Bằng cách gióng các tiêu hãy vẽ trên mặt đất một hình chữ nhật có chiều dài 30m và chiều rộng 25m.

3. Hãy vẽ thu nhỏ trên giấy hình chữ nhật đó theo kích thước 30mm và 25mm. Với cách vẽ đó thì đã chọn tỉ lệ xích bao nhiêu ?

4. Em bước đi 10 bước dọc theo sân trường từ A đến B.

Em ước lượng xem AB dài mấy mét ?

Hãy kiểm tra bằng cách dùng thước dây để đo đoạn thẳng AB.

2. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

● **Bài toán về tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó**

■ a) Tính nhẩm *(theo mẫu)* :

a	6	4	8
b	3	2	2
a + b	6 + 3 = 9		
a : b	6 : 3 = 2		
a gấp mấy lần b	2 lần		
b : a	$3 : 6 = \frac{1}{2}$		
b bằng 1 phần mấy của a	$\frac{1}{2}$		

thuongmait

b) *Bài toán 1:* Hai bạn Thủy và Chi được thưởng 9 quyển vở. Số vở đó chia thành 3 phần bằng nhau : Thủy được 1 phần, Chi được 2 phần. Hỏi mỗi bạn được mấy quyển vở ?

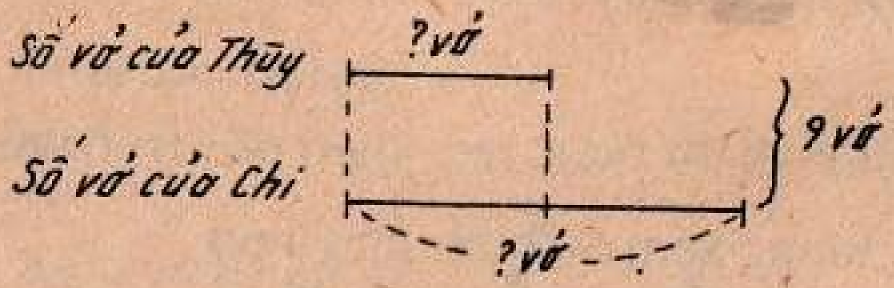

Bài giải

Số quyển vở của bạn Thùy là : $9 : 3 = 3$ (quyển)

Số quyển vở của bạn Chi là : $3 \times 2 = 6$ (quyển)

Đáp số : Thùy được 3 quyển ;
Chi được 6 quyển.

c) Bài toán 2 : Một lớp có 42 học sinh, trong đó số bạn trai gấp 2 lần số bạn gái. Tính số bạn gái, số bạn trai trong lớp đó.

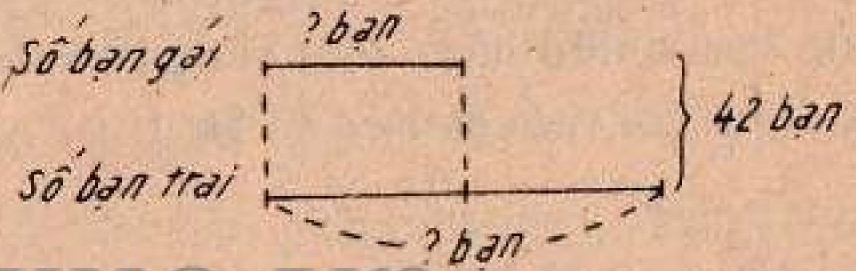

uongxua.vn

Bài giải

Số phần bằng nhau là : $1 + 2 = 3$ (phần)

Số bạn gái của lớp là : $42 : 3 = 14$ (bạn)

Số bạn trai của lớp là : $14 \times 2 = 28$ (bạn)

Đáp số : 14 bạn gái ;
28 bạn trai.

▲ **1.** Có 45 tấn thóc chứa trong hai kho. Kho lớn chứa gấp 4 lần kho nhỏ. Hỏi mỗi kho chứa bao nhiêu tấn thóc ?

2. Một nông trường có 352 con trâu và bò. Số bò nhiều gấp 3 lần số trâu. Tính số trâu, số bò của nông trường đó.

3.

a	15	36	105	120
b	5	9	5	4
a + b	15 + 5 = 20			
a : b	15 : 5 = 3			
b : a	$5 : 15 = \frac{1}{3}$			

4. Cắt 28m dây điện thành hai đoạn : đoạn dài gấp 3 lần đoạn ngắn. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu mét ?

5. Một con quạ sống lâu gấp 7 lần một con én. Hỏi mỗi con đã sống được bao nhiêu năm, biết rằng cho đến lúc chết thì tuổi con quạ cộng với tuổi con én là 56 ?

thuongmaitr

● **Bài toán về tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó** *(tiếp theo)*

■ *Bài toán :* Đội tuyển học sinh giỏi toán của huyện có 12 bạn, trong đó số bạn gái bằng $\frac{1}{3}$ số bạn trai. Hỏi có mấy bạn gái, mấy bạn trai trong đội tuyển đó ?

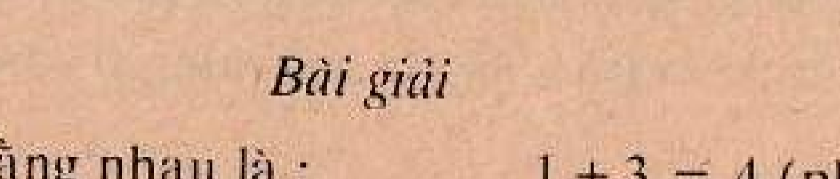

Bài giải

Số phần bằng nhau là : 1 + 3 = 4 (phần)

Số bạn gái trong đội tuyển là : $12 : 4 = 3$ (bạn)

Số bạn trai trong đội tuyển là : $3 \times 3 = 9$ (bạn)

Đáp số : 9 bạn trai,
3 bạn gái.

▲ **1.** Quyển truyện có 60 trang ; số trang bạn Thuận đã đọc bằng $\frac{1}{3}$ số trang chưa đọc. Tính số trang bạn Thuận đã đọc và số trang chưa đọc ở quyển truyện đó.

2. Một cửa hàng gạo bán 3250kg gạo, trong đó khối lượng gạo loại I bằng $\frac{1}{4}$ khối lượng gạo loại II.

a) Tính số kilôgam gạo mỗi loại.

b) Tính số tiền bán gạo biết rằng 1kg gạo loại I giá 2 200 đồng và 1kg gạo loại II giá 1800 đồng.

truongxua.vn

3. Đặt đề toán theo sơ đồ rồi giải bài toán đó :

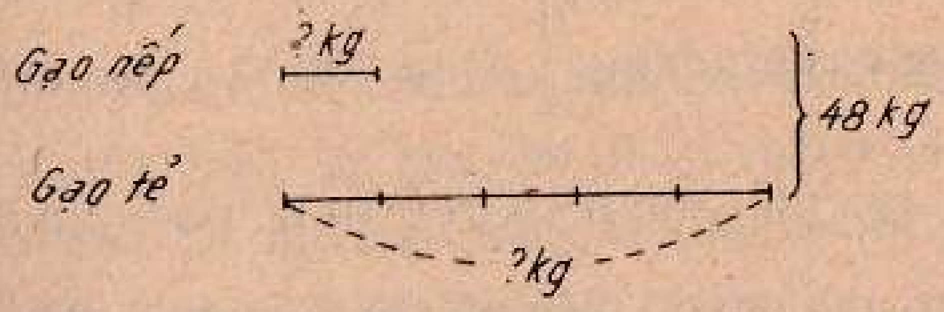

4. Người bán vé xem phim thu được 375 000 đồng, trong đó số tiền bán vé loại 1 500 đồng bằng $\frac{1}{4}$ số tiền bán vé loại 1200 đồng.

a) Tính số tiền bán vé mỗi loại ;

b) Tính số vé mỗi loại đã bán được.

5. Tìm x : $(x \times 2) + 8 = 80$

● Luyện tập

▲ 1.

a	9	15	40	49
b	3	3	4	7
a + b	9 + 3 = 12			
a × b	9 × 3 = 27			
a : b	9 : 3 = 3			
b : a	$3 : 9 = \frac{1}{3}$			

2. Trong "Vườn cây Bác Hồ" do các cụ phụ lão trông nom có 105 cây na và cây hồng, số cây hồng nhiều gấp đôi số cây na.

a) Tính số cây mỗi loại :

b) Các cụ hái được ở mỗi cây na 15 quả, mỗi cây hồng 25 quả. Hỏi tổng số quả hái được là bao nhiêu ?

3. Anh và em được nhà máy thưởng 315 000 đồng, trong đó số tiền thưởng của em bằng $\frac{1}{2}$ số tiền thưởng của anh. Anh trích ra $\frac{1}{3}$ số tiền của anh, em trích ra $\frac{1}{5}$ số tiền của em để biếu bố mẹ. Hỏi cả hai anh em đã biếu bố mẹ bao nhiêu tiền ?

4. Đặt đề toán theo sơ đồ rồi giải bài toán đó.

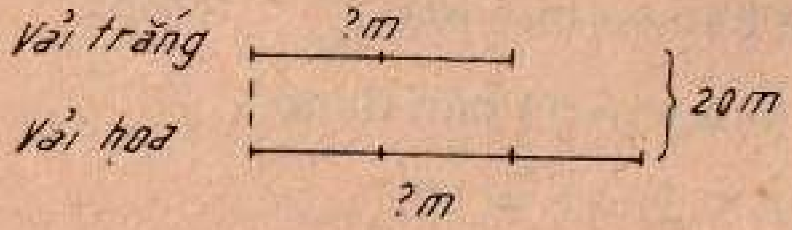

5. Tìm một số biết rằng gấp 3 lần số đó rồi cộng thêm 5 thì được 11.

6. a) Tìm những giá trị của số tự nhiên x để có : $21 \times x < 67$;

b) Tìm giá trị bé nhất của số tự nhiên x để có :

$$21 \times x > 67$$

● Luyện tập chung

▲ 1. Thực hiện phép tính :

a) 678 × 83	b) 55 859 : 83
485 × 194	94 090 : 194
357 × 204	72 828 : 357

2. Tính giá trị biểu thức :

a) 327 × (15 + 28)	b) 3 499 + 1 104 : 23 − 75
456 × (87 + 95)	10 000 − 986 : 34 × 290
357 × (315 − 137)	(162 000 − 216 × 750) × 816 : 4

uongxua.vn

3. Ở một hội thi bồ câu đưa thư, con chim đạt giải nhất đã bay liền trong 3 giờ 20 phút từ điểm xuất phát tới đích, mỗi giờ bay được 75km. Hỏi quãng đường chim bay được trong hội thi đó là bao nhiêu kilômet ?

4. Lớp 4E nhận chăm sóc 180 cây trồng ở ba khu vực. Số cây ở khu vực hai gấp 2 lần số cây ở khu vực một ; số cây ở khu vực một bằng $\frac{1}{3}$ số cây ở khu vực ba.

a) Tính số cây ở mỗi khu vực ;

b) Tính số học sinh chăm sóc cây, nếu mỗi học sinh được giao 5 cây.

5. Điền số thích hợp vào ô trống :

a) $\frac{15}{60} = \frac{\square}{20}$ $\quad$ $\frac{15}{60} = \frac{\square}{12}$ $\quad$ $\frac{15}{60} = \frac{\square}{4}$

b) $\frac{28}{84} = \frac{4}{\square}$ $\quad$ $\frac{28}{84} = \frac{7}{\square}$ $\quad$ $\frac{28}{84} = \frac{1}{\square}$

6. Chọn trong các số 1, 3, 5, 7, 9 những số thích hợp để khi thay vào x thì có :

$$1414 \times x > 7070$$

3. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

thuongmaitr

● **Bài toán về tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó**

■ a) Tính nhẩm *(theo mẫu)* :

a	8	6	12
b	2	2	3
a – b	8 – 2 = 6		
a : b	8 : 2 = 4		
a gấp mấy lần b	4 lần		
b : a	$2 : 8 = \frac{1}{4}$		
b bằng 1 phần mấy của a	$\frac{1}{4}$		

a) *Bài toán 1:* Đoạn thẳng AB dài hơn đoạn thẳng CD là 9cm và dài gấp 4 lần đoạn thẳng CD. Tính độ dài của mỗi đoạn thẳng.

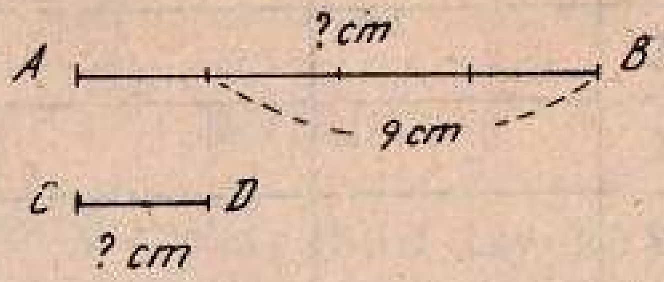

Bài giải

Coi độ dài của CD là 1 phần, thì độ dài của AB là 4 phần.

Vậy 9cm là độ dài của : 4 – 1 = 3 (phần).

Độ dài của đoạn thẳng CD là : 9 : 3 = 3(cm)

Độ dài của đoạn thẳng AB là : 3 × 4 = 12 (cm)

Đáp số : 12cm ; 3cm.

c) *Bài toán 2 :* Mai nuôi nhiều hơn Tân 4 con gà. Số gà của Mai gấp 3 lần số gà của Tân. Hỏi mỗi bạn nuôi mấy con gà ?

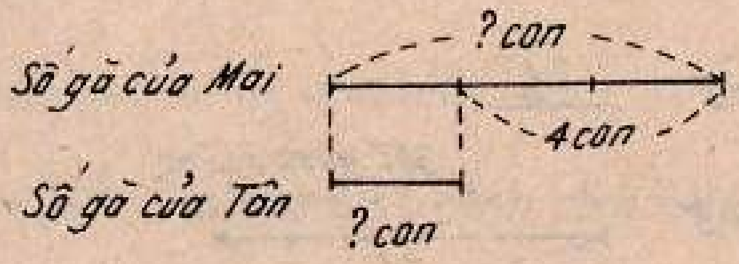

Bài giải

Coi số gà của Tân là 1 phần thì số gà của Mai là 3 phần.

Vậy 4 con gà (hiệu của hai số gà) gồm : 3 – 1 = 2 (phần)

Số gà của Tân là : 4 : 2 = 2 (con)

Số gà của Mai là : 2 × 3 = 6 (con)

Đáp số : 6 con gà ; 2 con gà.

▲ 1.

Cho hai số	Hiệu của hai số	Số lớn gấp mấy lần số bé	Hiệu gồm mấy lần số bé
10 và 2	10 - 2 = 8	10 : 2 = 5 (lần)	5 - 1 = 4 (lần)
15 và 5			
49 và 7			
72 và 12			

2. Mẹ hơn con 24 tuổi và tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con. Hãy tính tuổi mẹ, tuổi con.

3. Một người mua gạo nhiều hơn ngô là 32 kg. Hỏi người ấy mua bao nhiêu kilôgam mỗi loại, biết rằng khối lượng gạo gấp 5 lần khối lượng ngô ?

4. Mỗi giờ xe ôtô chạy nhanh hơn xe đạp 45km. Biết rằng xe ôtô chạy nhanh gấp 4 lần xe đạp. Hỏi mỗi xe chạy được bao nhiêu kilômet trong một giờ ?

5. Đặt đề toán theo sơ đồ rồi giải bài toán đó.

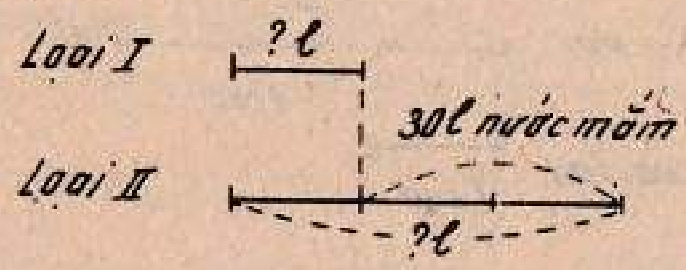

● Bài toán về tìm hai số biết hiệu và tỉ số của hai số đó *(tiếp theo)*

■ *Bài toán :* Một vườn cây có số cây bưởi ít hơn số cây táo là 20 cây. Cho biết số cây bưởi bằng $\frac{1}{3}$ số cây táo. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu cây ?

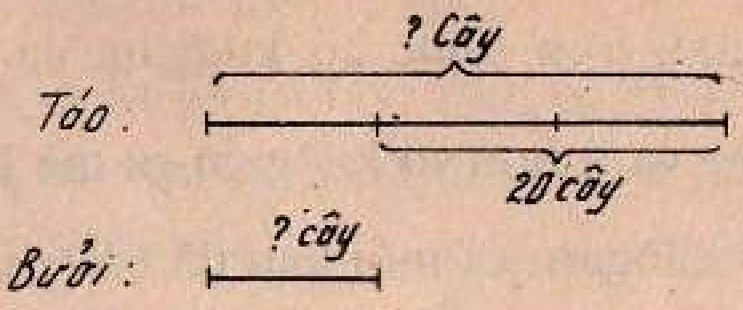

Bài giải

Coi số cây bưởi là 1 phần thì số cây táo là 3 phần.

Vậy hiệu của số cây táo và số cây bưởi gồm :

$3 - 1 = 2$ (phần)

Số cây bưởi là : $20 : 2 = 10$ (cây)

Số cây táo là : $10 \times 3 = 30$ (cây)

Đáp số : 10 cây bưởi ; 30 cây táo.

truongxua.vn

▲ **1.** Một cửa hàng có số mét vải xanh bằng $\frac{1}{4}$ số mét vải hoa và ít hơn vải hoa là 540m. Tính số mét vải mỗi loại của cửa hàng đó.

2. Một hình chữ nhật có chiều rộng kém chiều dài 60m và bằng $\frac{1}{6}$ chiều dài. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

3. Tuổi của gấu bằng $\frac{1}{4}$ tuổi của voi. Hãy tính xem voi, gấu sống được bao nhiêu năm, biết rằng voi sống lâu hơn gấu 150 năm ?

4. Cha hơn con 24 tuổi. Tính tuổi hiện nay của mỗi người, biết rằng 3 năm nữa thì tuổi con sẽ bằng $\frac{1}{5}$ tuổi cha.

5. Một người bán được số kilôgam cá trắm bằng $\frac{1}{3}$ số kilôgam cá mè và ít hơn số kilôgam cá mè là 136 kg.

a) Tính số kilôgam cá mỗi loại đã bán được ;

b) Tính số tiền bán cá thu được, biết rằng mỗi kilôgam cá mè giá 3500 đồng, mỗi kilôgam cá trắm giá 7500 đồng.

● Luyện tập

▲ 1.

a	60	60	36	72
b	20	15	12	18
a – b	60 – 20 = 40			
a : b	60 : 20 = 3			
b : a	20 : 60 = $\frac{1}{3}$			

thuongmaitr

2. Nhà trường mới nhận một số sách Tiếng Việt và sách Toán, trong đó sách Tiếng Việt nhiều hơn sách Toán là 320 quyển và số sách Toán bằng $\frac{1}{5}$ số sách Tiếng Việt. Hỏi nhà trường nhận tất cả bao nhiêu quyển sách Tiếng Việt và Toán ?

3. Mẹ mua cho Mai một cái bảng và một cái cặp. Giá tiền cặp gấp 20 lần giá tiền bảng, nên mẹ phải trả tiền cặp nhiều hơn tiền bảng là 15200 đồng. Hãy tính giá tiền mỗi thứ.

4. Số học sinh của trường Đoàn Kết bằng $\frac{1}{4}$ số học sinh của trường Bình Minh và số học sinh của trường Bình Minh đông hơn của trường Đoàn Kết là 1 845 học sinh.

a) Tính số học sinh của mỗi trường.

b) Ở trường Bình Minh số học sinh trai đông gấp đôi số học sinh gái. Hỏi trường Bình Minh có bao nhiêu học sinh gái, bao nhiêu học sinh trai ?

5. Cha hơn con 36 tuổi. Tính tuổi cha, tuổi con hiện nay, biết rằng 5 năm trước đây, tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi cha.

6. Hai số có tích là 630. Nếu thêm 4 đơn vị vào một thừa số thì tích mới sẽ là 798. Tìm hai số đó.

● Luyện tập chung

▲ **1.** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi bằng 160m và chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích của mảnh vườn đó.

ruongxua.vn

2. Bạn Nghĩa chạy 2 phút, mỗi phút được 120m ; sau đó chạy tiếp 3 phút, mỗi phút được 100m. Hỏi trung bình mỗi phút bạn Nghĩa chạy được bao nhiêu mét ?

3. Có hai sợi dây, sợi thứ nhất dài hơn sợi thứ hai 54m. Nếu cắt đi 12m ở mỗi sợi thì phần còn lại của sợi thứ nhất gấp 4 lần phần còn lại của sợi thứ hai. Tính chiều dài của mỗi sợi dây khi chưa bị cắt.

4. Tìm x :

$x \times 28 = 312 \times 14$ $\qquad$ $x : 236 = 142 + 365$

$x \times 56 = 201 \times 112$ $\qquad$ $4\,032 : x = 252 : 9$

5. Tìm số tự nhiên n bé nhất để :

a) $15 \times n > 40$ $\qquad$ b) $20 \times n > 90$

6. Tính giá trị biểu thức :

a) 62 100 – 612 × 57 : 153 ; (31 850 – 50 × 365) : 32 – 365 ;

b) 489 + 1495 : 23 + 1440 ; (21 189 – 317 × 40) + 168× 4

7. Điền chữ số thích hợp vào dấu * :

```
 *2*50 | 325
 ***   |-----
------ | 1**
 201*
 ****
-----
   ***
   ***
   ---
   ***
```

4. TOÁN VỀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN VÀ TỈ LỆ NGHỊCH

thuongmaitr

● **Ví dụ về đại lượng tỉ lệ thuận**

■ a) *Ví dụ 1*

Một người đi bộ trung bình mỗi giờ đi được 4km. Thời gian đi và quãng đường đi được như bảng sau :

Thời gian đi	1 giờ	2 giờ	4 giờ	3 giờ
Quãng đường đi được	4 km	8 km	16 km	12 km

Ta nhận thấy :

Khi thời gian đi tăng lên bao nhiêu lần thì quãng đường đi được cũng tăng lên bấy nhiêu lần.

Ngược lại, khi thời gian đi giảm xuống bao nhiêu lần thì quãng đường đi được cũng giảm xuống bấy nhiêu lần.

Ta nói rằng : *Thời gian và quãng đường đi được là hai đại lượng tỉ lệ thuận.*

b) *Ví dụ 2*

Mỗi kilôgam gạo giá 2000 đồng. Khối lượng gạo và số tiền gạo được ghi như bảng sau :

Khối lượng gạo (kg)	1kg	10kg	5kg	20kg
Số tiền gạo (đồng)	2 000đ	20 000đ	10 000đ	40 000đ

Khi khối lượng gạo tăng lên (hay giảm xuống) bao nhiêu lần thì số tiền gạo cũng tăng lên (hay giảm xuống) bấy nhiêu lần.

ruongxua.vn

Nói chung, khi giá tiền hàng không thay đổi thì *số lượng hàng và số tiền hàng là hai đại lượng tỉ lệ thuận.*

▲ **1.** Trong mỗi bao đều có 10kg gạo. Điền số kilôgam gạo vào mỗi ô trong bảng sau :

Số bao gạo	3 bao	6 bao	9 bao	12 bao	4 bao
Số kilôgam gạo	30kg				

Có thể nói số kilôgam gạo và số bao gạo là hai đại lượng tỉ lệ thuận không ? Tại sao ?

2. Điền chu vi hình vuông vào mỗi ô trong bảng sau :

Cạnh hình vuông	1m	2m	3m	8m	4m
Chu vi hình vuông	4m				

Có thể nói chu vi hình vuông và cạnh của nó là hai đại lượng tỉ lệ thuận không ? Tại sao ?

3. Mỗi học sinh giỏi được thưởng 5 quyển vở. Tính số quyển vở thưởng cho 2 học sinh giỏi, 3 học sinh giỏi, 4 học sinh giỏi.

Có thể nói số học sinh giỏi và số quyển vở được thưởng là hai đại lượng tỉ lệ thuận không ? Tại sao ?

4. Mỗi học sinh trồng được 2 cây. Tính số cây trồng được của 5 học sinh, 10 học sinh, 15 học sinh.

Số học sinh trồng cây và số cây trồng được là hai đại lượng tỉ lệ thuận, vì sao ?

● Bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận

■ *Bài toán :* Một người đi bộ trong 4 giờ đi được 16km. Hỏi trong 3 giờ người đó đi được bao nhiêu kilômet ?

Tóm tắt

4 giờ : 16 km
3 giờ : ? km

Bài giải

Trong 1 giờ người đó đi được :
16 : 4 = 4 (km) (*)

Trong 3 giờ người đó đi được :
4 × 3 = 12 (km)

Đáp số : 12km.

(*) Bước này là bước *rút về đơn vị.*

▲ **1.** Mua 3 m vải hết 16 500 đồng. Hỏi mua 7m vải đó hết bao nhiêu tiền ?

2. Có 4 thùng như nhau đựng 36*l* mật ong. Hỏi 7 thùng như thế đựng bao nhiêu lít mật ong ?

3. Một đội 12 học sinh trồng được 48 cây. Hỏi theo mức đó một lớp gồm 45 học sinh trồng được bao nhiêu cây ?

4. May 24 cái quần như nhau hết 48m vải. Hỏi may 75 cái quần cùng loại đó cần có bao nhiêu mét vải ?

5. Đặt đề toán theo "Tóm tắt" rồi giải bài toán.

Tóm tắt : 2 người ăn : 500g gạo
5 người ăn : ? g gạo

● Bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận *(tiếp theo)*

■ *Bài toán :* Trong một giờ, 2 công nhân đào được 7m rãnh để đặt ống nước. Hỏi với mức đào như vậy, trong một giờ 6 công nhân đào được bao nhiêu mét rãnh ?

Tóm tắt

2 công nhân : 7m
6 công nhân : ?m

Bài giải

6 người so với 2 người thì gấp
$6 : 2 = 3$ (lần)(*)

6 công nhân đào được :
$7 \times 3 = 21$ (m)

Đáp số : 21m

(*) Bước này là bước *tìm tỉ số.*

▲ **1.** Muốn đóng 5 bộ bàn ghế trong một ngày, cần 9 người thợ mộc. Hỏi với mức đó, muốn đóng 10 bộ bàn ghế như thế trong một ngày phải cần bao nhiêu người thợ mộc ?

2. Dệt 1 tá khăn mặt hết 530 g sợi. Hỏi dệt 60 chiếc khăn như thế cần có bao nhiêu gam sợi ?

3. Sửa 8m đường trong một buổi, cần 3 người. Hỏi muốn sửa 40m đường với mức đó trong một buổi thì cần bao nhiêu người ?

truongxua.vn

4. Đặt đề toán theo "Tóm tắt" rồi giải bài toán.

Tóm tắt : 4 giờ : 8m
8 giờ : ? m

5. 8 ô tô có trọng tải như nhau chở được 24 tấn xi măng. Hai đoàn ôtô, một đoàn gồm 7 cái, một đoàn gồm 9 cái có cùng trọng tải như vậy. Hỏi hai đoàn đó chở được tất cả bao nhiêu tấn xi măng ? (trọng tải : sức chở).

● **Luyện tập**

▲ 1. Dân số nước ta là 70 triệu (số liệu năm 1993).

a) Với mức tăng hàng năm là cứ 1 000 người thì tăng thêm 21 người, hãy tính xem mỗi năm dân số nước ta tăng thêm bao nhiêu người ?

b) Nếu hạ mức tăng hàng năm xuống, cứ 1 000 người chỉ tăng thêm 17 người, thì mỗi năm dân số nước ta tăng thêm bao nhiêu người ?

2. Hãy tính xem trong 1 phút, 1 giờ, 1 ngày, 1 năm có bao nhiêu em bé ra đời, nếu :

a) Trung bình cứ 20 giây có 1 em bé ra đời ;

b) Trung bình cứ 30 giây có 1 em bé ra đời.

3. Chở 24 tấn hàng cần 8 ô tô. Hỏi chở 36 tấn hàng, cần bao nhiêu ôtô như thế ?

4. Sửa 12m đường trong một ngày, cần 4 công nhân. Hỏi sửa 18m đường với mức đó trong một ngày, cần bao nhiêu công nhân ?

5. Mỗi học sinh được mượn một số sách như nhau. Lớp 4A có 45 học sinh được mượn 90 quyển sách. Lớp 4B có 43 học

sinh và lớp 4C có 47 học sinh. Hỏi cả hai lớp 4B và 4C được mượn bao nhiêu quyển sách ?

6. Một trường có 456 nam sinh và cứ 3 nam sinh thì có 2 nữ sinh. Hỏi trường đó có tất cả bao nhiêu học sinh ?

● Ví dụ về đại lượng tỉ lệ nghịch

■ a) Ví dụ 1

Có 20kg gạo đem đóng bao. Số kilôgam gạo ở mỗi bao và số bao gạo đóng được nêu trong bảng sau :

Số kilôgam gạo ở mỗi bao	1kg	5kg	20kg	10kg
Số bao gạo	20 bao	4 bao	1 bao	2 bao

ruongxua.vn

Ta nhận thấy :

– Khi số kilôgam gạo ở mỗi bao *tăng lên* bao nhiêu lần thì số bao gạo đóng được lại *giảm đi* bấy nhiêu lần.

– Khi số kilôgam gạo ở mỗi bao *giảm đi* bao nhiêu lần thì số bao gạo đóng được lại *tăng lên* bấy nhiêu lần.

Ta nói rằng : *Khi số lượng gạo không đổi, số kilôgam gạo ở mỗi bao và số bao gạo đóng được là hai đại lượng tỉ lệ nghịch.*

b) Ví dụ 2

Có một số tiền không đổi là 20 000 đồng để mua vải.

Giá tiền 1m vải và số mét vải mua được như bảng sau :

Giá tiền 1m vải	10 000đ	20 000đ	5 000đ	2 500đ
Số mét vải mua được	2m	1m	4m	8m

Khi giá tiền 1m vải tăng lên (hay giảm xuống) bao nhiêu lần thì số mét vải mua được lại giảm xuống (hay tăng lên) bấy nhiêu lần.

Nói chung, với một số tiền không thay đổi thì *số lượng hàng mua được và giá hàng là hai đại lượng tỉ lệ nghịch.*

▲ **1.** Điền số giờ để đi được 40km vào bảng :

Mỗi giờ đi	4km	8km	40km	20km
Số giờ để đi 40km	10 giờ			

Có thể nói số kilômet đi được trong mỗi giờ và số giờ để đi hết quãng đường đó là hai đại lượng tỉ lệ nghịch không ? Tại sao ?

2. Một người 1 giờ đắp được 1m đường. Muốn đắp được 8m đường, người đó phải mất mấy giờ ?

– 2 người với sức đắp như vậy, phải mất mấy giờ ?

– 4 người với sức đắp như vậy, phải mất mấy giờ ?

Có thể nói số người đắp quãng đường đó và số giờ để đắp xong quãng đường đó là hai đại lượng tỉ lệ nghịch không ? Tại sao ?

3. Có 20kg gạo. Nếu mỗi ngày ăn 2kg gạo thì ăn được trong bao nhiêu ngày ? Nếu mỗi ngày ăn 4 kg gạo thì ăn được trong mấy ngày ?

Có thể nói số kilôgam gạo ăn trong mỗi ngày và số ngày ăn hết 20kg gạo là hai đại lượng tỉ lệ nghịch không ? Tại sao ?

4. Biết chu vi của hình chữ nhật là 40m, điền chiều dài của hình chữ nhật vào bảng :

thuongmaitu

Chiều rộng	2m	4m	6m	8m
Chiều dài	18m			

Khi chu vi của hình chữ nhật không thay đổi, tại sao không thể nói chiều dài và chiều rộng của hình đó tỉ lệ thuận, hoặc tỉ lệ nghịch ?

● Bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch

■ *Bài toán :* Muốn đắp xong một nền nhà trong 4 ngày, cần có 6 người. Muốn đắp xong nền nhà đó trong 3 ngày thì cần bao nhiêu người (sức đắp như nhau) ?

Tóm tắt

4 ngày : 6 người

3 ngày : ? người

uongxua.vn

Bài giải

Muốn đắp xong trong 1 ngày, cần :

6 × 4 = 24 (người) (*)

Muốn đắp xong trong 3 ngày, cần :

24 : 3 = 8 (người)

Đáp số : 8 người

(*) Bước này gọi là bước *rút về đơn vị.*

▲ **1.** Đem gạo trong thùng đóng vào bao. Nếu đóng mỗi bao 5kg gạo thì được 6 bao. Hỏi đóng mỗi bao 3kg gạo thì được bao nhiêu bao ?

2. 14 người làm xong một con đường trong 5 ngày. Hỏi 35 người làm xong con đường ấy trong bao nhiêu ngày (sức làm như nhau) ?

3. 3 máy bơm cùng hút hết nước ở một cái hồ trong 4 giờ. Có 4 máy bơm như thế cùng hút hết nước ở một hồ như trên thì mất mấy giờ ?

4. Một xưởng đúc mỗi ngày đốt hết 720kg than thì số than dự trữ đủ dùng trong 40 ngày. Xưởng đó cải tiến lò, mỗi ngày chỉ đốt hết 640kg than thì số than dự trữ đó đủ dùng trong bao nhiêu ngày ?

5. Đặt đề toán theo "Tóm tắt" rồi giải bài toán.

Tóm tắt : 2 người ăn : 10 ngày hết gạo

5 người ăn : ? ngày hết gạo

● Bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch *(tiếp theo)*

■ *Bài toán :* Một người đi hết một quãng đường đã định, nếu mỗi giờ đi 12km thì mất 6 giờ. Nếu đi bằng ôtô, mỗi giờ đi được 36km thì hết mấy giờ ?

Tóm tắt

Mỗi giờ 12km : 6 giờ

Mỗi giờ 36km : ? giờ

Bài giải

36km so với 12km thì gấp :

36 : 12 = 3 (lần) (*)

Mỗi giờ đi 36km thì số giờ cần thiết để đi hết quãng đường đã định là :

6 : 3 = 2 (giờ)

Đáp số : 2 giờ.

(*) Bước này là bước *tìm tỉ số.*

▲ **1.** Một đội thủy lợi 36 người đắp xong một quãng đê trong 3 ngày. Nếu đội chỉ có 18 người thì đắp xong quãng đê đó trong mấy ngày ?

2. Một bếp ăn dự trữ gạo đủ cho 120 người ăn trong 15 ngày. Nếu chỉ có 40 người ăn thì số gạo dự trữ đó đủ dùng trong bao nhiêu ngày ?

3. May một vỏ chăn bông, nếu dùng vải khổ rộng 160cm thì hết 5m vải. Nếu dùng vải khổ 80cm thì hết bao nhiêu mét vải ?

4. Một gia đình có 2 vợ chồng, bình quân thu nhập hàng tháng là 300 000 đồng mỗi người. Nếu gia đình đó có thêm 2 con thì bình quân thu nhập hàng tháng của mỗi người là bao nhiêu (tổng số thu nhập không đổi) ?

5. Có một số tiền, nếu đong gạo đặc sản 3600 đồng một kilôgam thì được 12kg gạo. Nếu đong gạo thường, mỗi kilôgam 1800 đồng thì được bao nhiêu kilôgam gạo ?

uongxua.vn

● Luyện tập chung

▲ 1. Bếp ăn của một trường nội trú dự trữ gạo đủ cho 240 học sinh ăn 27 ngày. Có 30 học sinh đến thêm nữa. Hỏi số gạo trên đủ dùng trong bao nhiêu ngày ?

2. Một công trường dự trữ lương thực đủ cho 1200 người ăn 35 ngày. Có một số người đến thêm, nên số lương thực đó chỉ đủ dùng trong 25 ngày. Tính số người mới đến thêm.

3. 14 người trong một ngày đào được 35m mương. Có thêm 28 người nữa thì với mức đào như vậy, một ngày đào được tất cả bao nhiêu mét mương ?

4. Một công nhân mỗi ca dệt được 120m vải khi đứng 8 máy dệt. Nay mỗi ca dệt được 180m vải do đứng thêm một số máy nữa. Tính số máy người đó mới đứng thêm.

5. Một người đi từ A đến B bằng xe đạp, mỗi giờ được 10km. Lượt về, người đó đi xe ô tô, mỗi giờ đi được 30km. Thời gian cả đi lẫn về là 8 giờ (không kể thời gian nghỉ ở B). Tính quãng đường AB.

6. Có một số can, mỗi can có 9 lít dầu hỏa. Đem số dầu hỏa đó rót sang can nhỏ, mỗi can chứa được 3 lít, thì số can 3 lít nhiều hơn số can 9 lít là 10 cái. Hỏi có tất cả bao nhiêu lít dầu hỏa ?

thuongmait

Chương năm

ÔN TẬP CUỐI NĂM

1. ÔN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN

● **Dãy số tự nhiên**

■ a) 0, 1, 2, 31, 43, 56 là các số tự nhiên.

– Dãy các số 0, 1, 2, 3, ..., 8, 9, 10, 11... là dãy số tự nhiên.

Trong dãy số tự nhiên :

– Số 0 là số bé nhất ;

– Hai số liên tiếp hơn (hoặc kém) nhau 1 đơn vị ;

ruongxua.vn

– Không có số tự nhiên nào là lớn nhất.

b) Có thể biểu diễn các số tự nhiên trên tia số :

Số 0 ứng với điểm gốc của tia. Kéo dài mãi tia số, ta được các điểm biểu thị các số càng lớn.

▲ **1.** a) Viết dãy các số chẵn ; số chẵn bé nhất là số nào ? Viết dãy các số lẻ ; số lẻ bé nhất là số nào ?

b) Hai số chẵn (hoặc lẻ) liên tiếp nhau thì hơn hoặc kém nhau mấy đơn vị ?

c) Giữa hai số chẵn liên tiếp có một số tự nhiên là số chẵn hay lẻ ?

Giữa hai số lẻ liên tiếp có một số tự nhiên là số lẻ hay chẵn ?

d) Có hay không có số chẵn (hoặc số lẻ) lớn nhất ?

2. Viết vào chỗ chấm để được ba số tự nhiên liên tiếp :

6 ; ... ; ...	...; 26 ; ...	... ; ... ; 56
99 ; ... ; ...	... ; 999 ; ...	... ; ... ; 10000

3. Viết vào chỗ chấm để được :

a) Ba số chẵn liên tiếp	b) Ba số lẻ liên tiếp
6 ; ... ; ...	99 ; ... ; ...
... ; 26 ; ...	... ; 999 ; ...
... ; ... ; 10000	... ; ... ; 10001

4. Tìm x, biết x là số tự nhiên và :

a) $x < 5$ b) $3 < x < 5$ c) $9 < x < 10$

5. Tìm x, biết x là số chẵn và :

a) $x < 5$ b) $3 < x < 5$

6. Tìm x, biết x là số lẻ và :

a) $x < 5$ b) $3 < x < 5$

thuongmait

● Viết và đọc số tự nhiên trong hệ thập phân

■ a) 10 đơn vị = 1 chục ; 10 chục = 1 trăm ; 10 trăm = 1 nghìn ; ...

- Trong hệ thập phân, cứ mười đơn vị ở một hàng nào đó lập thành một đơn vị ở hàng liền trước nó.

Do đó, hai đơn vị ở hai hàng liền nhau gấp hoặc kém nhau mười lần.

b) Ta dùng mười chữ số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 để viết số trong hệ thập phân.

Giá trị của số được xác định do bản thân các chữ số viết nên số đó và do vị trí của mỗi chữ số trong số đã viết.

19 = 10 + 9 ; 91 = 90 + 1 ; 111 = 100 + 10 + 1

c) Để đọc số tự nhiên có nhiều chữ số, ta tách số đó thành từng lớp, từ lớp đơn vị đến lớp nghìn rồi lớp triệu. Ta đọc số trong mỗi lớp, từ lớp cao đến lớp thấp.

327 đọc là "ba trăm hai mươi bảy"

160 đọc là "một trăm sáu mươi"

805 đọc là "tám trăm linh năm"

327 160 805 đọc là "ba trăm hai mươi bảy *triệu* một trăm sáu mươi *nghìn* tám trăm linh năm".

▲ **1.** Viết theo mẫu :

Số gồm có	Viết số	Đọc số
3 trăm, 6 chục và 5 đơn vị	365	Ba trăm sáu mươi lăm
3 nghìn, 6 trăm và 5 chục		
3 nghìn, 6 trăm và 5 đơn vị		
3 triệu, 6 nghìn và 5 đơn vị		
3 triệu, 6 chục nghìn và 5 trăm		

truongxua.vn

2. Viết mỗi số sau dưới dạng tổng :

6 853 ; 71 803 ; 718 530 ; 1 400 082.

Theo mẫu : 7 000 021 = 7 000 000 + 20 + 1.

3. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số	95	1945	1789	1 935 467
Giá trị của chữ số 9				

Số	305	350	503	5 307 729
Giá trị của chữ số 5				.

4. Điền số thích hợp vào ô trống :

	Có 1 chữ số	Có 3 chữ số	Có 6 chữ số
Số bé nhất	0		
Số lớn nhất	9		

● So sánh các số tự nhiên

▲ **1.** a) Cho tia số và điểm M biểu thị số 6 :

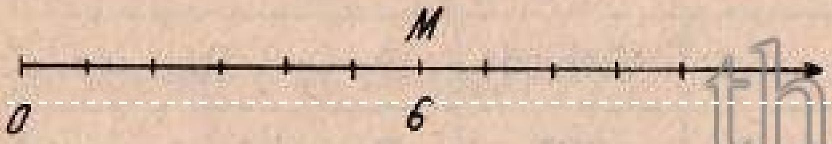

thuongmaitr

– Nếu a < 6 thì điểm biểu thị số a ở phía nào của điểm M ?

– Nếu 6 < b thì điểm biểu thị số b ở phía nào của điểm M ?

b) Điền dấu thích hợp (<, =, >) vào ô trống :

Nếu a < b và b < c thì a ☐ c.

2. < = > ?

1 000 000	☐	999 999	12 345	☐	23 451
1+1+1+1+1	☐	9+9	12 345	☐	13 452
111 111	☐	99 999	12 345	☐	12 453

3. Xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn :

a) 9 876,   8 976,   8 967 ;

b) 3 579,   9 573,   3 759.

4. Xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé :

a) 1 001, 1 100, 1 010

b) 2 468, 8 462, 2 648.

5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

7 360 = 736 × ...	1 350 : ... = 135
35 100 = ... × 351	24 600 : ... = 246
249 000 = ... × 1000	759 000 : ... = 759

6. Điền số thích hợp vào ô trống :

□ < 2	95 < □ < 98
3 > □	1 000 > □ > 998

● **Luyện tập**

▲ **1.** Cho các số : 5, 10, 15, 20, 25.

– Có tất cả mấy số ?

– Kể từ trái sang phải : số thứ nhất là số nào ? Số thứ năm là số nào ?

2. Ngôi nhà có 5 tầng. Người ta đánh số thứ tự các tầng từ tầng dưới cùng đến tầng trên cùng : tầng 1, tầng 2, ...

a) Tầng cao nhất của ngôi nhà là tầng nào ?

b) Tầng thấp nhất của ngôi nhà là tầng nào ?

3. Học sinh lớp 4A xếp hàng chào cờ : 9 hàng đầu, mỗi hàng có 4 bạn ; hàng cuối cùng có 3 bạn.

a) Lớp 4A xếp được tất cả mấy hàng ? Có tất cả bao nhiêu học sinh ?

b) Học sinh ở 5 hàng đầu đi trồng cây. Học sinh ở 5 hàng cuối làm vườn trường. Tính số bạn đi trồng cây, số bạn làm vườn trường.

4. a) Có bao nhiêu số tự nhiên có một chữ số ? Số lớn nhất có một chữ số là số nào ? Số này đứng thứ mấy trong dãy số tự nhiên ?

b) Có bao nhiêu số tự nhiên có hai chữ số ? Số lớn nhất có hai chữ số là số nào ? Số này đứng thứ mấy trong dãy số tự nhiên ?

5. a) Hai mươi thế kỉ bằng bao nhiêu năm ?

b) Năm 1994 thuộc thế kỉ thứ mấy ? Hết năm 1994, đã có bao nhiêu năm của thế kỉ XX trôi qua ? Còn mấy năm nữa thì bước vào thế kỉ XXI ?

6. Biết x là số tự nhiên đứng sau số 1994 và đứng trước số 2000 trong dãy số tự nhiên. Vậy x có thể là những số nào ?

● Luyện tập chung

thuongmaitr

▲ 1. a) Vẽ tia số, mỗi đoạn thẳng 2cm biểu thị 1 đơn vị.

b) Biểu diễn các số 1, 2, 3, 4, $\frac{1}{2}$, $\frac{1}{4}$, $\frac{3}{4}$ trên tia số.

c) Trong các số trên, những số nào là số tự nhiên ?

2. Chọn các cặp hai số thích hợp để điền vào ô trống sao cho :

$$10 = \square + \square$$

a) Có tất cả mấy cặp số như vậy ? (7 và 3, 3 và 7 chỉ coi là một cặp số).

b) Trong đó có mấy cặp hai số chẵn ? Mấy cặp hai số lẻ ?

3. a) Tìm ba số tự nhiên liền nhau có tổng là 48 ;

b) Tìm ba số chẵn liền nhau có tổng là 48 ;

c) Tìm ba số lẻ liền nhau có tổng là 99.

4. a) Với ba chữ số 3, 4, 5 hãy viết những số có ba chữ số (không lặp lại cùng một chữ số). Có thể viết được bao nhiêu số như vậy ?

b) Cũng giải bài tập như phần a), nhưng với ba chữ số 0, 2, 4.

5. Cho số có hai chữ số, chữ số hàng chục nhỏ hơn chữ số hàng đơn vị. Đổi chỗ hai chữ số của số đó, được số mới. Hiệu của số mới và số đã cho gấp 9 lần hiệu của hai chữ số của số đó.

Em hãy lấy vài thí dụ để thử xem điều trên đây có đúng không ?

Ví dụ : 39 và 93 ; 93 – 39 = 54 ; 9 – 3 = 6

54 = 6 × 9

2. ÔN TẬP VỀ ĐO LƯỜNG

ruongxua.vn

● Đo độ dài

▲ **1.** a) Điền cho đầy đủ *bảng đơn vị đo độ dài* sau :

Lớn hơn mét			mét	Nhỏ hơn mét		
			m			
			1m = 10dm $=\frac{1}{10}$dam			

b) Hai đơn vị đo độ dài liền nhau thì gấp (hoặc kém) nhau bao nhiêu lần ?

Khi viết số đo độ dài, mỗi hàng đơn vị đo độ dài ứng với mấy chữ số ?

2. a) 15cm = 150mm $\qquad \frac{1}{2}$ dm = 5cm

32dm = ... mm $\qquad \frac{1}{2}$ m = ...mm

200m = ... mm $\qquad \frac{1}{2}$ km = ...m

b) 3 000m = ... km $\qquad$ 1m = $\frac{1}{\dots}$ km

12 000m = ... km $\qquad$ 1cm = $\frac{1}{\dots}$ m

3 500cm = ... m

3. a) 5km 35m = 5 035m $\qquad$ 4m5cm = ... cm

5cm 3mm = ... mm $\qquad$ 3km 50m = ... m

8m 12cm = ... cm $\qquad$ 4m 5 mm = ... mm

b) 1 032m = 1km 32m $\qquad$ 805cm = ...m ...cm

1 234m = ...km ...m $\qquad$ 2 430 mm = ...m ...cm

3 040m = ...km ...m $\qquad$ 5 040mm = ...m...cm

4.
 <
 = ?
 >

2km 5m ☐ 925m $\qquad$ 500m ☐ $\frac{1}{2}$ km

1m 6cm ☐ 160cm $\qquad$ 5hm ☐ $\frac{1}{4}$ km

5. Hai xã A và B cùng sửa một quãng đê dài 2km. Xã A sửa được 875m, xã B sửa được ít hơn xã A 55m. Hỏi cả hai xã còn phải sửa bao nhiêu mét đê nữa ?

6. Dùng thước có vạch chia đến milimet đo chiều dài và chiều rộng quyển Toán 4.

● Đo khối lượng

▲ **1.** a) Điền cho đầy đủ *bảng đơn vị đo khối lượng* sau :

Lớn hơn kilôgam			kilôgam	Nhỏ hơn kilôgam		
			kg			
			1kg = 10hg $=\frac{1}{10}$yến			

b) Hai đơn vị đo khối lượng liền nhau thì gấp (hoặc kém) nhau bao nhiêu lần ?

Khi viết số đo khối lượng, mỗi hàng đơn vị đo khối lượng ứng với mấy chữ số ?

tuongxua.vn

2. a) 5kg = 5 000g — $\frac{1}{2}$ tấn = ... kg

32 tấn = ... kg — $\frac{1}{2}$ tạ = ... kg

200 tạ = ... kg — $\frac{1}{2}$ kg = ... g

b) 40 tạ = 4 tấn — $1g = \frac{1}{1\,000}kg$

130 tạ = ... tấn — $1kg = \frac{1}{...}$ tạ

5 000 kg = ... tấn — $1kg = \frac{1}{...}$ tấn

3. a) 5kg 35g = 5 035g — 3kg 25g = ...g

1kg 234g = ... g — 4 tấn 25kg = ... kg

1kg 405g = ... g — 5tạ 5kg = ...kg

b) 1 032kg = 1 tấn 32kg

1 230kg = ... tấn...kg

5 890kg = ...tạ...kg

7 050kg = ...tấn...kg

2 345g = ...kg ...g

534g = ...hg...g

2 390g = ...kg...g

2 500g = ...kg...hg

4. < = > ?

2kg 3hg □ 2 300g

1tạ 50kg □ 15yến

2kg 5g □ 925g

100g □ $\frac{1}{4}$ kg

5. Cửa hàng lương thực có 4 tấn gạo và bột mì. Sau khi bán khối lượng gạo bằng khối lượng bột mì thì cửa hàng còn lại 1 700kg gạo và 1 000kg bột mì. Hỏi :

a) Cửa hàng đã bán ra tất cả bao nhiêu tạ gạo và bột mì ?

b) Trước khi bán, ở cửa hàng có bao nhiêu kilôgam mỗi thứ ?

thuongmait

● Đo diện tích

▲ **1.** a) Viết tên, kí hiệu, quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích đã học vào bảng sau :

Tên	Kí hiệu	Quan hệ giữa các đơn vị
1. Mét vuông	...	$1\ m^2 = ...\ dm^2 = ...\ cm^2$
2.	dm^2	$1\ dm^2 = ...\ cm^2 = ...\ mm^2$
3.	cm^2	$1\ cm^2 = ...\ mm^2$
4.	mm^2	$1mm^2 = \frac{1}{...}\ cm^2$

b) Trong các đơn vị đo diện tích đã học, hai đơn vị đo diện tích liền nhau thì gấp (hoặc kém) nhau bao nhiêu lần ?

Khi viết số đo diện tích, mỗi hàng đơn vị đo diện tích ứng với mấy chữ số ?

c) Trong các số đo diện tích sau, mỗi hàng đơn vị (cm^2, dm^2, m^2) ứng với các chữ số nào :

$654\ 321\ cm^2$ $\qquad$ $708\ 509\ cm^2$

2. a) $5\ m^2 = 50\ 000\ cm^2$ $\qquad$ $\frac{1}{2}\ dm^2 = 50\ cm^2$

$12\ m^2 = ...\ cm^2$ $\qquad$ $\frac{1}{2}\ m^2 = ...cm^2$

$105\ m^2 = ...dm^2$ $\qquad$ $\frac{1}{10}\ m^2 = ...dm^2$

$16\ dm^2 = ...cm^2$ $\qquad$ $\frac{1}{10}\ dm^2 = ...\ cm^2$

b) $700\ cm^2 = 7\ dm^2$ $\qquad$ $500\ dm^2 = ...m^2$

$800\ cm^2 = ...dm^2$ $\qquad$ $60\ 000\ cm^2 = ...m^2$

$1300\ dm^2 = ...\ m^2$ $\qquad$ $50\ 000\ cm^2 = ...m^2$

uongxua.vn

3. a) $5\ m^2\ 9\ dm^2 = 509\ dm^2$ $\qquad$ b) $5\ 308\ dm^2 = 53\ m^2\ 8\ dm^2$

$3\ m^2\ 19\ dm^2 = ...\ dm^2$ $\qquad$ $748\ dm^2 = ...\ m^2\ ...\ dm^2$

$7\ dm^2\ 25cm^2 = ...\ cm^2$ $\qquad$ $705\ cm^2 = ...\ dm^2 ...cm^2$

$8\ dm^2\ 5\ cm^2 = ...\ cm^2$ $\qquad$ $8\ 791\ dm^2 = ...m^2\ ...dm^2$

$9\ m^2\ 2\ dm^2 = ...\ dm^2$ $\qquad$ $2\ 005\ dm^2 = ...m^2 ...dm^2$

$8\ m^2\ 50cm^2 = ...\ cm^2$ $\qquad$ $50\ 075\ cm^2 = ...m^2 ...cm^2$

4. $<$; $=$; $>$?

$2\ m^2\ 5\ dm^2$ ☐ $25\ dm^2$; $\qquad$ $3\ m^2\ 99\ dm^2$ ☐ $4\ m^2$

$3\ dm^2\ 5\ cm^2$ ☐ $305\ cm^2$; $\qquad$ $65\ m^2$ ☐ $6\ 500\ dm^2$

5. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 64m và chiều rộng 25m. Trung bình cứ $100\ m^2$ ruộng đó thu hoạch

được 50 kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?

● Đo thời gian

▲ **1.** Kể tên các đơn vị đo thời gian từ lớn đến bé và điền các số thích hợp vào *bảng đơn vị đo thời gian* sau :

1 thế kỉ = ... năm 1 năm = ... tháng = ... (hay...) ngày 1 tháng = ...(hay...) ngày (tháng hai có ... hay ... ngày) 1 ngày = ... giờ	1 giờ = ... phút 1 phút = ... giây 1 giây = $\frac{1}{...}$ phút = $\frac{1}{...}$ giờ

2.

a) 1 giờ = ... phút　　1 phút = ... giây　　1 ngày = ... giờ

5 giờ = ... phút　　5 phút = ... giây　　3 ngày = ... giờ

$\frac{1}{2}$ giờ = ... phút　　$\frac{1}{2}$ phút = ... giây　　$\frac{1}{2}$ ngày = ... giờ

$\frac{1}{4}$ giờ = ... phút　　$\frac{1}{3}$ phút = ... giây　　$\frac{1}{3}$ ngày = ... giờ

b) 120 phút = ... giờ　　300 giây = ... phút　　48 giờ = ... ngày

180 phút = ... giờ　　240 giây = ... phút　　72 giờ = ... ngày

20 phút = $\frac{1}{...}$ giờ　　15 giây = $\frac{1}{...}$ phút　　6 giờ = $\frac{1}{...}$ ngày

3. a) 1 giờ 15 phút = ... phút　　1 phút 30 giây = ... giây

2 giờ 30 phút = ... phút　　2 phút 15 giây = ... giây

thuongmaitr

b) 72 phút = 1 giờ ... phút   75 giây = 1 phút ... giây
248 phút = ... giờ ... phút   200 giây = ... phút ... giây
500 phút = ... giờ ...phút   450 giây = ... phút ... giây

4. Đội thiếu niên đến thăm các chú bộ đội nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Cứ 15 phút, các bạn đi được 1 125m và đường dài 2 km 250m. Hỏi sau bao nhiêu phút thì tới nơi, biết rằng các bạn nghỉ 10 phút ở trên đường ?

5. Một máy tự động cứ 20 giây gói được 135 cái kẹo. Hỏi máy đó gói được bao nhiêu cái kẹo sau 1 phút, sau 1 giờ ?

3. ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH

truongxua.vn

● **Phép cộng**

■ a)

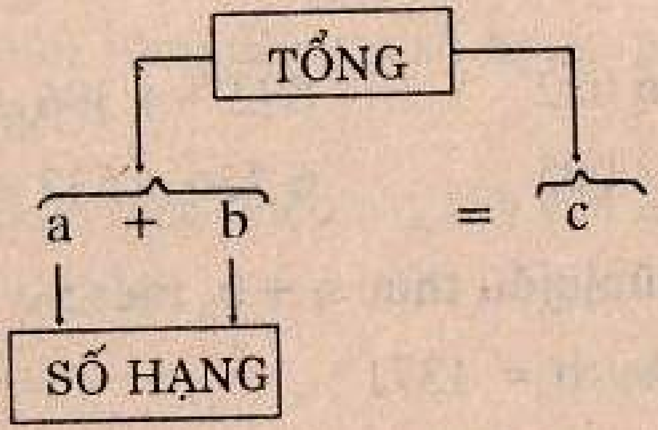

b) Tính chất giao hoán : $a + b = b + a$

Tính chất kết hợp : $(a + b) + c = a + (b + c)$

Cộng với số 0 : $a + 0 = 0 + a = a$

▲ 1. $\begin{array}{r} 6495 \\ +\ 2765 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 49835 \\ +\ 5609 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 16783 \\ +\ 59279 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 80591 \\ +\ 79436 \\ \hline \end{array}$

2. Tính nhẩm :

a)	7 + 7	3 + 6	4 + 7	5 + 6
	8 + 8	5 + 9	6 + 9	9 + 8
	9 + 9	6 + 7	8 + 5	2 + 8
b)	10 + 2	18 + 1	42 + 3	26 + 2
	10 + 0	14 + 4	50 + 9	77 + 1
	10 + 5	19 + 1	29 + 1	63 + 4

3. Tính nhanh :

a) 354 + 217 + 646 ;　　　555 + 117 + 883

b) 55 + 88 + 12 + 45 ;　　　196 + 379 + 4 + 21

4. Viết một phép cộng có tổng bằng một số hạng.

5. Tính tổng của các số khác số 0 và có một chữ số.

thuongmaitr

● Luyện tập

▲ **1.** 2 436 + 3 595 + 6 022　　　892 + 4 396 + 2 020

4 637 + 5 940 + 2 005　　　6 336 + 532 + 1 995

2. Tính giá trị số của biểu thức a + b, biết :

a) a = 269　và　b = 1371 ;

b) a = 548　và　b = 964.

3. a) Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số thì làm thế nào ?

b) Tìm số trung bình cộng của :

- 521 ; 286 ; 413 ; 828.
- 122 ; 879 ; 265 ; 900 ; 109.

4. Tính nhanh :

a) $636 + 259 + 41 + 64$; b) $396 + 405 + 575 + 595 + 604$

5. Xã A có 3 268 người. Xã B có nhiều hơn xã A 614 người, nhưng xã B lại có ít hơn xã C 185 người. Hỏi xã C có bao nhiêu người ?

6. Hãy tìm năm số liền nhau có tổng bằng 100.

● Phép trừ

■ a)

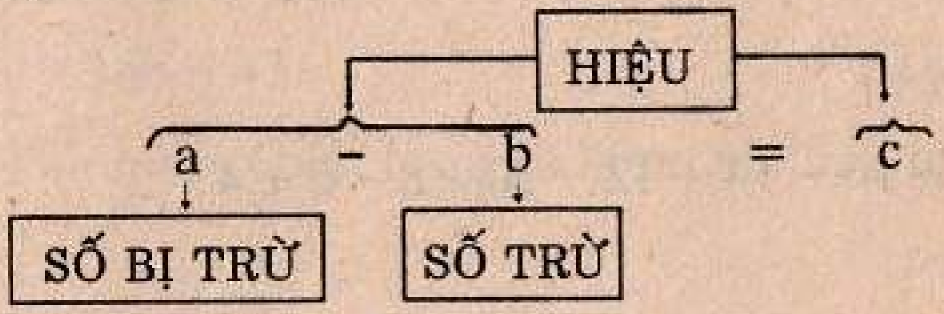

b) Số trừ bằng 0 : $a - 0 = a$

Số bị trừ bằng số trừ : $a - a = 0$

uongxua.vn

▲ **1.** a) Khi biết tổng và một số hạng, muốn tìm số hạng kia thì làm thế nào ?

b) Không thực hiện phép trừ, hãy viết ngay kết quả phép trừ :

$115 + 225 = 340$	$249 + 817 = 1\,066$
$340 - 115 =$	$1\,066 - 249 =$
$340 - 225 =$	$1\,066 - 817 =$

c) Tìm x :

$192 + x = 436$ $x + 212 = 400$

2. Tính rồi thử lại :

$$\begin{array}{r} 42594 \\ +\ 98675 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 6873 \\ -\ 3859 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 50800 \\ -\ 25256 \\ \hline \end{array}$$

3. Tính nhẩm :

a) 17 – 8   15 – 8   18 – 8   11 – 9

11 – 3   12 – 5   16 – 8   11 – 4

b) 19 – 10   25 – 4   99 – 8   16 – 4

18 – 12   38 – 6   57 – 4   36 – 4

4. Tính nhẩm :

618 – (59 – 50 – 9)   358 – (300 + 50 + 7)

245 – (200 + 40 + 5)   612 + 425 – 112

5. Tính nhanh :

20 – 18 + 16 – 14 + 12 – 10 + 8 – 6 + 4 – 2

● **Luyện tập**

thuongmaitr

▲ **1.** a) Khi biết hiệu và số trừ, muốn tìm số bị trừ thì làm thế nào ?

b) Tìm *x* :

$x - 1\,263 = 2\,548$; $x - 7\,235 = 2148$

c) Khi biết hiệu và số bị trừ, muốn tìm số trừ thì làm thế nào ?

d) Tìm y :

$4\,682 - y = 938$; $8\,263 - y = 4209$.

2.

a	1 185	3 526		3 658	4 050
b	239		1 534	1995	
a – b		1 378	6 385		964

3. a) Tính bằng ba cách khác nhau :

6 529 – (2 134 + 529)   5 894 – (894 + 2 005)

b) Điền vào chỗ chấm một chữ thích hợp :

$$a - (b + c) = a - b - \ldots$$
$$= a - c - \ldots$$

4. Một cửa hàng có 2 040 m vải. Tuần lễ đầu bán được 198m vải, tuần lễ thứ hai bán được nhiều gấp đôi tuần lễ đầu, tuần lễ thứ ba và tuần lễ thứ tư bán được một nửa số vải có lúc đầu. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu mét vải ?

5. Tính nhanh :

273 − 158 − 42 1057 − 457

6. Tìm hai số biết tổng và hiệu của chúng bằng nhau.

● Luyện tập chung

uongxua.vn

▲ **1.** $\begin{array}{r} 39\,572 \\ +\ 67\,496 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9\,603 \\ -\ 734 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 29\,841 \\ +\ 4\,698 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 5\,243 \\ -\ 4\,185 \\ \hline \end{array}$

2. Tính bằng phương pháp thuận tiện nhất :

62 + 34 + 28 + 46 366 − 155 + 255 − 166

219 + 85 + 31 + 15 542 + 397 + 103 − 242

3. Tìm hai số biết :

a) Tổng của chúng bằng 80 còn hiệu của chúng bằng 20.

b) Tổng của chúng bằng 256 và gấp đôi hiệu của chúng.

4. Một xí nghiệp, tháng sáu làm được 4 620 sản phẩm, như vậy đã làm được nhiều hơn tháng năm 360 sản phẩm và làm được ít hơn tháng tư 242 sản phẩm. Hỏi trong ba tháng đó xí nghiệp đã làm được bao nhiêu sản phẩm ?

5. a) Vẽ một hình chữ nhật ABCD có chiều rộng bằng 3cm, chiều dài bằng 4cm. Nối hai đỉnh A và C.

b) Đo độ dài đoạn thẳng AC của hình chữ nhật đó và viết kết quả phép đo.

6. Tìm x :

a) $4 - x > 3$ b) $x + x < 2$

● Phép nhân

■ a)

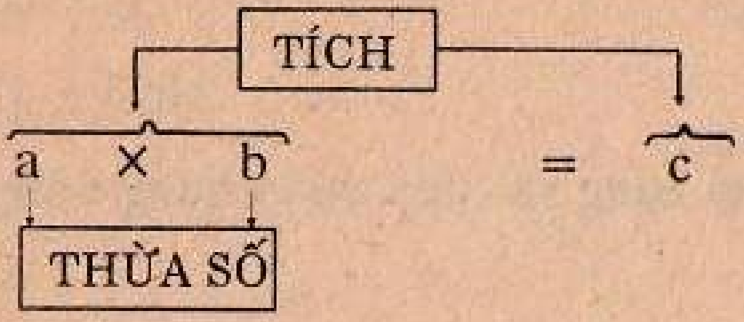

b) Tính chất giao hoán : $a \times b = b \times a$

Tính chất kết hợp : $(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$

Nhân với số 1 : $a \times 1 = 1 \times a = a$

Một tổng nhân với một số : $(a + b) \times c = a \times c + b \times c$

▲ **1.** Thay thế mỗi tổng bằng một phép nhân rồi tính nhẩm kết quả :

$2 + 2 + 2 + 2 + 2$ $12 + 12 + 12$

$0 + 0 + 0$ $30 + 30 + 30 + 30$

$1 + 1 + 1 + 1$ $101 + 101 + 101$

2. Tính nhẩm :

a) 3×8 5×4 3×5 8×5

4×9 3×3 2×9 6×7

7×7 6×8 4×4 5×9

thuongmaitr

b) 40 × 2 23 × 2 33 × 3 72 × 100
20 × 4 14 × 2 22 × 4 97 × 1 000
10 × 9 21 × 3 11 × 6 81 × 10 000

40 × 2	23 × 2	33 × 3	72 × 100
20 × 4	14 × 2	22 × 4	97 × 1 000
10 × 9	21 × 3	11 × 6	81 × 10 000

3. Tính nhanh :

a) 5 × 89 × 2 ; 19 × 20 × 5

b) 4 × 14 × 2 × 25 ; 12 × 5 × 4 × 2

c) 5 × 38 + 5 × 62 ; 41 × 9 + 9 × 59

4. Tính nhanh :

a) 99 × 98 + 98

b) 998 × 555 + 555 + 555

5. Hãy thay *x* bằng một số thích hợp để có :

a) 15 × x = 15 b) 12 × x = x.

uongxua.vn

Luyện tập

▲ **1.**

216	137	265	271
× 4	× 25	× 164	× 102

2.

a	3 748	685	3 092	957
b	5	14	24	346
a × b				

3. Tính nhanh :

72 × 11	72 × 88	86 × 77
61 × 11	61 × 77	93 × 44
89 × 11	89 × 66	48 × 55

Thí dụ : $72 \times 88 = 72 \times (11 \times 8) = (72 \times 11) \times 8$

$= 792 \quad \times 8 = 6336$

4. Tính bằng các cách khác nhau :

$(42 - 22) \times 16 \qquad\qquad (138 - 38) \times 24$

5. Một vườn ươm cây hình chữ nhật có chiều rộng bằng 146m, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính chu vi và tính diện tích của vườn ươm cây đó ?

6. Không thực hiện phép tính, hãy tìm x :

a) $x \times 12 = 12 \times 1993$;

b) $(x + 1952) \times 1995 = (1942 + 1952) \times 1995$.

● Phép chia

■ a)

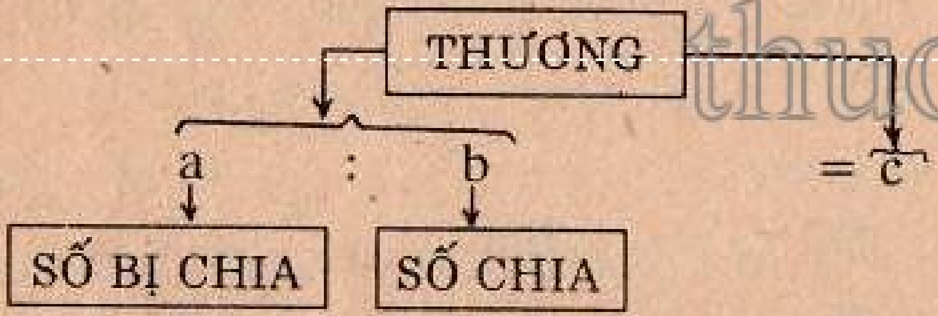

b) Số chia bằng 1 : $a : 1 = a$

Số bị chia bằng số chia : $a : a = 1 \quad (a > 0)$

Số bị chia bằng 0 : $0 : a = 0 \quad (a > 0)$

c) Trong phép chia có dư, số dư bé hơn số chia.

▲ **1.** a) Khi biết tích và một thừa số, muốn tìm thừa số kia thì làm thế nào ?

b) Không thực hiện phép chia, hãy viết ngay kết quả phép chia :

351 × 24 = 8424 　　　　596 × 307 = 182 972

8 424 : 24 = 　　　　182 972 : 596 =

8 424 : 351 = 　　　　182 972 : 307 =

c) Tìm x :

$16 \times x = 128$ 　　　　$x \times 14 = 70 + 210$.

2. Tính rồi thử lại :

750 | 6 　　　　1075 | 25 　　　　6448 | 104

3. Tính nhẩm :

a)	18 : 6	27 : 3	12 : 2	64 : 8
	32 : 8	49 : 7	36 : 6	25 : 5
	72 : 9	30 : 5	42 : 7	28 : 4
b)	24 : 2	66 : 6	96 : 3	250 : 10
	36 : 3	64 : 2	84 : 4	5 300 : 100
	28 : 2	63 : 3	60 : 2	129 000 : 1000

uongxua.vn

4. Chu vi hình vuông bằng 152m. Tính diện tích của hình vuông đó ?

5. Một ô tô đi được $\frac{1}{2}$ quãng đường và 64 km rồi còn phải đi $\frac{1}{4}$ quãng đường đó mới hết toàn bộ quãng đường. Tính thời gian ô tô đi hết toàn bộ quãng đường, biết rằng mỗi giờ ô tô đi được 32 km ?

6. Điền dấu phép tính thích hợp vào dấu * :

a) 600 : (12 × 5) = 600 * 12 * 5

b) 600 : 30 : 4 = 600 : (30 * 4)

Luyện tập

1. a) Trong phép chia hết, khi biết thương và số chia, muốn tìm số bị chia thì làm thế nào ?

b) Tìm x :

$x : 4 = 187$ $\qquad$ $x : 25 = 248 \times 4$

$x : 18 = 306$ $\qquad$ $x : 34 = 95 \times 15$

2. a) Trong phép chia hết, khi biết thương và số bị chia, muốn tìm số chia thì làm thế nào ?

b) Tìm x :

$144 : x = 6$ $\qquad$ $121\,212 : x = 288 : 24$

$824 : x = 4$ $\qquad$ $306\,306 : x = 2\,295 : 15$

3. $(107 + 93) : 100 \times 75 : 10$; $\qquad$ $180 : 18 \times 24 + 120 \times 24$

thuongmaitr

4. < = > ?

$340 : (17 \times 2)$ ☐ $340 : 17 : 2$

$24 \times (16 + 4)$ ☐ $24 \times 16 + 24 \times 5$

$540 : 3 : 18$ ☐ $540 : (18 \times 3)$

$82 \times (30 + 6)$ ☐ $82 \times 30 \times 6$

5. Hai đội thanh niên lên miền núi trồng rừng. Đội một có nhiều hơn đội hai 36 người. Biết rằng số người của đội hai bằng $\frac{1}{3}$ số người của đội một, hỏi cả hai đội có bao nhiêu người ?

6. Tính nhanh :

a) $7\,200 : 6 : 12$ $\qquad$ b) $1\,800 : 36$

● Luyện tập

▲ **1.** Tính rồi thử lại :

751 | 6   3557 | 25   8685 | 195

2.

a	25 075		36 024	812 754	299 700
b	25	24			370
a : b		103	12	54	

3. 1 029 − 986 : 34 × 21 ;   (25 915 + 3 550 : 25) : 71 ;

3 499 + 1 104 : 23 − 75 ;   (31 850 − 365 × 50) : 68.

4. Người ta đóng gói mì chính vào các túi, mỗi túi chứa 450 g mì chính. Hỏi có 23 kg mì chính thì đóng được nhiều nhất là bao nhiêu túi như thế và còn thừa bao nhiêu gam mì chính ?

uongxua.vn

5. Hai tổ sản xuất làm được 1 284 sản phẩm. Số sản phẩm của tổ một bằng $\frac{1}{3}$ số sản phẩm của tổ hai. Hỏi mỗi tổ làm được bao nhiêu sản phẩm ?

6. Tìm x : $9 \times x = 16 \times x$

● Luyện tập chung

▲ **1.** a) Viết tiếp vào chỗ chấm trong bảng sau :

Phép cộng	Phép nhân
1. $a + b = c$ 2 • $a + b = b + a$ • $(a + b) + ... = a + (b + c)$	1. $a \times b = c$ 2 • $a \times b = b \times ...$ • $(a \times b) \times c = ... \times (b \times c)$
• $(a + b) \times c = a \times ... + ... \times c$	
• $a + 0 = ... + a = a$	• $a \times 1 = ... \times a = ...$

b) Phép cộng và phép nhân (các số tự nhiên) có những tính chất nào giống nhau ?

2. a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

$$a \times 10 \times b = a \times b \times ...$$

$$a \times 25 \times 4 = a \times ...$$

$$18 \times 120 + 18 \times 80 = 18 \times (120 + ...)$$

$$360 \times 25 + 40 \times 25 = (360 + 40) \times ...$$

thuongmaitr

b) Tính nhanh :

$988 \times 69 + 12 \times 69$; $697 \times 29 + 29 \times 2 + 29$.

3. $3\ 526 + 4\ 975 + 286$; $54\ 321 - 21435 - 12\ 345$

$1\ 984 + 1\ 994 \times 8$; $8\ 609 - 609 \times 4$

$4\ 031 + 9\ 538 : 502$; $27\ 168 : 32 - 20\ 512 : 32$

4. Cả hai thùng đựng 64 *l* dầu. Thùng thứ nhất đựng nhiều gấp 3 lần thùng thứ hai. Hỏi mỗi thùng đựng bao nhiêu lít dầu ?

5. Một hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 48cm ; chiều rộng bằng $\frac{1}{5}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật đó ?

6. Hiện nay mẹ hơn con 28 tuổi. Sau 5 năm nữa thì tuổi mẹ sẽ gấp 3 lần tuổi con. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi ?

● Luyện tập chung

▲ **1.**

$64\,875 + 35\,209$	426×305
$19\,368 - 9769$	$72\,306 : 351$

2. Tìm x :

$x + 532 = 48 \times 23$	$x \times 42 = 708 + 846$
$x - 264 = 1\,456 : 52$	$x : 6 = 1\,995 - 369$

3. Tính nhẩm :

$20 \times 4 : 40$	$200 : 50 \times 15$
$48 \times 25 : (24 \times 5)$	$140 \times 32 : (300 + 20)$

uongxua.vn

4. Số dân ở Thái Bình năm 1989 là 1 632 000 người, trong đó cứ một nghìn người thì có 465 nam. Hỏi trong số dân của tỉnh Thái Bình năm đó có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ ?

5. Bạn Lan đi bộ từ nhà đến trường, mỗi phút đi được 84m thì hết 15 phút. Nếu bạn Lan đi xe đạp từ nhà đến trường, mỗi phút đi được 180m thì hết bao nhiêu phút ?

6. Không thực hiện phép tính, hãy so sánh giá trị hai biểu thức A và B, biết :

$$A = 1995 \times 1995$$

$$B = 1991 \times 1999.$$

4. ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

● Ôn tập về hình dạng

■ a) Hình chữ nhật ABCD có :

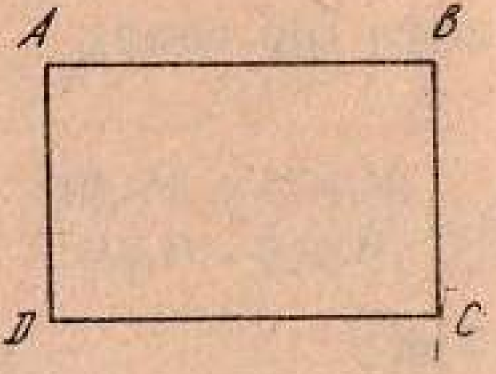

– Bốn góc vuông là góc A, góc B, góc C, góc D.

– Hai chiều dài bằng nhau (AB = CD) và hai chiều rộng bằng nhau (AD = BC) ;

– Hai chiều dài song song với nhau (AB song song với CD) và hai chiều rộng song song với nhau (AD song song với BC).

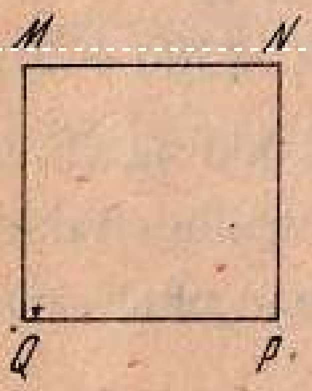

b) Hình vuông MNPQ có :

– Bốn góc vuông là góc M, góc N, góc P, góc Q ;

– Bốn cạnh bằng nhau (MN = NP = PQ = QM) ;

– Hai cạnh không có điểm chung thì song song với nhau (MN song song với PQ ; MQ song song với NP).

c) Hình vuông là hình chữ nhật đặc biệt mà chiều dài bằng chiều rộng.

d) Hình tứ giác có 4 góc vuông là hình chữ nhật.

e) Hình tứ giác có 4 góc vuông, 4 cạnh bằng nhau là hình vuông.

▲ **1.** Đọc và viết tên các đoạn thẳng, đường thẳng :

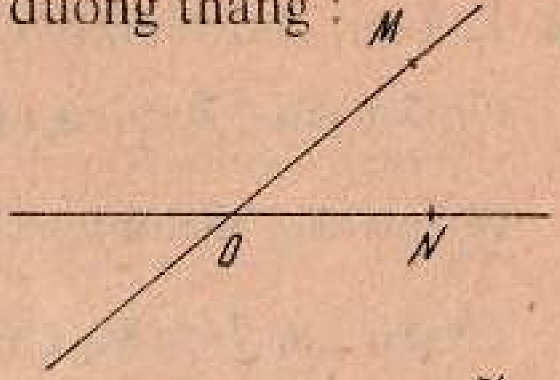

2. Đọc và viết tên đường thẳng và tia :

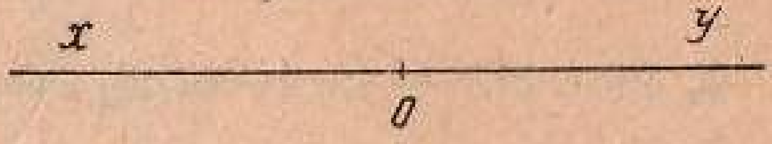

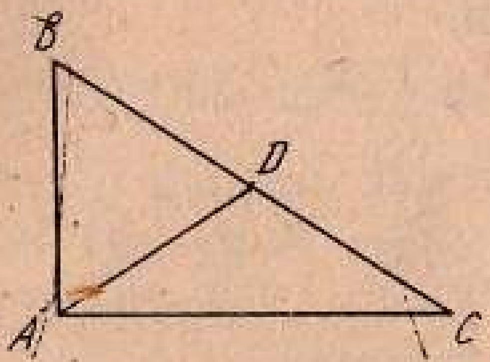

3. Trên hình vẽ bên có một góc vuông và các góc không vuông.

Hãy viết tên góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

4. Vẽ hình vuông có cạnh 3cm.

5. Vẽ hình chữ nhật có chiều dài 5cm và chiều rộng 4cm.

6. Viết tên tất cả các hình chữ nhật ở hình vẽ bên :

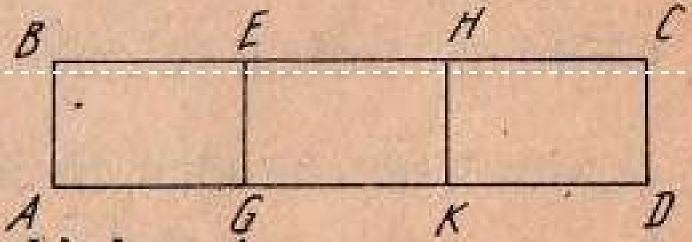

● Chu vi hình chữ nhật và hình vuông

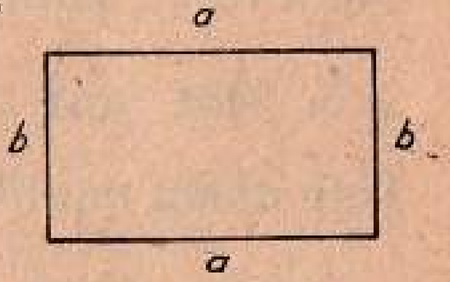

■ a) *Chu vi hình chữ nhật*

Muốn tính chu vi hình chữ nhật, ta lấy số đo chiều dài cộng số đo chiều rộng rồi nhân tổng đó với 2 (với cùng đơn vị đo).

$$P = (a + b) \times 2$$

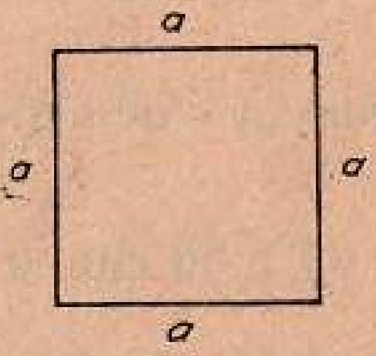

b) *Chu vi hình vuông*

Muốn tính chu vi hình vuông, ta lấy số đo một cạnh nhân với 4.

$$P = a \times 4$$

▲ **1.** Tính chu vi hình chữ nhật biết :

Chiều dài 12cm và chiều rộng 7cm ;

Chiều dài 38dm và chiều rộng 32dm ;

Chiều dài 74m và chiều rộng 47m.

2. Tính chu vi hình vuông biết cạnh là :

36mm ; 75cm ; 103dm ; 357m.

3. Tính chu vi hình chữ nhật biết :

Chiều dài 73m và chiều rộng 70dm ;

Chiều dài $\frac{1}{2}$ m và chiều rộng 32cm ;

Chiều dài 1m5cm và chiều rộng 8dm.

thuongmaitu

4. Một hình chữ nhật có chiều rộng 35m, chiều dài gấp 3 chiều rộng. Tính chu vi hình đó.

5. Một hình chữ nhật có chu vi 156m, chiều rộng 28m. Tính chiều dài hình đó.

6. Một hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 18m, như vậy chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài.

a) Tính chu vi hình chữ nhật.

b) Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật đó. Hãy tính cạnh hình vuông này.

● Diện tích hình chữ nhật và hình vuông

■ a) *Diện tích hình chữ nhật*

Muốn tính diện tích hình chữ nhật, ta lấy số đo chiều dài nhân với số đo chiều rộng (với cùng một đơn vị đo).

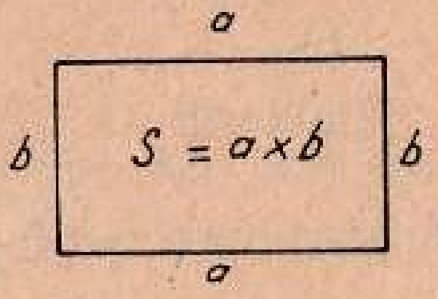

$$S = a \times b$$

b) *Diện tích hình vuông*

Muốn tính diện tích hình vuông, ta lấy số đo một cạnh nhân với chính nó.

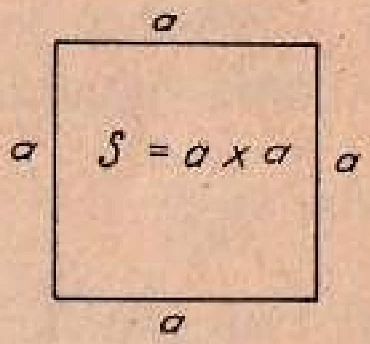

$$S = a \times a$$

uongxua.vn

▲ **1.** Tính diện tích hình chữ nhật biết :

Chiều dài 15cm và chiều rộng 7cm ;

Chiều dài 36dm và chiều rộng 27dm ;

Chiều dài 318m và chiều rộng 205m.

2. Tính diện tích hình vuông biết cạnh là :

13cm ; 123dm ; 305m

3. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật :

Chiều dài	Chiều rộng	Chu vi	Diện tích
34cm 128dm 317m	27cm 105dm 214m		

4. Tính chu vi và diện tích hình vuông :

Cạnh	5mm	67dm	107m
Chu vi Diện tích			

5. Một hình vuông có chu vi 136cm. Tính diện tích hình đó.

● Luyện tập

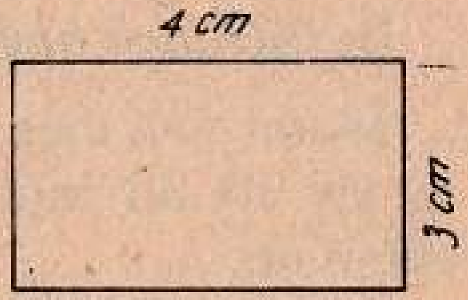

▲ **1.** Hình bên là hình vẽ thu nhỏ một mảnh vườn hình chữ nhật theo tỉ lệ xích $\frac{1}{1000}$.

a) Tính chu vi mảnh vườn đó bằng mét ;

b) Tính diện tích mảnh vườn đó bằng mét vuông.

2. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật :

Chiều dài	Chiều rộng	Chu vi	Diện tích
18dm	$\frac{1}{5}$ m		
450dm	37m		
5m5cm	52cm		

3. Một hình chữ nhật có chiều dài 357m và chiều rộng kém chiều dài 87m.

a) Tính chu vi hình đó ;

b) Tính diện tịch hình đó.

4. Một hình chữ nhật có chiều dài 405dm và chiều rộng bằng $\frac{1}{5}$ chiều dài.

a) Tính chiều rộng hình đó;

b) Tính chu vi hình đó .

5. Tính rồi điền kết quả vào ô trống :

Cạnh hình vuông	37dm		
Chu vi hình vuông		232mm	
Diện tích hình vuông			$64m^2$

6. Tính rồi điền kết quả vào ô trống :

Chiều dài	257dm	73m	
Chiều rộng	132dm		52cm
Chu vi hình chữ nhật			260cm
Diện tích hình chữ nhật		$2701m^2$	

uongxua.vn

5. ÔN TẬP VỀ GIẢI BÀI TOÁN (CÓ LỜI VĂN)

● Giải bài toán bằng nhiều phép tính

■ *Bài toán :* Một vườn trồng bắp cải gồm 8 luống nhỏ và 6 luống to. Mỗi luống nhỏ có 24 cây bắp cải. Mỗi luống to có số cây bắp cải gấp 2 lần số cây ở luống nhỏ. Hỏi vườn đó có tất cả bao nhiêu cây bắp cải ? (Giải bằng hai cách)

Bài giải

Cách thứ nhất

Số cây ở mỗi luống to là : $24 \times 2 = 48$ (cây)

Số cây ở 8 luống nhỏ là : $24 \times 8 = 192$ (cây)

Số cây ở 6 luống to là : $48 \times 6 = 288$ (cây)

Số cây bắp cải ở cả vườn là : $192 + 288 = 480$ (cây)

Đáp số : 480 cây bắp cải.

Cách thứ hai

Số luống nhỏ có số cây bằng số cây ở 6 luống to là :

$2 \times 6 = 12$ (luống nhỏ)

Nếu cả vườn chỉ có các luống nhỏ thì số luống nhỏ là :

$8 + 12 = 20$ (luống nhỏ)

Số cây bắp cải ở cả vườn là :

$24 \times 20 = 480$ (cây)

thuongmaitr

Đáp số : 480 cây bắp cải.

▲ **1.** Lớp 4A có 36 học sinh. Lớp 4B có nhiều hơn lớp 4A là 4 học sinh. Mỗi học sinh đều mua 1 thếp giấy, giá 1100 đồng. Hỏi cả hai lớp mua giấy hết bao nhiêu tiền ? (Giải bằng hai cách).

2. Lớp 4A có 33 học sinh và lớp 4B có 37 học sinh đi trồng cây. Cả hai lớp trồng được 280 cây. Biết rằng số cây mỗi học sinh trồng được là như nhau, hỏi :

a) Mỗi học sinh trồng được mấy cây ?

b) Mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây ?

3. Hai công nhân cùng sản xuất dụng cụ máy. Người thứ nhất làm trong 16 giờ, người thứ hai làm nhiều hơn người thứ

nhất 4 giờ nên sản xuất được nhiều hơn 20 dụng cụ. Biết rằng số dụng cụ của mỗi người làm được trong 1 giờ là như nhau, hỏi :

a) Mỗi người trong 1 giờ làm được mấy dụng cụ ?

b) Số dụng cụ làm được của mỗi người là bao nhiêu ?

4. Hiện nay mẹ 36 tuổi và gấp 4 lần tuổi con. Hỏi trước đây mấy năm, tuổi mẹ gấp 10 lần tuổi con ?

● Luyện tập

▲ **1.** Một nhà máy đặt kế hoạch dệt 1 700 000m vải trong năm nay. Nhà máy đã dệt được vượt mức kế hoạch là 300 000m vải. Tính ra năm nay số mét vải dệt được gấp 2 lần số mét vải dệt được trong năm ngoái.

uongxua.vn

Hỏi trong hai năm, trung bình mỗi tháng nhà máy dệt được bao nhiêu mét vải ?

2. Chị mua 36kg gạo ; giá 1800 đồng 1kg. Chị đưa 4 tờ giấy bạc loại 20 000 đồng. Hỏi người bán gạo phải trả lại cho chị bao nhiêu tiền ?

3. Một người trong hai ngày bán được 350kg cam, ngày đầu bán được 8 sọt cam, ngày sau bán được 6 sọt cam. Tính số tiền cam bán được trong mỗi ngày, biết 1kg cam giá 3500 đồng và số kilôgam cam ở mỗi sọt đều như nhau.

4. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng là 50m và chiều dài gấp đôi chiều rộng. Người ta cấy lúa ở đó, tính ra cứ $100m^2$ thu hoạch được 50kg thóc.

Hỏi đã thu được ở thửa ruộng đó bao nhiêu tạ thóc ?

5. Cho một số tự nhiên. Viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số đó, được số mới lớn hơn số đã cho là 378 đơn vị. Tìm số tự nhiên đã cho.

● Giải bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận và đại lượng tỉ lệ nghịch

■ *Bài toán :* Một bếp ăn nấu cơm cho 18 người hết 4kg500g gạo. Hỏi nấu cho 54 người ăn thì hết bao nhiêu kilôgam gạo nếu ăn với mức như thế ?

Tóm tắt : 18 người : 4kg500g = 4500g gạo

54 người : ? kg gạo

Bài giải

(Phương pháp rút về đơn vị)	*(Phương pháp dùng tỉ số)*
Mỗi người ăn hết số gạo là :	54 người gấp 18 người số lần là :
4500 : 18 = 250 (g)	54 : 18 = 3 (lần)
54 người ăn hết số gạo là :	54 người ăn hết số gạo là :
250 × 54 = 13 500(g)	4500 × 3 = 13 500(g)
hay 13kg500g	hay 13kg500g
Đáp số : 13kg500g.	*Đáp số :* 13kg500g.

▲ **1.** Dệt 150m vải hết 9kg sợi. Hỏi dệt 900m vải loại đó hết bao nhiêu kilôgam sợi ?

2. Muốn tiện xong một số lượng chi tiết máy, nếu dùng 40 máy tiện thì mất 11 giờ. Hỏi phải dùng bao nhiêu máy tiện để chỉ cần 8 giờ đã tiện xong ? (năng suất các máy như nhau)

3. Có một khối lượng gạo đủ cho 14 người ăn trong 9 ngày. vì số người thực ăn đông hơn dự kiến nên số gạo đó chỉ đủ ăn trong 3 ngày. Tính số người thực ăn.

thuongmaitr

4. Đi từ A đến B, nếu đi xe đạp mỗi giờ 12km thì hết 4 giờ. Nếu đi bằng xe máy, mỗi giờ đi được 24km thì hết mấy giờ ?

5. Một người đi từ A đến B, nếu đi bằng xe máy, mỗi giờ đi được 30km thì mất 3 giờ. Nếu đi bằng ôtô, mỗi giờ đi được 45km thì mất mấy giờ ?

● Giải bài toán tìm hai số biết tổng (hay hiệu) và tỉ số của hai số đó

■ *Bài toán 1 :* Lớp 4 và lớp 5 trồng được tất cả 232 cây. Số cây lớp 5 trồng được gấp 3 lần số cây của lớp 4. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây ?

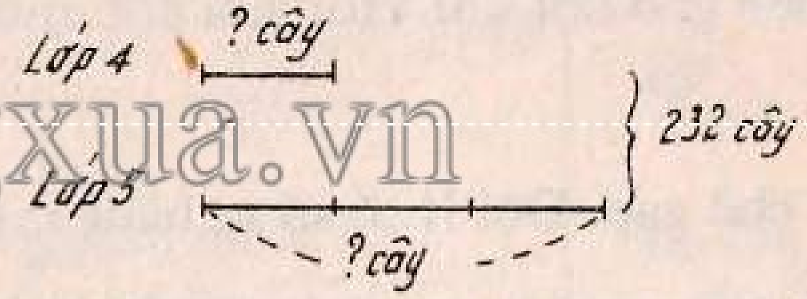

truongxua.vn

Bài giải

232 cây gấp số cây của lớp 4 số lần là :

1 + 3 = 4 (lần)

Số cây của lớp 4 là : 232 : 4 = 58 (cây)

Số cây của lớp 5 là : 58 × 3 = 174 (cây)

Đáp số : 58 cây ; 174 cây.

Bài toán 2 : Lớp 4 và lớp 5 trồng cây. Số cây của lớp 4 trồng được ít hơn số cây của lớp 5 là 116 cây và bằng $\frac{1}{3}$ số cây của lớp 5. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây ?

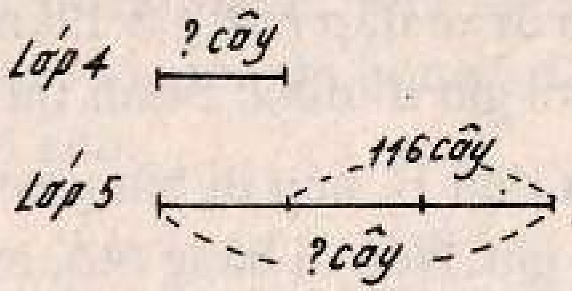

Bài giải

116 cây gấp số cây của lớp 4 số lần là :

$$3 - 1 = 2 \text{ (lần)}$$

Số cây của lớp 4 là : $116 : 2 = 58$ (cây)

Số cây của lớp 5 là : $58 \times 3 = 174$ (cây)

Đáp số : 58 cây ; 174 cây.

▲ **1.** Mẹ Lan mua gạo hai đợt hết 78 000 đồng. Số tiền gạo đợt đầu gấp đôi số tiền gạo đợt sau. Hỏi mỗi đợt mua gạo hết bao nhiêu tiền ?

thuongmaitr

2. Hai đội xe ô tô chở gạo. Đội II có số xe bằng $\frac{1}{4}$ số xe của đội I nên chở được ít hơn đội I là 24 tấn gạo. Biết sức chở của mỗi xe là như nhau, hỏi mỗi đội xe chở được bao nhiêu tấn gạo ?

3. Mẹ mua 20 kg gạo trong đó khối lượng gạo nếp bằng $\frac{1}{3}$ khối lượng gạo tẻ. Giá tiền mỗi kilôgam gạo tẻ là 1800 đồng, gạo nếp là 3 500 đồng. Hỏi mẹ phải trả tất cả bao nhiêu tiền ? .

4. Cho một số tự nhiên. Viết thêm một chữ số vào bên phải số đó, được số mới lớn hơn số đã cho là 383 đơn vị. Tìm số đã cho và chữ số đã viết thêm.

● Giải bài toán tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó

■ *a) Các cách giải*

Cách thứ nhất : Tìm trước số bé = (tổng – hiệu) : 2

Cách thứ hai : Tìm trước số lớn = (tổng + hiệu) : 2

b) Bài toán : Lớp có 40 học sinh, trong đó số bạn nam nhiều hơn số bạn nữ là 4 bạn. Hỏi lớp có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ ?

Bài giải

Cách thứ nhất

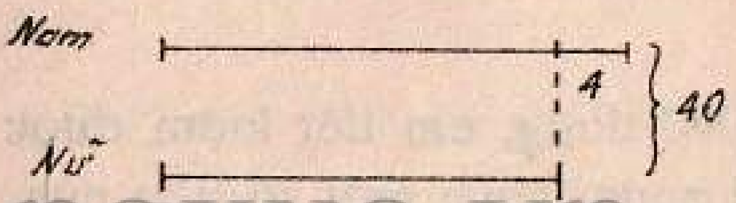

ruongxua.vn

Hai lần số bạn nữ là :
40 – 4 = 36 (bạn)
Số bạn nữ là :
36 : 2 = 18 (bạn)
Số bạn nam là :
18 + 4 = 22 (bạn)
Đáp số : 18 bạn nữ,
22 bạn nam.

Cách thứ hai

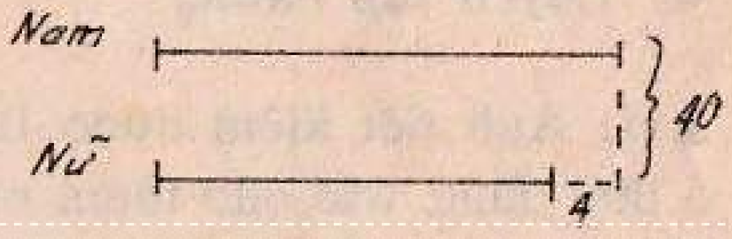

Hai lần số bạn nam là :
40 + 4 = 44 (bạn)
Số bạn nam là :
44 : 2 = 22 (bạn)
Số bạn nữ là :
22 – 4 = 18 (bạn)
Đáp số : 22 bạn nam,
18 bạn nữ.

▲ **1.** Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng kém chiều dài 32m và có chu vi là 844m. Tính diện tích của thửa ruộng đó.

2. Tìm hai số biết rằng tổng của chúng bằng số lớn nhất có ba chữ số và hiệu của chúng bằng số lớn nhất có hai chữ số.

3. Tổng của hai số tròn chục liên tiếp là 270. Tìm hai số đó.

4. Hai anh em tiết kiệm được tất cả là 47 500 đồng. Em mới có thêm 4500 đồng, nên số tiền tiết kiệm của em nhiều hơn của anh là 2000 đồng. Hỏi số tiền tiết kiệm hiện nay của mỗi người là bao nhiêu ?

5. Một người mua dầu hỏa hết 42 500 đồng, giá 2 500 đồng 1 lít, đựng vào 1 can to và 1 can nhỏ. Hỏi mỗi can đựng được bao nhiêu lít dầu biết rằng can to đựng được nhiều hơn can nhỏ là 3 lít ?

● **Luyện tập chung**

▲ 1. Anh tiết kiệm được 19 000 đồng, em tiết kiệm được 5 000 đồng. Mẹ cho thêm mỗi người cùng một số tiền nữa, tính ra sau khi mẹ cho thì số tiền của anh gấp 3 lần số tiền của em. Hỏi mẹ cho thêm mỗi người bao nhiêu tiền ?

2. Một hộ gặt lúa ở hai thửa ruộng có diện tích là $394m^2$ và $506m^2$, thu được 50kg trên $100m^2$. Đem số thóc đó xay sát thành gạo, cứ 3kg thóc được 2kg gạo. Hỏi hai thửa ruộng đó cho bao nhiêu kilôgam gạo ?

3. Vườn trường em hình chữ nhật có chiều dài hơn hai lần chiều rộng là 4m nhưng lại ít hơn ba lần chiều rộng là 11m. Tính diện tích của vườn trường.

4. Người ta thu hoạch lúa ở một thửa ruộng hình vuông cạnh 40m và một thửa ruộng hình chữ nhật có diện tích bằng nửa diện tích thửa ruộng hình vuông ; cứ $100m^2$ thu được 50kg thóc khô.

Tính số tiền thóc bán được nếu 1kg thóc giá 1100 đồng.

5. a) Thay các chữ a, b bằng các chữ số thích hợp :

$$\begin{array}{r} a\,b\,0 \\ -\quad a\,b \\ \hline 3\,7\,8 \end{array} \qquad\qquad \begin{array}{r} a\,b\,0 \\ +\quad a\,b \\ \hline 6\,2\,7 \end{array}$$

b) Hiệu hai số bằng 378. Số lớn là số tròn chục có ba chữ số. Xóa chữ số 0 tận cùng ở số lớn sẽ có số bé. Tìm các số đó.

c) Tổng hai số bằng 627. Số bé có hai chữ số. Thêm một chữ số 0 vào bên phải số bé, sẽ được số lớn. Tìm các số đó.

uongxua.vn

MỤC LỤC

Trang

Chương một

ÔN TẬP BỐN PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 1000

- Phép cộng 3
- Phép trừ 4
- Phép nhân 5
- Phép chia 6
- Biểu thức có chứa một chữ 7
- Tìm thành phần chưa biết của phép tính 9
- Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức 11
- Giải các bài toán hợp 12

Chương hai

SỐ TỰ NHIÊN – ĐO ĐỘ DÀI, KHỐI LƯỢNG VÀ THỜI GIAN

1. Số có nhiều chữ số 14
- Nghìn – Chục nghìn (vạn) – Trăm nghìn 14
- Đọc, viết các số tròn nghìn đến 999 nghìn 16
- Hàng và lớp. Đọc, viết các số có 6 chữ số 19
- Triệu và lớp triệu 21
- Đọc, viết các số có nhiều chữ số 24

thuongmaitr

2. Số tự nhiên 28
- Dãy số tự nhiên 28
- Hệ thập phân.
  Biểu diễn các số tự nhiên trong hệ thập phân 30
- So sánh và xếp thứ tự các số tự nhiên 32
- Thêm hoặc bớt chữ số 0 ở bên phải số tự nhiên 34
- Giới thiệu chữ số La Mã và cách ghi số La Mã 37

3. Đo lường 38
- Bảng đơn vị đo độ dài 38
- Đo khối lượng – Yến, tạ, tấn 40
- Bảng đơn vị đo khối lượng 41
- Đo thời gian – Giây, thế kỉ 43

4. Biểu đồ 46
- Biểu đồ hình đoạn thẳng 46
- Biểu đồ hình cột 48

uongxua.vn

Chương ba

BỐN PHÉP TÍNH VỚI CÁC SỐ TỰ NHIÊN – HÌNH HỌC

1. Phép cộng 51
- Cộng hai số có nhiều chữ số 51
- Biểu thức có chứa hai chữ 53
- Tính chất giao hoán của phép cộng 55
- Biểu thức có chứa ba chữ 56
- Tính chất kết hợp của phép cộng 58
- Tổng của nhiều số 60
- Tìm số trung bình cộng 62

2. Phép trừ 66
- Trừ hai số có nhiều chữ số 66
- Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó 69
- Luyện tập về tính giá trị biểu thức số 72
- Đoạn thẳng. Đường thẳng Tia 76
- Góc vuông. Góc bẹt. Góc nhọn. Góc tù 78
- Hình chữ nhật 80
- Hình vuông 82
- Hai đường thẳng vuông góc 83
- Hai đường thẳng song song 84
- Vẽ hai đường thẳng vuông góc. Vẽ hai đường thẳng song song 86

3. Phép nhân 89
- Nhân với số có một chữ số 89
- Tính chất giao hoán của phép nhân 91
- Tính chất kết hợp của phép nhân 92
- Tích các số có tận cùng bằng chữ số 0 94
- Một số nhân với một tổng. Một số nhân với một hiệu 95
- Chu vi 97
- Chu vi hình chữ nhật 98
- Chu vi hình vuông 99
- Nhân với số có hai chữ số 101
- Nhân nhẩm với 11. Nhân nhẩm với 9 103
- Nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 104
- Nhận với số có ba chữ số 106

thuongmaitr

4. Phép chia
- Chia cho số có một chữ số. Phép chia hết 111
- Phép chia có dư 114
- Thương có chữ số 0 116
- Một số chia hết cho một tích 118
- Thương của các số tận cùng bằng chữ số 0 120
- Chia cho số có hai chữ số 121
- Chia cho số có ba chữ số 127
- Diện tích của một hình 131
- Xentimet vuông – Đêximet vuông 133
- Milimet vuông – Mét vuông 134
- Diện tích hình chữ nhật 136
- Diện tích hình vuông 138

uongxua.vn

Chương bốn

PHÂN SỐ – TỈ SỐ – CÁC BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ

1. Phân số. Tỉ số 141
- Phân số 141
- Phân số và phép chia số tự nhiên 144
- Phân số bằng nhau 146
- So sánh phân số có mẫu số bằng nhau 148
- Tỉ số 149
- Vẽ thu nhỏ đoạn thẳng trên giấy 151
- Gióng và đo đoạn thẳng trên mặt đất 152

2. Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó 154
- Bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó 154

3. Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó 160

- Bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó 160

4. Toán về đại lượng tỉ lệ thuận và tỉ lệ nghịch 166

- Ví dụ về đại lượng tỉ lệ thuận 166
- Bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận 168
- Ví dụ về đại lượng tỉ lệ nghịch 171
- Bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch 173

Chương năm

ÔN TẬP CUỐI NĂM

1. Ôn tập về số tự nhiên 177
2. Ôn tập về đo lường 183
3. Ôn tập về các phép tính 189
4. Ôn tập về hình học 202
5. Ôn tập về giải bài toán (có lời văn) 207

thuongmaitr

ruongxua.vn

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4

Năm học 1995 - 1996

1. Tiếng Việt, tập 1	tái bản
2. Tiếng Việt, tập 2	tái bản
3. Tập viết, tập 1	tái bản
4. Tập viết, tập 2	tái bản
5. Toán	tái bản
6. Đạo đức	tái bản
7. Truyện kể lịch sử	tái bản
8. Hát - Nhạc	tái bản
9. Mĩ thuật	tái bản
10. Lao động kĩ thuật	tái bản
11. *Truyện đọc*	tái bản
12. *Vở bài tập tiếng Việt, tập 1*	tái bản
13. *Vở bài tập tiếng Việt, tập 2*	tái bản
14. *Vở bài tập Toán, tập 1*	tái bản
15. *Vở bài tập Toán, tập 2*	tái bản
16. *Khoa học thường thức* (cho các tỉnh phía Nam)	tái bản

thuongmaitruongxua.vn

TOÁN 4 in : 100.000 cuốn (Mã số : 1 H 413 t5)
Số đăng ký : 61B GK/GD Khổ : 14,5x20.5 cm
In và đóng xén tại : CÔNG TY XNK NGÀNH IN TP. (PRIMEXCO)
391A Trần Hưng Đạo Quận 1
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 1995

Giá : 4.800đ